

THÁNG 8 NĂM 1971

BACH KHOA

năm mười lăm

VŨ HẠNH văn hóa và «mạo hóa» * TỪ TRÌ Maroc,
một thí nghiệm của đệ tam thế giới * HUỖNH HỮU
ỦY cách đây 86 năm : biển cỡ 5-7-1885 ngày thất thủ
kinh thành Huế * TRẦN VĂN TÍCH đường lên cung
Quảng * VÕ THỊ THANH ROON nợ Vu sơn với
phép nhịn ăn * NGUYỄN TRỌNG VĂN mùa thi,
Nha-trang * GEORGES E. GAUTHIER Phạm Duy :
một nghệ thuật khúc điệu — nói về màu sắc địa
phương * PHAN DU về quê * NGUYỄN MỘNG
GIÁC qua cầu gió bay * TƯỜNG LINH vang bóng
* PHẠM THIÊN THƯ động hoa vàng * SINH

HOẠT thời sự khoa học

* thời sự văn nghệ

* thời sự thế giới

350

BÁCH KHOA

Số 350 ngày 1-8-1971

VŨ HẠNH <i>văn hóa và «mạo hóa»</i>	9
TỪ TRÍ <i>Maroc, một thí-nghiệm của đê-tam thế-giới</i>	15
HUYỀN HỮU ỦY <i>cách đây 86 năm : Biên cố 5-7-1885 (23 tháng 5 Ất Dậu) ngày thất thủ kinh thành Huế.</i>	23
TRẦN VĂN TÍCH <i>đường lên cung Quảng</i>	31
VÕ-THỊ THANH-ROÒN <i>nợ vu sơn với phép nhịn ăn</i>	37
NGUYỄN TRỌNG VĂN <i>mùa thi, Nha-trang</i>	43
GEORGES ÉTIENNE GAUTHIER <i>Phạm Duy : một nghệ thuật khúc điệu — Nói về màu sắc địa phương (THU THỦY dịch)</i>	53
PHAN DU <i>về quê (truyện).</i>	59
NGUYỄN MỘNG GIÁC <i>qua cầu gió bay (truyện)</i>	69
TƯỜNG LINH <i>vang bóng (thơ).</i>	76
PHẠM THIÊN THƯ <i>động hoa vàng (thơ)</i>	77

SINH HOẠT

TỪ TRÍ <i>thời sự thế giới</i>	79
TRĂNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 50đ Công sở : 100đ
Cao-Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Triết lý cái đĩnh của Kim Định** do Nguồn Sáng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm có: Triết lý cái đĩnh, Triết lý cái pháo, Triết lý những con số v.v... và Bốn chặng huyền sử nước Nam cùng phụ trương, phụ lục và nhiều bản đồ. Giá 200đ.

— **Nhân bản của Kim Định** do Thanh-Bình xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 322 trang gồm 10 chương và chương Tổng kết, in lần thứ 2, có sửa lại cho rõ, thêm nhiều chữ nhỏ, và thêm 2 chương 6 và 10. Giá 325đ.

— **Hương sắc trong vườn văn** của Nguyễn Hiến Lê do Thanh Tân xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách tái bản dày 430 trang, gồm 14 chương từ: Ốc thềm mỹ, văn hùng tráng, văn ba lan» đến «Cảnh vật trong văn, Tình, Lý, Sự thực trong văn,...» và cảm thông với cái Đẹp. Bản đặc biệt.

— **Thư ngỏ gửi tuổi đôi mươi** nguyên tác *Lettre ouverte à un jeune homme sur la conduite de la vie* của André Maurois, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, do nhà xuất bản Nguyễn Hiến Lê ấn hành và dịch giả gửi tặng. Sách tái bản đã sửa chữa, dày 180 trang, có phụ lục: Thư ngỏ của Alain Mesnard gửi A. Maurois. Giá 180đ.

— **Như cánh chim bay** truyện dài

của Võ Hồng do Lá Bối xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm xuất bản thứ 14 của Võ Hồng cũng là tập 2 trong Bộ trường thiên tiểu thuyết của tác giả dày 382 trang. Bản đặc biệt. Giá bản thường 380đ.

Những cuộc tự sát tập thể của Minh Hương, do Alpha xuất bản trong tủ sách khoa học cho tuổi trẻ, và tác giả gửi tặng. Sách dày 94 trang là cuốn thứ 2 trong bộ «khả năng kỳ diệu của loài vật» gồm trên 10 bài về đời sống của các loài vật khác nhau với rất nhiều hình ảnh và hình vẽ. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

Đời sống hôn nhân hoàn hảo nguyên tác của Bác sĩ H. Van de Velde (Hòa-lan), bản dịch của Nam Chi Vũ-đình Lý, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 350 trang nghiên cứu về sinh lý học và kỹ-thuật đời sống hôn nhân (về tính dục, về tính giao v.v...) gồm 4 phần 17 chương và nhiều hình vẽ. Bản đặc biệt. Giá 350đ.

Thuật huấn cán của Hoàng Xuân Việt do Tủ sách xã hội xuất bản và gửi tặng. Sách dày 170 trang gồm 26 chương trình bày thuật đào tạo cán bộ các ngành các cấp có phụ lục 50 danh ngôn tư tưởng cán bộ. Giá 180đ.

Nhu cầu chung của con người nguyên tác «Common human needs» của Charlotte Towle, bản dịch của Vũ-thị Kim-Lan, do Trường Công tác xã hội xuất bản và gửi tặng. Sách dày 202 trang gồm 3 phần, 7 chương. Giá 220đ.

Văn - hóa và mạo - hóa

*Thuyết trình tại trụ sở Bút Việt 107, Đoàn thị Điểm,
Saigòn hồi 10 giờ sáng chủ nhật 25-7-1971.*

Vào khoảng năm năm trước đây, khi văn hóa dân tộc được phát động thành phong trào, số người chống đối đã nêu lên những lập luận như sau :

1— Văn hóa dân tộc là chuyện cũ kỹ, làm cảm, không có giá trị thực tế.

2— Phát huy văn hóa dân tộc thì cứ việc làm nhưng đừng chỉ trích mạnh mẽ ai cả, cũng đừng đả kích quyết liệt văn hóa ngoại lai. Cái gì không hợp với cảm quan dân tộc thì để tự nhiên sớm muộn sẽ bị đào thải.

3— Văn hóa dân tộc là một mưu đồ chánh trị của các phe nhóm, ta cần xa lánh, đề phòng. Đừng mang chánh trị, luân lý vào trong văn hóa.

Đại khái lập luận của kẻ chống đối hay người thờ ơ đều nằm trong ba điểm ấy. Ngày nay, năm năm đã qua, những người có lập luận ấy hẳn có thêm nhiều thì giờ để thấy rõ hơn những chỗ sai, đúng của mình. Nếu phải đặt lại vấn đề văn hóa dân tộc lên thăm, bây giờ, là vì xét trên thực tế đất nước vấn đề ấy còn nguyên vẹn giá trị của nó, và chừng nào dân tộc ta còn bị đe dọa bởi những thế lực bên ngoài thì vấn đề ấy vẫn còn là một kêu đòi giải quyết hợp thời, khẩn trương.

Văn hóa cũng như dân tộc đều là thực tại biến động không ngừng, là

những sức sống luôn luôn được hiện đại hóa nên chẳng bao giờ là xưa cũ được. Dù có quay lại phục hồi những giá trị cổ của dân tộc ta thì đó có phải là làm cảm không ? Trước hết hãy xét phục hồi để làm gì, rồi mới có thể phê phán. Và đứng trên quan điểm nào phê phán ? Quan điểm của kẻ coi chuyện văn hóa là đồ trang trí ? Quan điểm của bọn nô lệ mọi thứ giá trị ngoại bang ? Quan điểm của kẻ bảo thủ khư khư ôm mớ đồ xưa, những kẻ tự coi như mình đứng trên hết mọi sinh hoạt, ra ngoài mọi cuộc tranh chấp ?

Những kẻ ngăn chặn, chỉ trích như thế hẳn là không hiểu được gì về những giá trị truyền thống của giống nòi mình, ngoài chút kiến thức vụn vặt lượm trong sách vở Tây phương. Một phần, cũng không phải lỗi ở họ. Lớp người đi trước và những người hữu trách về văn hóa hiện nay không chịu bỏ công sưu tầm những giá trị văn hóa cổ phong phú của dân tộc giúp cho họ thấy chúng ta quả có một gia-sản quý và đáng tự hào. Nếu không làm được việc ấy, ít nhất cũng nên gây một niềm tin hợp lý để khuyến khích họ tìm tòi. Chỉ đọc một quyển Văn-minh miệt vườn, dù ông Sơn Nam mới viết sơ lược, ta cũng thấy được bao điều kỳ thú về những nếp sống của đồng bào ta ở đồng bằng sông Cửu Long. Chỉ nghe những sưu tập trong đội năm của ông Nguyễn văn

Xuân về các tuồng cổ, chúng ta cũng đã kinh ngạc về cái khả năng kịch nghệ của ông bà mình. Thực ra, chúng ta không rành chữ nôm làm sao biết được những giá trị văn hóa xưa còn có những gì. Cứ tưởng ngoài các truyện Kiều, Cung oán, Chinh phụ ngâm là không còn có gì nữa. Ta lại ghét khó, chuộng dễ, mà chuyện lội ngược thời gian tìm những di tích đã bị dập vùi là một công trình gian nan đòi hỏi kiến thức, phương pháp, bao nhiêu đức tính tinh thần. Người ta ca ngợi vở Oklahoma của Huê Kỳ diễn suốt 6, 7 năm liền trong nước, ngoài nước, nhưng lại quên rằng vở tuồng San Hậu của ta ra đời trên cả trăm năm mà được trình diễn không ngừng, và đến ngày nay chỉ cần đánh một tiếng trống là đã kéo tới hàng ngàn, hàng vạn người xem. Người ta khen lối làm việc công phu của nhiều tác giả nước ngoài mà quên hẳn rằng có những công trình — chẳng hạn Vạn Bửu Trình Trường — từ tiền chúng ta đã đề ra cả thế kỷ soạn thảo, tiếp nối đời này, đời khác bỏ tức không ngừng. Đâu phải chỉ ở nước ngoài mới có các công trình văn nghệ dài hơi? Ở Việt nam ta, vở tuồng Tam Quốc muốn diễn cho trọn phải mất một trăm mấy chục đêm liền. Đó là chưa nói kỹ thuật sáng tác, diễn xuất của ta có những nét riêng sẽ làm cho nền kịch nghệ hiện thời khởi sắc bao nhiêu, nếu được nghiên cứu, phát huy đúng mức. Ông Nguyễn Văn Xuân có viết: «Khi nền kịch nghệ ngày xưa của ta bắt đầu đi xuống ở trong rục rịch, huy hoàng thì nền kịch nghệ Hoa kỳ mới bắt đầu lên». Và nếu kịch nghệ

của ta cứ chìm đắm mãi, là lỗi của cả chúng ta.

Đó chỉ mới là những sự phát hiện lẻ tẻ của vài cá nhân, trong thời hạn ngắn, khi họ thừa dịp rảnh rỗi quay về dĩ vãng. Nếu sự quay về được đông đảo hơn, được dài ngày hơn, với những phương pháp, phương tiện hữu hiệu thì sự thấu hoạch sẽ lớn lao biết chừng nào. Nhưng nếu những người hời hợt có thể nghĩ rằng nền văn hóa cổ của ta thật là vô nghĩa thì cũng có kẻ chủ tâm chỉ trích, phủ nhận với cái dụng ý mở đường để mà đón tiếp văn hóa ngoại lai. Người ta sẽ thấy kiêu hãnh khi biết là mình làm chủ những giá trị lớn, nhưng khi mang cái mặc cảm trống rỗng, thiếu thốn thì dễ qui phục những thế lực đến từ ngoài.

Tương phải nhắc lại vấn đề văn hóa dân tộc đã được đặt ra, vì nó đang bị đe dọa bởi những thế lực văn hóa ngoại lai, điều đó ai cũng thấy rõ, trừ những kẻ nào không chịu muốn thấy. Khởi lên vấn đề văn hóa vì có nhiều những hoạt động phản lại văn hóa, nêu lên danh nghĩa dân tộc vì có nhiều những hoạt động phản lại dân tộc. Người ta dễ hiểu vì sao hiện nay nước Pháp, nước Mỹ không đặt vấn đề văn hóa dân tộc mà các nước ở Á-Phi, nhất là ở Phi Châu lại đặt vấn đề văn hóa dân tộc, phục hồi nền văn minh cổ một cách tích cực. Dù sao đi nữa cái sự tích cực của họ không thể sánh với tích cực của ta, và sự khần trượng của họ không sao bì được với sự khần trượng của ta. Vì cái hoàn cảnh mà dân tộc ta hiện đang lâm vào là cái hoàn cảnh đặc biệt, duy nhất, chưa từng được thấy từ thời nhân loại biết

đền chiến tranh cho tới ngày nay. Đền mặc cho các sản phẩm ngoại lai tràn ngập, với niềm tin tưởng nó được tự nhiên đào thải nếu không hợp với cảm quan dân tộc, là một ngộ nhận quái đản. Bởi các thể lực văn hóa ngoại lai đi vào xứ ta không phải trên một tương quan bình đẳng mà trên một thể cưỡng chế. Cứ ngồi yên đó mà nhìn rớt cuộc cái gì tốt đẹp của ta sẽ bị đào thải để rước lấy những cái xấu của người. Tự nhiên chủ nghĩa là vô trách nhiệm, là sự đầu hàng, đồng lõa, khoác lên cái lối triết học ung dung. Thực sự làm gì có chuyện tự nhiên đào thải, theo nghĩa buông xuôi như thế? Sự đào thải nào cũng được thực hiện qua các phản ứng. Phản ứng ôn hòa hay quyết liệt đều là cách thể tùy theo trường hợp đối tượng. Không thể căn cứ ở cái mức độ phản ứng mà đòi xóa bỏ phản ứng.

Người ta còn đi xa hơn trong sự lầm lạc khi bảo rằng « nhiều giá trị ta coi như của riêng ta thì trăm năm trước hay ngàn năm trước đã do nước ngoài đưa vào và đã từng làm nhiều người bỡ ngỡ, tức tối », vậy khuyên đừng có « uồng công » chống đối. Nhưng ta có chống mọi thứ giá trị ngoại lai hay không? Ngày nay chẳng ai ngây ngô đến mức nghĩ rằng dân tộc là một thực thể hoàn toàn biệt lập, văn hóa là một sản phẩm thuần túy địa phương, đến một em bé cũng biết trao đổi dân tộc, giao lưu văn hóa là điều tất nhiên và rất cần thiết cho mọi tập thể sinh tồn. Chúng ta đâu có điên rồ chống đối văn hóa ngoại lai? Chúng ta chỉ chống cái gì đòi trụ

trong các sản phẩm của văn hóa ấy, chống lại cái gì làm nguy hại đến sinh tồn dân tộc. Chúng ta phân biệt rõ ràng những thành quả của dân tộc các nước về mặt văn hóa, với những thủ đoạn nằm trong chính sách đối ngoại của những nước ngoài về mặt văn hóa đối với chúng ta. Điều đó ai cũng nhận biết, lịch sử dân tộc chúng ta cũng đã nói lên đầy đủ lắm rồi. Quyết liệt chống lại phong kiến Trung-hoa xâm lược nhưng ta học hỏi Hán văn, thuộc lòng Đường thi, tôn thờ Khổng-tử, không đội trời chung với thực dân Pháp nhưng ta tìm hiểu Descartes, ca ngợi Voltaire, mến phục Hugo, chúng ta phản đối sản phẩm sa đọa của văn hóa Mỹ, nhưng tác phẩm của London, tài năng Hemingway, cuộc đời của Lincoln vẫn chiếm tình cảm chúng ta. Nếu quả có những giá trị từ ngoài nhập vào ban đầu đã làm cho ta bức tức, nhưng sau thành của riêng ta, thì cũng không thể vì vậy mà kết luận rằng bức tức là việc uồng công. Tại sao không nhận định rằng bức tức, phản đối từ đầu là những phản ứng hợp lý của một bản năng tự vệ trước những thể lực ngoại nhập? Tại sao không nghĩ nếu không có những phản ứng như thế các giá trị kia chắc gì đã được sửa đổi cho hợp với nhu cầu dân tộc?

Đặt vấn đề như vậy còn không hợp lý ở điểm đã tách nó khỏi môi trường để mà suy luận. Trải qua lịch sử dân tộc, nhiều nền văn hóa ngoại lai đã đến xứ ta bằng một thể lực đàn áp, và trước khi bị bắt buộc

lựa chọn, ta phải chống đối là lẽ dĩ nhiên. Cụ Nguyễn Đình Chiểu không giặt xà phòng, không học quốc ngữ, không đi trên đường cái quan vì cho rằng những thứ ấy là của giặc Pháp bày ra, nhưng không kẻ nào có chút lương tri dám chê bai cụ đã quá cố chấp. Bởi đó chính là biểu lộ của lòng căm thù cao độ, và lòng căm thù cao độ là cái lý tưởng đẹp nhất của mọi con người sống dưới nanh vuốt kẻ thù mà còn biết đến tủ nhục.

Dù muốn hay không, văn hóa mặc nhiên bao hàm luân lý, chính trị. Nếu ta thừa nhận dân tộc nào cũng đạo đức, xét trên căn bản, thì nền văn hóa biểu thị sinh hoạt của dân tộc ấy tất cũng dựa trên cơ sở đạo đức đề tồn tại và phát triển. Và nếu ta không quan niệm danh từ chính trị theo nghĩa hẹp hòi, là hoạt động cho đảng phái, bè nhóm nào đó thì mọi sinh hoạt văn hóa đều có tính cách chính trị, đều nằm trong những qui định chính trị. Chẳng phải ngay

đến cái ăn, cái mặc hằng ngày của mỗi chúng ta đều bị ràng buộc mật thiết vào các chính sách kinh tế, vào các phương lược đối ngoại, vào những biến chuyển trong và ngoài nước đó sao?

Những người chống đối văn hóa dân tộc cho thấy tính cách mơ hồ của họ về vấn đề ấy, nếu không nói rằng họ bị đầu độc dài ngày bởi nền văn hóa trù tượng, xảo quyệt của bọn thực dân, hoặc đã đồng hóa quyền lợi của họ — quyền lợi tinh thần cũng như vật chất — với các thế lực chống đối dân tộc.

Tuy nhiên số chống đối ấy không phải là một thành phần đáng kể, vì họ gồm nhiều những người ngộ nhận hơn là những kẻ cố tình, họ có quan điểm văn hóa sai lệch hơn là mục đích chính trị sâu độc. Hơn nữa, họ cũng là những đối tượng dễ khiến cho ta nhận biết, ta không lầm lạc về họ.

(còn tiếp 1 kỳ)

VŨ HẠNH

Đã phát hành toàn quốc :

NHỮNG CUỘC TỰ SÁT TẬP THỂ

của MINH-HƯƠNG

- ★ Cuốn thứ II của bộ KHẢ NĂNG KỶ ĐIỀU CỦA LOÀI VẬT.
- ★ Một tác-phẩm Khoa-học về *Thế giới loài vật*.
- ★ Nội dung ly kỳ mà giáo-dục, quyến rũ mà lành mạnh.
- ★ Một cuốn sách cho mọi lứa tuổi.
- ★ Một tác phẩm không thể thiếu trong tủ sách gia đình.

ALPHA xuất bản

SỐNG MỚI tổng phát hành.

THÁI ĐỘ ấn hành tháng 8 :

QUỐC VĂN lớp 6

THỂ UYÊN Nguyễn-kim Dũng

- *chương trình cập nhật hóa, đầy đủ giảng văn, luận văn, văn phạm, chính tả. Chú giải đầy đủ nhất, thích hợp cho sự giảng dạy ở nơi thiếu tài liệu tham khảo như các quận, tỉnh và ngoại quốc.*
- *Kim văn : 70 bản văn của ba thế hệ văn học Việt-nam: Nhất-Linh, Sơn-Nam, Khái-Hưng, Võ-Phiến, Duy-Lam, Bình Nguyễn-Lộc, Doãn Quốc-Sĩ, Hồ Hữu-Tường, Nhất-Hạnh, Nguyễn Tuấn-Phát, Dương Nghiễm Mậu...*
- *quan niệm giáo dục mới, thể hiện tinh thần dân tộc và tự lập.*

Đã phát-hành :

TUYỆT-THỰC ĐI VỀ ĐÂU ?

do Ông Thái-khắc-Lễ biên-soạn

Quyển sách đầu tiên ở Việt-Nam nghiên-cứu về phép nhịn ăn để trị bệnh. Kết-tụ tinh-hoa các danh-tác, kinh-nghiệm các lương-y Đông, Tây. Trình-bày rõ-ràng về lý-thuyết. Chỉ-dẫn tỉ-mỉ mọi chi-tiết cần-thiết, hữu-ích thực-hành để cải-tạo sinh-lực, tăng-gia tuổi thọ, khai-ngộ tâm-linh, chữa lành nhiều bệnh hiểm-nghèo khó trị, các bệnh kinh-niên Đông Tây-y đều thúc thủ. Áp-dụng dễ-dàng, hiệu quả rõ-rệt.

Sách dày 230 trang

Giá bán : 250

Thư từ xin gửi về :

Ô. PHẠM-CHÂU

hoặc

Ô. TRẦN-VĂN-RÔ

Thư-viện Đại-Học Huế

94, Lê-Lai — SAIGON

BASTOS *Live*



巴
士
多
金
牌
煙
多
地
超
等
真
貴
名
方

Maroc, một thí nghiệm của Đệ - tam thế - giới

Trong tất cả các nước cựu thuộc-địa của Pháp có lẽ Maroc là một trường hợp duy nhất đã có một tình thế ổn định nhất từ khi thu hồi lại nền độc-lập, năm 1956, tới nay. Thật vậy, trong khi hầu hết các quốc-gia khác như Algérie, Tunisie, ba quốc-gia Đông-dương và các quốc gia Bắc-Phi vừa thu hồi được độc lập đã phải vật lộn với những khó khăn ở bên trong cũng như ở bên ngoài, thì riêng Maroc đã giữ nguyên được các định-chế cổ truyền tại quốc nội và có một địa-vị quốc-tế được nhiều người kính nể. Trong khi các quốc-gia khác luôn luôn bị làm mồi cho những cuộc đảo chánh, các cuộc thay đổi chính-thể đẫm máu hay các cuộc chiến tranh tiêu hao thì suốt trong 15 năm qua Vương quốc Maroc, không những duy trì, mà vẫn còn củng cố được chính-thể quân-chủ.

Nhưng sự vững chắc của đời sống chính-trị Maroc thật ra chỉ có ở bề mặt. Chính quyền nước này đã không tránh khỏi các khó khăn từ nhiều năm qua, nhất là từ năm 1962, khi Quốc vương Mohamed V qua đời. Con trai của Mohamed V lên ngôi với Vương-hiệu Hassan II đã luôn luôn phải đối phó với các vụ mưu sát hay các vụ đảo-chính hụt. Tuy nhiên nhờ sự khôn ngoan khéo léo của hai vị quốc vương Mohamed và Hassan, Maroc

được coi là một trường-hợp tương đối thành công của một quốc-gia thuộc khu vực đệ-tam thế-giới. Hai vị quốc vương này đã không những tranh đấu giành độc lập mà sau đó lại còn cố gắng xây dựng dân-chủ và ở bên trong và áp dụng một chính sách ngoại-giao tốt đẹp ở bên ngoài.

Cuộc tranh đấu giành độc-lập

Ngay trong cuộc Đệ-nhị thế-chiến Maroc đã đặt vấn-đề giải-phóng và chính-phủ bảo-hộ Pháp. Đảng Istiqlal (độc-lập) được thành lập với mục tiêu là thu hồi nền độc-lập cho Maroc, bị Pháp tước đoạt từ năm 1912. Cuối năm 1943 quân đội đồng minh Anh Mỹ đã đổ bộ lên Bắc-Phi để dùng vùng này làm bàn đạp tấn công Đức-quốc-xã. Tướng De Gaulle, chỉ-huy các lực lượng Pháp tự-do, cũng lợi dụng cơ hội này để đặt cơ-sở của chính-quyền Pháp kháng chiến tại Alger.

Khi Tướng De Gaulle còn ở Alger ông cũng đã tái lập quyền hành của Pháp tại hai quốc-gia Bắc-Phi lân cận là Maroc và Tunisie. Đảng Istiqlal của Maroc được Quốc vương Mohamed Ben Youssef tích cực ủng hộ. Nhưng Quốc vương Mohamed ben Youssef không muốn lợi dụng sự bối rối của Pháp trong cuộc Đệ-nhị thế-chiến để đòi độc lập. Ngược lại chính

Quốc vương cũng đã thành thực cộng tác với Tướng De Gaulle để chống Đức và giải phóng chính quốc. Và Tướng De Gaulle cũng đã hứa trả lại độc lập cho Maroc khi nào Đức bị đánh đuổi khỏi Pháp.

Nhưng khi Pháp lấy lại được độc lập của mình thì Tướng De Gaulle, trước sự chống đối của các đảng-phái, đã rút lui khỏi chính trường vào đầu năm 1946, trước khi thực hiện được lời hứa với quốc vương Maroc. Sau khi Tướng De Gaulle ra đi, Đệ-tứ Cộng-hòa Pháp được thành lập đã bị sa lầy trong cuộc chiến-tranh giải phóng tại Đông-Dương nên chưa rảnh tay để xét lại vấn đề Maroc. Sau nhiều lần đòi Pháp trả lại độc-lập không kết quả, liên đoàn Ả-rập, một tổ chức các quốc gia Ả-rập tại Trung Đông, đã đưa vụ Maroc ra trước Liên-Hiệp-Quốc. Tổ chức này đã quyết nghị yêu cầu Pháp mở rộng quyền tự do chính trị cho Maroc. Nhưng chính phủ Pháp vẫn không có thái độ rõ rệt.

Năm 1953, trước sự liên kết quá chặt chẽ của Quốc vương Mohamed Ben Youssef và đảng Istiqlal trong cuộc tranh đấu đòi độc-lập, các thực dân Pháp có quyền lợi tại Maroc đã xúi bầy El Glaoui, Thống đốc Marrakech chống lại Quốc vương. Âm mưu này được cái giới chức cao cấp của Tòa Khâm-sứ Pháp hết lòng ủng hộ. El Glaoui, một đại địa-chủ thân Pháp đã thảo kiến-nghị mang chữ ký của một số lớn các lãnh chúa Maroc, đòi chính-phủ Pháp phế Quốc vương Mohamed Ben Youssef. Đồng thời El Glaoui đã tổ chức những cuộc biểu tình bạo động đòi lật đổ Mohamed Ben Youssef. Trước tình

hình này chính-phủ Pháp đã ra lệnh cho Khâm-sứ Pháp là Thống-tướng Guillaume dùng mọi biện-pháp để đưa Quốc-vương ra khỏi Maroc. Ngày 20-8-1953 trong khi Quốc-vương đang ngủ trưa, Tướng Guillaume đã đem chiến xa vây Hoàng-cung, tước khí giới quân cận vệ và rầm rộ tiến vào nội-điện. Quốc-vương Mohamed Ben Youssef tiếp Tướng Guillaume khi còn đang mặc quần áo ngủ và ông đã chỉ kịp choàng lên mình bộ quốc-phục trước khi Tướng Guillaume đưa ông ra phi-cơ để đày sang đảo Corse cùng với Thái-tử Moulay Hassan. Khi dừng lại ở Nice để đợi đổi máy bay sang đảo Corse, Quốc vương đã phải đứng hàng giờ trong gió lạnh mà không hề có một viên chức Pháp nào tới đón tiếp. Và chính Thái-tử Moulay Hassan đã phải đích thân đi xin cho cha một ly nước.

Sau một thời gian ở đảo Corse, Quốc vương Mohamed Ben Youssef được đưa sang đày tại Madagascar. Trong khi tại Maroc Hoàng thân Mohamed Moulay Arafa được người Pháp đưa lên ngôi. Tuy Ben Arafa được một số lớn các phần tử phong-kiến chấp nhận nhưng đảng Istiqlal đã phát động một phong trào khủng bố phá hoại khiến năm 1955 Maroc lâm vào một tình hình hết sức nguy ngập, đến nỗi chính El Glaoui cũng phải đề nghị đưa Mohamed Ben Youssef trở về. Tướng Catroux, cựu Toàn-quyền Đông Pháp đã được chính phủ Pháp ra lệnh tới Antsirabé (Madagascar) đưa Mohamed Ben Youssef trở về. Ben Arafa thoái vị nhường ngôi lại cho Mohamed Ben Youssef. Năm

1956 chính phủ Pháp quyết định trả lại độc-lập cho Maroc và Mohamed Ben Youssef cũng cải niên hiệu của mình thành Mohamed V cho phù hợp hơn với các định chế tân tiến mà ông hứa sẽ lần lượt thiết lập.

Cũng như mọi quốc-gia mới giành được độc lập, Quốc vương Mohamed V đã phải đối phó với các vấn đề khó khăn do chính đền độc lập tạo nên.

Những khó khăn của một nền độc lập mới thu hồi

Dưới chính thể bảo hộ, trách nhiệm phát triển quốc gia nằm trong tay chính phủ Pháp, nhưng khi người Pháp ra đi, trách nhiệm này đã được trao lại cho nhà cầm quyền Maroc. Tại Maroc vấn-đề khó khăn đầu tiên của Mohamed V là nạn thiếu cán bộ. Thật vậy, giới trí thức được huấn luyện theo phương pháp giáo dục tân tiến chỉ là một thiểu số quá ít ỏi để có thể đảm đang được các trách nhiệm mới. Ngoài ra trong nước luôn luôn có sự chống đối giữa giới vô-sản thành thị và dân chúng nông thôn. Các bộ lạc "berbères" luôn luôn không công nhận quyền hành của quốc vương và sự thống trị của người Ả-rập. Các lực lượng của giai-cấp phong-kiến cũng vẫn còn hết sức mạnh mẽ nên mọi nỗ lực dân-chủ-hóa đều gặp khó khăn. Dân trí còn quá thấp nên các kỹ-thuật tân tiến không được áp dụng một cách hữu hiệu. Các kiến-trúc-sư người Pháp có nhiệm vụ xây cất nhà tân tiến cho dân chúng đều than phiền rằng một số đông dân Maroc không chấp nhận những kiểu nhà tân tiến nên thường

dành các căn nhà mới xây cho gia súc ở.

Mohamed V đã cố gắng sửa sang tình trạng này. Để giải phóng phụ nữ Maroc, ông đã có những hành động cách-mạng như đề cho các công chúa con ông mặc Âu-phục, đề hở mặt, đi làm công tác xã-hội. Nhưng một phần lớn các phụ nữ còn giữ màn che mặt và chấp nhận qui-chế yếu kém.

Mohamed V chỉ trị vì được thêm 6 năm thì qua đời. Thái-tử Moulay Hassan lên nối ngôi năm 1962 lấy Vương-hiệu là Hassan II. Khi lên nối ngôi cha, Hassan II gặp nhiều khó khăn hơn nữa. Tuy đã cùng Mohamed V tranh đấu giành độc lập nhưng Hassan II không có uy tín bằng cha ông. Sinh năm 1929, Quốc vương Hassan II là một ông hoàng của thế-kỷ thứ 20. Ông đã được giáo dục theo phương pháp Âu-Tây. Ông đã đậu bằng Cao-học luật của Trường Đại-học luật-khoa Bordeaux và cũng là một tay ăn chơi nổi tiếng tại Ba-lê về đêm. Tuy Âu-hóa nhưng Hassan vẫn còn giữ đầu óc của một ông hoàng Đông-phương với quan niệm thần quyền. Ông muốn thiết lập một chế-độ quân-chủ đại-nghị trong đó Quốc vương nắm giữ những quyền hành rộng lớn để bảo đảm sự liên-tục và hữu-hiệu của nhà nước. Quan niệm này có lẽ phù hợp với dân-tộc Maroc hơn cả vì Quốc vương không những là một vị nguyên-thủ quốc-gia mà còn là một vị lãnh-đạo tôn-giáo tối cao. Thật vậy bên cạnh tước vị Quốc vương người ta luôn luôn thấy tước vị «Tông lãnh giáo-dân». (Commandeur des croyants).

Tháng 12-1962 tiếp tục công cuộc dân chủ-hóa của tiên-vương, Hassan II ban hành một hiến-pháp thiết lập chính-thề đại-ngệ. Theo hiến-pháp này thì nội các phải vừa chịu trách nhiệm trước quốc-hội vừa phải có sự tín-nhiệm của quốc-vương. Đây là một bước đầu tiên của Maroc trên con đường xây dựng dân-chủ. Nhưng ngay lập tức «Liên minh quốc gia các lực lượng nhân dân» (Union nationale des forces populaires hay «UNFP»), một đảng thiên tả, lớn tiếng chỉ trích là Hiến-pháp đã trao cho Quốc-vương những quyền hành quá độc tài, trong khi các thành phần tôn giáo trong nước lại trách Quốc-vương đã quên vai trò của Thượng-đế khi nói tới chủ quyền quốc-gia. Một tháng sau khi Hiến pháp được ban hành, chính thể đại nghị của Maroc đã bắt đầu bị kẹt. Đảng Istiqlal rời bỏ chính-phủ và như vậy chấm dứt mọi sự cộng tác với Quốc-vương. Cuộc bầu cử Quốc hội lập-hiến đầu tiên vào tháng 5-1962 đã trao cho Quốc-vương Hassan một đa-số để có thể tiếp tục cai trị. Thật vậy, «Mặt trận bảo vệ định-chế hiến-định» (Front pour la défense des institutions constitutionnelles hay FDIC) đã chiếm được 70 ghế trên 145 ghế. Nhưng vì không được đa số quá bán nên tuy có đủ phương tiện tiếp tục cai trị nhưng Quốc-vương phải luôn luôn đương đầu với các phe đối lập Istiqlal ở bên hữu và UNFP ở bên tả.

Ngày 16 7.1963, tức là hai tháng sau bầu cử, một âm mưu ám sát Quốc-vương bị phát giác. Hassan thừa dịp

cho cảnh sát bắt giam các lãnh tụ tả phái của Liên-minh quốc-gia các lực-lượng nhân dân UNFP. Các lãnh-tụ này, trong đó có ông Mohammed Mansour, dân biểu Casabianca, bị tra tấn rất dã man và chính-phủ Maroc không cho phép các luật-sư Pháp sang biện-hộ cho họ. Vụ «âm mưu tháng 7» đã ra trước tòa án và 11 bị can đã bị án tử hình. Tuy sau đó các người này được Quốc-vương ân xá nhưng đảng UNFP đã quyết định tuyệt giao với Hassan và các dân biểu bắt đầu phát động một cuộc chiến tranh du kích chống chính quyền.

Trước sự chống đối mỗi ngày một mạnh của các đảng đối lập và trước sức hấp dẫn của một chính-thề xã-hội cách-mạng ở Algérie, Quốc-vương quyết định lập một đảng Xã-hội và áp-dụng một cuộc cải-cách điền-địa để lấy lại sự ủng-hộ của quần chúng. Ông Reda Guedira, một công-sự viên thân tín của Quốc-vương được ủy-nhiệm thành lập đảng «Xã hội Dân-chủ» do ông Bahnini, Thủ-tướng, làm Chủ tịch. Đến tháng 8-1964, Quốc-vương tăng cường nội các bằng cách cử Tướng M. ziane làm Tổng-trưởng Quốc-phòng và Tướng Oufkir làm Tổng trưởng Nội vụ. Sự hiện diện của hai tướng lãnh trong Nội các nhằm mục đích trấn an quân đội Maroc vì quân đội đã tỏ ra bất bình trước biện-pháp ân xá các lãnh tụ tả phái bị dính líu vào cuộc «âm mưu tháng 7», nhưng cũng cùng một lúc tăng cường vai trò của quân đội trong guồng máy nhà nước.

Cuộc cải tổ nội các đã tạo thêm cho các đảng tả phái một cơ hội mới để

đả kích chính quyền. Chính phủ luôn luôn phải đụng độ với phe đối-lập về các vấn đề cải cách điền địa và ấn định chính sách kinh tế xã hội. Cùng một lúc chính phủ còn phải đương đầu với một cuộc khủng hoảng tài chánh trầm trọng.

Tình trạng khủng hoảng này đã kéo dài cho tới tháng 3-1965 khi một phong trào nổi loạn của sinh viên và các người thất nghiệp tại các thành phố Rabat, Casablanca và Fès. Tướng Oufkir. Tổng-trưởng Nội-vụ đã được dịp bày tỏ khả năng bằng cách thẳng tay đàn áp phe nổi loạn. Tòa án Maroc cũng đã kết án tử hình 14 người dính líu vào các âm mưu lật đổ Quốc-vương. Cả 14 người đã bị hành quyết ngay sau đó.

Các cuộc thương-thuyết với các đảng Istiqlal và UNFP để thành lập một nội-các gồm đại-diện các đảng phái không đưa tới kết quả mong muốn, Quốc-vương Hassan II quyết-định đình chỉ Quốc hội, tuyên bố tình trạng khẩn cấp và lập một nội-các do chính ông làm Thủ-tướng vào tháng 6-1965. Từ đó nhà vua cai-trị với những quyền hành không giới hạn. Dưới chế-độ này chính quyền Maroc đã cố gắng loại trừ các đối thủ. Tháng 10-1965 Tướng Oufkir đã đích thân sang Paris để bắt cóc và thủ tiêu ông Mehdi Ben Barka, một lãnh tụ của đảng UNFP đối lập. Vụ Ben Barka đã làm chấn động dư luận Pháp vì Tướng Oufkir đã bắt cóc Ben Barka nhờ sự đồng lõa của cơ quan mật-vụ Pháp. Sau đó Tòa Đại-hình hạt Seine của Pháp đã kết án tử hình khiếm

diện Tướng Oufkir và bang giao giữa Pháp và Maroc bước vào một giai đoạn căng thẳng.

Sau 5 năm trôi qua, tình hình chính-trị Maroc đã được ổn định khiến Quốc - vương cho ban hành một bản Hiến-pháp mới. So với Hiến pháp 1962, Hiến pháp 1970 đã là một thoái bộ. Thật vậy, nếu theo Hiến pháp mới Quốc hội vẫn có quyền lật đổ Nội các thì Nội các lại còn lệ thuộc vào Quốc-vương hơn trước. Quốc-vương không những là Quốc trưởng " Tổng lãnh giáo dân " mà còn là đại diện tối cao của chủ quyền Quốc gia.

Ngày 11-7-1971 vừa qua trong khi Quốc-vương Hassan II và các quan khách đang dự tiệc ăn mừng ngày sinh nhật thứ 42 của Quốc-vương tại Cung Mùa Hạ ở Skhirat cách thủ đô Rabat 30 cây số thì một lực lượng quân đội đã đột nhập vào giữa buổi tiếp tân, bắt giữ các quan khách. Một quân nhân trẻ tuổi đã đến yêu cầu Quốc-vương Hassan đi theo anh ta vì anh được lệnh hạ sát ông. Không hiểu Quốc-vương đã nói gì với người quân nhân này vì ngay sau đó người ta thấy anh cúi xuống hôn tay ông và các sĩ quan của phe phản loạn đã tung hô " Quốc-vương vạn tuế ". Đây là âm mưu đảo chính quân sự đầu tiên ở Maroc. Kẻ chủ mưu là Tướng Medbouh, chánh võ phòng của Quốc-vương. Cùng dính líu vào vụ này còn có 3 tướng lãnh khác trong đó có tướng Zambou, em vợ của chính Quốc-vương. Vào khoảng 40 quan khách đã bị thiệt

mạng trong cuộc tiếp tân này trong đó có Đại sứ Bỉ. Chính Quốc-vương cũng đã thoát chết vì một quả lựu đạn đã rơi vào chân ông, nhưng Đại sứ Tunisie Habib Bourguiba Jr. là con Tổng thống Tunisie Habib Bourguiba và là bạn thân của Hassan II đã nhanh tay lượm quả lựu đạn này ném ra xa. Tướng Oufkir, Tổng trưởng Nội Vụ lại một lần nữa đàn áp phe phản loạn mà phần đông là các khóa sinh của trường Hạ-sĩ-quan Ahermoumou Hassan II đã tuyên bố các kẻ chủ mưu chính sẽ bị hành quyết trong 24 giờ và trên 600 đồng lõa đã bị bắt giữ. Chính thể quân sự Lybie đã lớn tiếng ủng hộ phe phản loạn nên đại sứ Lybie đã bị bắt và Maroc đoạn giao với Lybie. Cuộc đảo chính ngày 11-7 đã được hướng dẫn từ ngoài vào và hậu quả quốc tế của nó sẽ rất quan trọng trong tương lai vì những khó khăn nội bộ của Maroc còn bắt nguồn từ chính sách đối ngoại của nước này nữa. Chính sách đối ngoại ôn hòa và thân Tây phương của Hassan luôn luôn bị các nước Ả-rập chỉ trích. Cuộc đảo chính này do đó còn là một âm mưu của các nước Ả-rập cường tín chống lại một nước Maroc ôn hòa thân Tây phương.

Một chính sách đối ngoại ôn hòa.

Tuy tranh đấu chống Pháp để giành độc lập, nhưng Quốc-vương Mohamed V khi đạt được mục tiêu của mình đã cố gắng cộng tác với Pháp để xây dựng một xã hội Maroc mới. Năm 1958 khi lương De

Gaulle trở lại chính quyền, ông đã cố gắng giúp đỡ Mohamed V, người mà ông coi như là một người bạn đồng hành trong cuộc kháng chiến chống Đức. Sau khi Mohamed V qua đời, Tướng De Gaulle đã dồn mọi cảm tình của ông cho Hassan II.

Thật vậy khi còn kháng chiến De Gaulle đã nhiều lần gặp Thái-tử Moulay Hassan và De Gaulle đã luôn luôn cảm phục trí thông minh của Hoàng-tử Maroc thấm nhuần văn-hóa Pháp.

Năm 1962 là năm Moulay Hassan lên ngôi Quốc-vương và cũng là năm De Gaulle trả lại độc lập cho Algérie. Với một nước láng giềng Algérie theo xã-hội chủ-nghĩa và đường lối cách mạng, chính thể quân-chủ ở Maroc đã trở thành một định chế lỗi thời trước mắt của dân chúng Bắc Phi. Muốn duy trì ngai vàng của mình, Hassan II chỉ còn cách là liên kết với Tây phương. Ngay sau khi Pháp ký hiệp-định Evian trao trả độc-lập cho Algérie Hassan II đã vội vã sang Paris để mở màn một chính-sách hợp tác với Pháp chặt chẽ hơn. Đảng UNFP đã gọi chính sách này là một chế độ «tân bảo-hộ». Nhưng vì viện-trợ Pháp cần thiết, nên Hassan vẫn tích cực bắt tay với Pháp. Năm 1964 khi quyết định cải-cách điền-địa, Hassan biết rằng chính sách này thế nào cũng làm thiệt hại tới quyền lợi của các địa-chủ người Pháp ở Maroc. Và ông đã không ngần ngại sang Paris để xin Tướng De Gaulle «thông cảm». Cảm động trước sự thành thực của Quốc-

vương Hassan II, không những De Gaulle "thông cảm" mà còn hứa sẽ trợ giúp chính-sách cải-cách điền địa của Maroc.

Đối với hoa kỳ Hassan II cũng có một chính sách thân hữu không kém. Tuy thiết lập bang giao với các nước cộng-sản nhưng bao giờ Hassan cũng tỏ ra hết sức dè dặt. Cuối năm 1963 khi Chu-ân-Lai mở «chiến dịch cười duyên» tại Bắc-Phi. Đi tới đâu ông cũng được tiếp đón trọng thề. Algérie tiếp đón Chu-ân-Lai như một anh hùng dân tộc. Riêng tới Rabat Chu-ân-Lai chỉ được đón tiếp một cách hết sức nhạt nhẽo.

Năm 1967, trong cuộc chiến tranh 6 ngày giữa các quốc gia Ả-rập và Do Thái, Maroc cùng với Tunisie, tuy cũng là những quốc gia Ả-rập, đã có một thái độ hết sức ôn hòa. Không những Hassan không tiếp tay dù bằng lời nói với Ai-cập mà ông còn từ chối không chịu đoạn giao với Hoa-kỳ theo lời yêu cầu của Liên-đoàn Ả-rập.

Nhưng chính sách ôn hòa và thân Tây phương này chính là nguồn gốc của những khó khăn mà Hassan II vấp phải tại nội-bộ. Algérie, từ khi trở thành độc lập, luôn luôn nuôi hy vọng đóng vai lãnh tụ lực lượng cách-mạng tại Bắc-Phi. Tháng 2 năm 1963 Hassan là một vị Quốc trưởng đầu tiên tới thăm Algérie độc lập để thảo luận về một chính sách thống nhất Bắc-Phi. Nhưng Tổng-thống Algérie, Ben Bella, đã chê Hassan là một tên «tân tư-bản» và khước từ mọi đề-nghị hợp-tác với Maroc. Từ đó Algérie luôn luôn là một cực thu

hút các lực lượng tả phái ở Maroc. Trầm trọng hơn nữa là cuộc tranh chấp biên-giới giữa Algérie và Maroc. Maroc luôn luôn đòi các lãnh-thổ Tiadouf và Hassi Beida của Algérie. Tháng 10.1963 quân đội Algérie đã tấn công quân Maroc khiến Maroc đã phải đưa vụ này ra trước Liên-Hiệp-Quốc. Sau đó Tổng-thống Mali là Mamadou Keita và Quốc-vương Haile Sélassie xứ Ethiopie phải vận dụng mọi nỗ lực ngoại giao mới giải hòa nổi.

Các quốc-gia Ả-rập khác cũng nhìn Maroc bằng cặp mắt nghi kỵ. Trước hết họ coi Maroc là một thành-trị của phong kiến cũng như Jordanie và Arabie Séoudite. Sau nữa họ luôn luôn đả kích Maroc đã không tiếp tay với họ trong chính sách chống Do-Thái. Trước kia các nước Ả-rập khác còn đề yên cho Maroc vì nước này ở quá xa. Nasser khi còn sống chỉ tìm cách tấn công Jordanie và Arabie Séoudite mà thôi.

Từ hơn một năm nay tình hình tại khối Ả-rập đã thay đổi nhiều. Trước hết tại Lybie một cuộc đảo chính quân sự đã lật đổ quốc vương nước này và đưa Đại-tá Kaddafi lên cầm quyền. Sau đó Tổng-thống Nasser qua đời. Đây là lúc các lãnh tụ Ả-rập đua nhau tìm cách thay thế Nasser trong địa vị lãnh-tụ khối Ả-rập. Lybie là một nước Bắc-Phi vừa ở gần Maroc lại vừa có mỏ dầu hỏa. Đại-tá Kaddafi lãnh-tụ nước này lại mới có 29 tuổi nên còn nuôi nhiều ảo vọng. «Liên-hiệp các Cộng-hòa Ả-rập» vừa được thành lập giữa Ai-cập,

Lybie và Syrie vào tháng 4.1971 vừa qua. Kaddafi muốn hạ Hassan II để vừa làm lãnh-tụ khối «cách mạng» Bắc-Phi vừa có hy vọng làm Chủ-tịch «Liên-hiệp các Cộng-hòa Ả-rập» trong khi chờ đợi làm chủ cả khối Ả-rập. Do đó Maroc là nạn nhân đầu tiên của những tham vọng này.

oOo

Duy trì chế độ quân chủ trước sức tấn công của phe cách mạng trong và ngoài nước, canh tân định-chế cổ-truyền trước sức đối kháng của các phần tử phong kiến, phát triển kinh tế xã hội trước nọa-lực của dân-tộc chậm-tiến là những trách nhiệm mà Quốc vương Hassan II xứ Maroc phải đối phó cùng một lúc. Không phải chỉ có ông mới có những nhiệm-vụ này. Hầu hết các lãnh-tụ khối Đệ-tam thế-giới đều phải đương đầu với những khó khăn tương tự. Nhưng Hassan là một trường-hợp hiếm có muốn dung-hòa quá khứ và tương lai, vừa muốn tấn bộ vừa muốn duy trì những nét chính của một xã-hội cổ-truyền, muốn phát triển mà không đi tới xáo trộn. Chính đời tư của ông cũng là một sự dung hòa nhịp nhàng giữa hai nền văn minh cổ kim Thật

vậy nếu trong các buổi lễ chính thức ông thường xuất hiện trong bộ quốc phục màu trắng uy nghi trên lưng một con ngựa bạch có lính che lọng, có người hôn tay thì ngoài giờ làm việc người ta cũng thường thấy Quốc vương trong bộ Âu-phục lái xe thể thao chạy như bay. Nếu ra trước nội các và quốc-hội ông luôn luôn tỏ ra là một vị quốc-trưởng tân tiến hiểu rõ các vấn đề Nhà nước của thế-kỷ thứ 20, thì khi lui về hậu cung ông lại vẫn có một cuộc sống đầy hoan lạc giữa đám cung tần mỹ nữ. Nếu ông tranh đấu để giải phóng phụ nữ Maroc thì chính vợ ông không được phong làm Hoàng hậu và cũng chẳng bao giờ được ra khỏi chốn thâm cung. Chính sách dung hòa của Hassan II cũng như đời tư của ông là một nét độc đáo trong đời sống chính trị thế-giới hiện nay. Nó cũng là một thí nghiệm đáng được chú ý của một quốc gia thuộc khối Đệ-tam thế giới đi tìm lối thoát khỏi tình trạng chậm tiến. Chính sách này có thể thành công trong quốc gia Maroc cũng như nó đã thành ông trong chính cuộc đời của Hassan.

TỪ TRÌ

LU-I KUYN

NUÔI TRẺ NHƯ THẾ NÀO

*Những chỉ dẫn rất cần thiết đối với các bậc phụ huynh
và nhà giáo dục*

do HẢI NGUYỄN dịch

Hội Diên Hồng xuất bản — Giá 150đ.

CÁCH ĐÂY 86 NĂM :

Biến cố 5 tháng 7 năm 1885
ngày thất thủ kinh thành Huế
(23 tháng 5 Ất Dậu)

(tiếp theo BK số 349)

Trước những biến chuyển sắp xảy đến, Trương đã trình bày với Thuyết mọi lẽ hơn thua, với luận điệu «đánh giặc cần tri kỷ tri bỉ», trong tình cảnh nước nhà đương khốn đốn, có lẽ không địch nổi với binh hùng tướng mạnh của người Pháp, nên bắt tay với họ để tránh mọi nỗi lầm than cho dân cho nước. Thuyết thì vẫn giữ nguyên lập trường, thà chết vinh hơn sống nhục, bác bỏ mọi lời bàn của Trương.

Ông đã cho gọi em ruột là Tôn-thất-Liệt đang là Tham-tán Sơn-phòng (chiến khu Cam Lộ) về mặt-hội với đề-đốc Trần-Xuân-Soạn, một kiện tướng từng giao-chiến với Pháp ở Bắc-kỳ để thảo luận mọi kế hoạch đánh úp quân đội Pháp.

Kế hoạch đã được thảo luận, quân được chia làm ba đạo :

Đạo thứ nhất, Tôn Thất Liệt chỉ huy đột kích tòa Sứ.

Đạo thứ hai, Đề Soạn chỉ huy tấn công vào khu Nhượng địa và Mang Cá.

Đạo thứ ba, Tôn Thất Thuyết thủ thành và lo việc phò giá ra Tân Sở nếu chiến bại.

Đối với mọi dự tính của De Courcy, Thuyết đã tỏ ra thông-minh với một lối nhìn thấu-suốt sắc-bén, do thế mà kế

hoạch của Thuyết, có sự giúp sức của Trương, được chuẩn bị rất chu đáo, nhất nhất đều rất kỹ lưỡng, từ việc võ trang cho binh sĩ đến chuyện các rào cản, chướng ngại được thiết lập trong thành phố, để thực hiện một cuộc tấn công toàn diện, sâu rộng, khắp mọi mặt vào các lực lượng của Pháp.

Dù mọi chuyện được sửa soạn trong vòng nghiêm mật nhất, cũng đã không thoát khỏi đôi mắt liên hệ của một số người Pháp (mà chắc chắn đã được đưa tin bởi những tên Việt gian). Giám mục Gaspar thông báo mọi sự cho De Courcy nhưng De Courcy quá tin vào thực lực của mình, không đề phòng lắm, nên đã để xảy ra cuộc tấn công bất ngờ này.

Về phía quân đội Pháp, thực lực của chúng quả là quá chiếm ưu thế trong một tình hình như vậy : 31 sĩ quan, 1387 binh sĩ và 17 khẩu đại-bác. Ở Mang Cá, Pháp có 2 đại đội quân Bắc-phi rạch mặt, 3 trung-đội thủy-quân đánh-bộ. Ở khu nhượng-địa, cũng có 2 đại-đội lính Bắc-phi đánh thuê ấy, một số lính xung kích, một trung-đội thủy-binh đánh bộ và pháo binh. Ở Tòa khâm, có hai đại đội thủy-binh đánh-bộ. Trên sông, phía bắc Mang Cá, 2 pháo hạm Javeline và Brioval thả neo cùng một tiểu đĩnh thám-kích.

Với một lực lượng hùng hậu và mạnh mẽ như thế của địch, lực lượng của ta quả là kém thế, nhưng với một chiến thuật táo bạo, chớp nhoáng, bất ngờ, đánh úp trong khi địch không đề phòng là nắm được một lợi thế lớn. Bởi vậy Thuyết đã tỏ ra rất tin tưởng vào cuộc tấn công toàn diện này. Chính chiến thuật ấy sẽ là một trong những nguyên tắc cơ yếu chỉ-đạo cho cuộc kháng-chiến trường-kỳ chống quân xâm-lược Pháp sau này, trên toàn cõi đất nước, nhất là với tính chất đặc biệt trong một thế đê-kháng của những lực-lượng du kích còn yếu-kém về nhân lực và vũ-khí.

Chuẩn bị đâu vào đó xong, đêm 4-7-1885 (22 tháng 5 Ất Dậu), Thuyết ra mật lệnh cho toàn binh sĩ thuộc các cơ ngũ : «Đầu canh một ăn cơm nước cho xong, canh hai dãn trận, canh ba nghe súng lệnh là tất cả các mặt đều xung trận chém cho hết Tây».

Đêm mồng 4 rạng 5 tháng 7-1885, vào hồi nửa khuya, giữa vẻ yên tĩnh của kinh thành, trước một giờ sáng, chừng 0g40, lúc các sĩ quan Pháp dự dạ-yến do De Courcy khoản đãi lần

lượt ra về, một tiếng đại bác vang rền bắn đi từ phía trong thành. Đó là mật lệnh Tổng Tấn Công của phụ chính Tôn Thất Thuyết.

Nhiều loạt đạn bắn về phía Tòa khâm, nhiều viên chạm vào tường, các trại binh ở quanh đó đều bị hỏa-công thiêu rụi, lửa cháy sáng rực trời đất.

Suốt đêm, đại bác từ mặt Đông-nam của Thành-nội liên miên bắn về phía Tòa khâm.

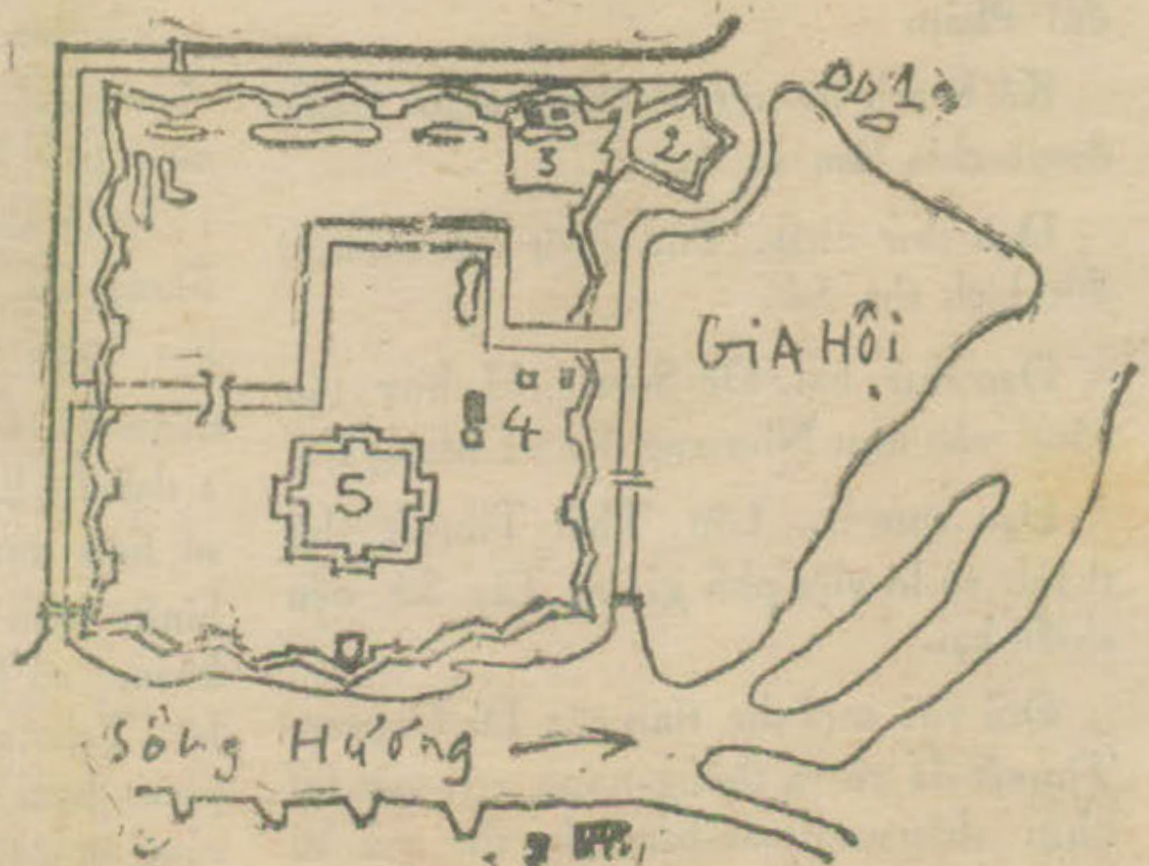
Ở Mặt trận Mang Cá, Đề Soạn chỉ huy cuộc tấn công này, đạn bắn nổ vang trời.

Theo ông Nguyễn xuân Thọ (bđd), Thuyết đã ra lệnh cho một chi đội bố trí trong vùng phụ cận thành Huế và tàn sát tất cả các sĩ quan Pháp khi họ về trại Mang Cá sau buổi tiếp tân. Không rõ viên chỉ huy chi đội sợ sệt hay thi hành sai mệnh lệnh mà bọn binh sĩ Pháp yên ổn trở về được trại ngay trong đêm. Có lẽ quân đội Pháp thoát hiểm là vì lệnh của Thuyết đã không được thực thi một cách đúng mức và nghiêm chỉnh, nếu ngược lại chắc quân Pháp đã bị đê bẹp và lịch sử Việt nam đã diễn tiến theo một chiều hướng khác rồi.

Một vài vị trí quan trọng trong cuộc đánh úp của Triều đình Huế và cuộc phản công của quân Pháp.

- 1 — Pháo hạm Javeline, Brioval và một tiểu dinh.
- 2 — Mang Cá
- 3 — Khu nhượng địa của Pháp
- 4 — Dinh Tường và Thuyết
- 5 — Đại Nội
- 6 — Tòa Khâm sứ.

(Theo Histoire militaire de l'Indochine Française)



Phút sáng sớm bất ngờ lúc đầu đã qua, quân Pháp chặn chính hàng ngũ và phản công mọi phía, ngay từ lúc tảng sáng.

Trung úy Malglaive và trung úy Bouché phản công và dồn đuổi toán quân Việt nam phía bờ hữu ngạn sông Hương.

Trung tá Pernot và Đại tá Metzinger điều động để giữ vững những điểm tựa chính của khu nhượng địa (Mang Cá) trước đó đã bị thiêu cháy dữ dội bởi đội quân phản-nghĩa tiền phong của Thuyết.

Các pháo-hạm phía Bắc Mang-cá cũng đã khai hỏa vào thành.

Pernot và Metzinger chỉ huy tấn công vào thành. theo ba mặt. Giao tranh xảy ra rất ác liệt và dữ dội. Quân ta chống cự rất anh dũng nhưng thành trì vẫn bị thất thủ.

Vào khoảng 8 giờ sáng hôm sau, tại kỳ đài, Metzinger cho hạ lá cờ sắc vàng của triều đình Huế, kéo lá cờ tam tài lên, tung bay phất phới cùng một trang sử mới đau thương nhưng dũng cảm của Việt-nam cũng sắp dở qua.

Kinh đô trong khói lửa, lục bộ chur nha tan tành.

Dân chúng vì tên bay đạn lạc cùng chiến sĩ trận vong, trong cuộc giao tranh này, nhiều vô số kể (1). Theo con số của Pháp cho biết, quân ta tổn thất chừng 1200 đến 1500 người, bị thương thì rất nhiều.

Quân Pháp có 9 binh sĩ và 2 sĩ quan bỏ mạng: Đại úy Bruneau (thủy-quân pháo binh), Đại úy Drouin (lực lượng quân Bắc-phi rạch mặt). 5 sĩ quan và 71 binh sĩ khác bị thương, hai sĩ quan và 4 binh sĩ khác bị thương và chết sau

đó vì vết thương hành: trung úy Heitschell và Hue tự là La croix đều thuộc lực lượng quân rạch mặt hung bạo, đánh thuê, từ Algérie (Bắc Phi) đến (2).

Kinh thành thất thủ, quân giặc lọt vào chiếm đóng Hoàng thành, bao nhiêu của cải, báu vật cũng như những di sản văn hóa của đất đế đô, trải qua bao triều đại, nay đều bị chúng cướp hết. Lòng tham không đáy của lũ giặc phương Tây đã tỏ rõ trong điện văn của Courcy đánh về Paris ngày 24-7-1885:

«... Trị giá phòng chừng các quý vật bằng vàng hay bạc giấu kỹ trong các hầm kín là 9 triệu quan. Đã khám phá thêm nhiều ấn-tín và kim thư đáng giá bạc triệu. Xúc tiến rất khó khăn việc tập trung những kho tàng Mỹ thuật. Cần cử sang đây một chiến tàu cùng nhân viên thành thạo để mang về mọi thứ cùng với kho tàng» (Nguyễn Xuân Thọ dẫn, bđ).

Có người so sánh vụ cướp phá này với vụ cướp phá 25 năm trước ở Bắc Kinh của quân đội dưới quyền điều động của đô đốc Paye, Nam tước Gros và nguyên lão nghị-sĩ Elgin.

Vụ cướp phá đó đã gây nên một vết thương cay đắng khôn xiết nơi mỗi tấm lòng người Việt, ngay cả nơi bọn Việt-

(1) Cho đến nay, ở Huế, mỗi năm đến ngày 23 tháng 5 âm lịch dân chúng khắp nơi, trên bộ dưới đò, trong chợ ngoài phố, khắp các hang cùng ngõ hẻm, đâu đâu đều có thành kính thiết trai-bàn để tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ và dân chúng trận-vong trong biển cổ lịch-sử đẫm máu này. Bài nghiên cứu này cũng là một nén nhang đốt cho dịp tưởng niệm đau thương này.

(2) Các con số tổn thất nhân mạng kể trên đều theo Histoire militaire de l'Indochine française.

gian phản quốc đang chạy theo quân giặc. Ngày nay, nhớ đến biến cố ấy, lòng chúng ta còn vô vàn đau xót ngậm ngùi. Chính niềm đau đớn ấy đã biến thành hành động của những người ái quốc yêu thương đồng bào đồng chủng, là hành động kháng-xâm mạnh mẽ những ngày hôm qua, còn trong những ngày hôm nay và mãi mãi trên tiến trình diễn biến của lịch-sử dân-tộc, xứ-sở.

oOo

5 giờ sáng ngày 5-7-1885 (23 tháng 5 Ất Dậu), Tôn Thất Thuyết và hữu quân Hồ Hiệp đã phò giá vua Hàm Nghi xuất bôn. Đi theo vua gồm có : Chương-Hoàng-Hậu (vợ vua Thiệu Trị), Anh-Hoàng-Hậu (vợ vua Tự Đức), các bà cung phi, nội thị, thái giám và một số văn võ triều thần. Đạo ngự ra cửa Hữu, qua đò Vạn Xuân, thẳng lên Thiên-Mụ, băng qua La-Chữ, thẳng ra Văn-Xá rồi đi ra chiến khu Tân sở, ở phía tây Quảng-Trị, được kiến thiết từ năm 1882, cách huyện lỵ Cam Lộ chừng 9, 10 cây số. Chiến khu Tân sở là nơi mà trước đó Tôn Thất Thuyết và Nguyễn văn Tường đã cho thiết lập để phòng bị việc thiên-đô. Tân sở ở trên đường đi Lao Bảo - Mai Lĩnh, chung quanh có ba lớp thành đất, đều trồng tre làm rào, mỗi bên để những khoảng trống làm cửa, gọi là cửa Tiền, cửa Hậu, cửa Tả, cửa Hữu và cửa Ngọ Môn.

Tân-sở rộng chừng khoảng 23 mẫu Tây, hình chữ nhật, bề dài 548 thước tây, bề ngang 418 thước tây, trong có kho lương, trại lính.

Trong thành nội dài 165 thước tây,

ngang 100 thước tây, có mấy ngôi nhà lợp tranh làm hành cung.

Chung quanh Tân-sở lại có núi non chằng chịt, địa thế hiểm trở. Từ 3 năm trước, có hàng nghìn dân phu đào bầm, đắp lũy, và các vật liệu đã được chở tới để làm hành cung, trại lương, trại lính v.v. Tân sở lại còn nhiều con đường thông thương với Bắc kỳ : (1)

Nhìn chung, Tân sở là một chiến khu tốt cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Điều ấy cho thấy rằng người chọn Tân-sở để xây dựng chiến khu cũng là những tay thao lược, uyên bác về phương diện chiến-lược và chiến-thuật.

Ở đây, hàng ngày cứ được mật báo rằng quân Pháp đuổi theo, phải người mời vua khởi loan chấp chính. Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết quyết định kêu gọi toàn dân «tận trung báo quốc», quyết tâm kháng chiến đến cùng.

Mặc khác, vì sơn lam chướng khí, Thái hậu, các bà cung-phi cũng như những người phò-giá đều không chịu đựng được với rừng thiêng nước độc. Đức vua sắc rằng : Triều thần cũng như binh sĩ, người nào muốn phò vua giúp nước, đền nợ giang sơn, thì đi theo kháng chiến, người nào vì cảnh ngộ gia đình, muốn lui về phụng dưỡng mẹ già thì hãy tự nhiên trở về, Đức Vua đều hết sức sẵn lòng.

Quân đội Pháp dưới quyền thống lĩnh của De Courcy, một tên quan võ-biên chỉ biết khư khư với những giải pháp quân sự đã mở những cuộc hành quân rộng lớn. Từ Quảng Trị, vua Hàm Nghi chạy

(12) Theo Phan khoáng, Việt nam Pháp thuộc Sử

ra Quảng Bình và Hà Tĩnh, giữa những chiến khu trùng điệp núi rừng, cùng với Thuyết (1), hạ chiếu Cần Vương đề ngày 11 tháng 8 năm hiệu Hàm Nghi thứ nhất, với nội dung đạo chiếu như vậy :

« ... Chỉ vì sức yếu, nên ta phải chịu nhục ký hòa ước với giặc Pháp đã bao nhiêu năm và bao nhiêu lần. Với chính sách «tâm thực», thoát tiên chúng cướp ba tỉnh ở Nam kỳ, còn ba tỉnh nữa sau hai năm chúng cũng cướp nốt. Nhưng tội tham của quân cướp nước không bao giờ đầy. Thế rồi chúng dùng thiên phương bách kế khiêu khích gây hấn khắp Trung và Bắc kỳ, rồi đòi lập lãnh sự ở Huế và Bắc kỳ, bắt buộc ta phải ký kết hiệp ước, mới rồi chúng lại thêm bớt xóa bỏ. Cuối cùng, chúng dùng bạo lực đánh chiếm Bắc kỳ. Nuốt trôi Bắc kỳ, chúng kéo quân vào đánh cửa Thuận An (Trung kỳ), quân ta thua ở Thuận An, chúng kéo quân vào đóng Hoàng Thành, bắt buộc vua ta làm bù nhìn cho chúng để cai trị dân. Nhục nhã ấy không sao chịu nổi.

«Vì vậy mà dưới mạng lệnh ta, Hội đồng Cơ mật quyết khởi một trận tập công ở Huế. Nếu quân ta thắng thì Nguyễn Văn Tường đón trăm ra ngự tại Nghệ-An, Hà Tĩnh, để Tôn Thất Thuyết ở lại Huế lập thế trận. Bằng quân ta thua, thì trăm cùng với triều thần lánh ra miền Bắc mưu đồ khôi phục.

«Cuộc tập công ngày 23 tháng 5 khởi từ nửa đêm, giữ mãi đến nửa buổi sáng thì quân ta phải rút lui vì sức yếu.

«Ngay lúc nguy khốn ấy, thì tên gian thần Nguyễn Văn Tường đổi bụng lên trốn vào nhà giáo Kim-Long (2), còn Tôn Thất Thuyết thì vẫn theo trăm chỉ huy nghĩa quân đánh lại giặc Pháp.

(1) Sau ngày cùng thảo hịch Cần Vương với vua Hàm Nghi ở Hà Tĩnh, Thuyết sang Tàu cầu viện. Lý Hồng Chương, Thủ tướng nước Tàu không cho Thuyết trở về, Thuyết mất ở bên ấy năm 1912, tại Thiệu Quan, trên bia mộ có đề mấy chữ : «Nguyễn Phúc Thuyết Ngự Tiền Thân Vương chi mộ.

(2) Nguyễn Văn Tường người gốc Quảng

Trị, sinh năm 1819, đậu Cử nhân năm 1852. Ngày ký hòa ước Giáp Thân, Tường làm phụ-chính Đại-thần, có hàm Văn-minh-điện Đại-học-sĩ, phân chức Thượng thư bộ hộ, thăng lên tước hầu. Trong triều đình Tường là người có khuynh hướng hòa hoãn, nếu không muốn nói là thân Pháp, chính bởi thế mà Tường sẽ là người bị Pháp lợi dụng về sau này. Đại-diện Pháp-đình là Patenôtre đã tặng Tường Tam-hạng Bắc đầu bội tinh. Có một khuynh hướng cho rằng, với bản tính của một nhà ngoại-giao, với sự sáng suốt của một nhà chính trị, trước một tình cảnh quá phân hóa, yếu kém và lạc hậu của đất nước, Tường đã nảy ra ý giao-hòa với Pháp như là một giải pháp chính trị đáp ứng cho thực tại. Tuy nhiên, chuyện này khó mà chấp nhận với một người như Tường, xuất thân từ nơi cửa Khổng, là một bậc khoa bảng, lại bỏ trốn theo giặc khi nước loạn, Vua phải lưu vong ra nơi quan ải, năm gai nếm mật vô cùng khốn quẫn, để tìm phương chống giặc, cứu nước !

Ngày 5-7-1885, ngay lúc kinh thành Huế thất thủ, Nguyễn Văn Tường cũng theo xa giá lên ngã Kim-Long, nhưng lại trốn vào nhà thờ xứ Kim-Long, nhờ Giám-mục Gaspar dẫn ra đầu hàng giặc, xin ra mắt đầu-thủ Thống soái Reussel de Courcy. Courcy hứa với Tường rằng : «Nếu có thể khuyên đức Hàm-Nghi trở về, thì tước lộc sẽ được dồi dào hơn trước nữa». De Courcy giao cho Tường sắp đặt để chấn chỉnh tình hình lại cho được yên, hạn trong hai tháng. Tuy thế viên tướng Pháp này lại không tin Tường nên cho giam lỏng ở Thượng-bạc-viện. Như thế, chẳng qua Tường chỉ là một tên tù binh của giặc Pháp mà thôi. Tường xúc tiến thành lập Chính phủ lâm thời cho Việt-Nam, cùng với một vài tay Việt-gian khác như Nguyễn Hữu Độ, nguyên Kinh lược Bắc-kỳ. Nhưng mọi chuyện đều thất bại vì lòng dân đã quá phẫn nộ, làm sao có thể cộng tác với giặc đang lúc nhà vua, linh hồn của chế độ và dân tộc, đang lưu vong mà phát động phong trào kháng chiến. Ngày 22-10-1885, sau những thất bại ấy, Tường bị Pháp đẩy sang đảo Tahiti, ngày 30-7-1886 Tường mất ở đảo ấy vì chứng ung thư ở cuống họng, nhưng theo một số nhân chứng khác, thì bởi tại một tình trạng thất vọng về tâm lý mà Tường trở nên gầy mòn suy nhược.

Ngày 20-10-1886, thi hài Tường được chở về Huế theo một lệnh-văn của Bộ Ngoại giao Pháp. Linh cữu Tường lúc được đưa lên Thuận-an thì bị vua Thành Thái xuống chiếu phạt khổ hình, sai lấy xích sắt quật vào quan tài, đó là một trong ba tội khổ hình nặng nhất đối với người chết, theo hình luật Việt-nam.

« Hiện nay Trẫm cùng Ngũ-quân đô-thống Tôn Thất Thuyết cùng tướng lĩnh đã tới Ấu Sơn thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ, nơi đây có thể lập căn cứ cho cuộc trường kỳ kháng chiến với giặc Pháp để mưu đồ khôi phục lại Giang sơn xã tắc.

« Hỡi các Trung thần nghĩa sĩ toàn quốc!

« Hỡi các nghĩa dân hảo hán bốn phương!

« Trước giờ Tổ Quốc lâm nguy, xã tắc nghiêng đổ, ai là dân, ai là thần, lẽ nào chịu khoanh tay ngồi chờ chết. Hãy mau cùng nhau đứng dậy, phát cờ khởi nghĩa, đánh giặc cứu nước.»

.....
.....

Trong những ngày lưu vong gian nan này, Vua Hàm Nghi và các trung thần, dưng-sĩ thường ở những miền Thượng du phía Bắc Trung-kỳ, quanh quần giữa những dãy Hoàng Sơn, giữa các làng Mường, kề sát biên giới Lào. Vua Hàm Nghi được một số cựu thần trung dưng cùng nằm gai nếm mật, chia xẻ cam khổ để cùng nhau chiến đấu chống giặc thù. Quanh ngài có vị cựu thần Nguyễn-Phạm Tuân, nguyên là Thượng Thư và hai con trai trưởng và thứ của Tôn-Thất-Thuyết: Tôn-Thất-Đảm và Tôn-Thất-Thiệp, hình như có cả người con trai út của Thuyết mới chừng 7, 8 tuổi. Hai người con trai của Thuyết đã luôn giữ vững một tinh thần đề-kháng mạnh mẽ và trung kiên đối với nhà vua cũng như đối với sự tồn vong của Tổ quốc, điều này đã làm cho mọi người, ngay cả giặc thù

cũng vô cùng kính phục, bọn việt-gian thì rất là khiếp đảm. Năm 1887, Đại úy Moureau dò được chỗ vua ở, gửi dâng một bao gạo trắng và hai bức thư của Đức Từ Dụ và vua Đồng-Khánh khuyên vua Hàm-Nghi trở về. Nhà vua nói rằng: « *Thà chết trong rừng, hơn là làm vua trong cương-tòa người Pháp* ».



Vua Hàm-Nghi

Đầu năm 1888, Pháp càng ngày càng xiết chặt vòng vây, mở những cuộc hành quân rộng lớn, uy hiếp tinh thần các chiến sĩ đang chiến đấu nơi bưng biển bằng mọi cách, tinh thần chiến sĩ cũng sa sút phần nào.

Pháp lại mua chuộc tên Trương-quang-Ngọc (1) nguyên là vệ sĩ của vua Hàm-Nghi, vạch mưu kế vây bắt nhà vua, đem nộp cho Pháp.

Ngày 1-11-1888, Trương-quang-Ngọc hướng dẫn một bọn đồng đảng

(1) Trương-quang-Ngọc sau bị nghĩa-bình của cụ Phan-dình-Phùng bắn cết, đầu của Ngọc bị chặt ra và cho bêu ngay trước túp lều, nơi mà vua Hàm-Nghi đã bị Ngọc bắt.

bất ngờ vây túp lầu tranh nhà vua đang trú ngụ. Trong một cuộc giao tranh nhỏ, chúng đâm chết ông Tôn-Thất-Thiệp bằng một nhát giáo xuyên qua ngực. Vua Hàm-Nghi thấy thế, bước ra, rút gươm đưa cho Ngọc mà nói rằng: « *Mày giết tao đi còn hơn đưa tao về nộp cho quân Pháp* ». Một tên lính Mừng vòng ra sau lưng vua Hàm-Nghi, bắt thẩn giật lấy kiếm của Ngài. Nhà vua được đưa về đồn Thuận-Bì, Thiếu tá Dabat đón Ngài với lễ nghi ngoại-giao, có lính bồng súng và nhạc dàn chào. (Cf. vua Hàm-Nghi của Phan-Trần-Chúc). Năm ấy Ngài vừa được hơn 17 tuổi (1).

oOo

Tháng 7-1885, sau khi cuộc kháng-chiến đã chuyển từ đô thành về thôn quê, hịch Cần Vương của vua Hàm-Nghi và Tôn-Thất-Thuyết phát ra đã gây nên một kích-xúc tâm-lý mạnh mẽ và sâu rộng. Các văn thân địa phương nhiệt liệt hưởng ứng và nổi-dậy cần-vương khắp nơi.

Cuộc kháng chiến này của nhân dân toàn cõi đất nước kéo dài tới cuối thế kỷ 19, dưới quyền lãnh đạo của các văn-thân.

Hưởng ứng lời kêu gọi chí thiết « *người giàu giúp của, người mạnh giúp sức và quyền uy, người can đảm góp lực để giành lại đất nước khỏi tay bọn ngoại xâm* », khắp nơi đều như sóng gió, như bão táp, lòng dân như một, nơi nơi

đều rèn giáo mác, góp công của, góp sức lực, dựng chiến khu, và thanh niên lên đường.

Như thế, trận đánh úp quân Pháp ở Huế đêm mùng 4 rạng ngày 5-7-1885 do Tôn Thất Thuyết chỉ huy, cùng cuộc kháng chiến kéo dài của vua Hàm Nghi trong suốt hơn 3 năm, cho đến ngày nhà vua bị bắt, đã chấm dứt cuộc phản kháng cuối cùng của triều đình nhà Nguyễn, nhưng đồng thời từ đó cũng đã mở ra một giai đoạn mới cho những phong trào vũ trang khởi nghĩa, phong trào này kế tiếp phong trào khác cho đến ngày giành lại được nền Độc Lập thực sự cho xứ sở mới thôi (2).

HUỠNH HỮU ỦY

(1) Năm 1889, Pháp đày vua Hàm Nghi sang Alger (Algérie) Vua Hàm Nghi ở trong một biệt thự có tên là « Villa des Pins », về sau có vợ là người Pháp với 3 người con: Bửu Minh Đức, Như Mai, Như Lý. Vua Hàm Nghi vẫn để tóc dài và mặc y phục Việt-nam cho đến ngày quá vãng, 64 tuổi.

(2) Đáng lẽ ra thì chúng tôi đã đề thêm một phần phụ lục cho bài nghiên cứu này, là tập « Về Thất Thủ Kinh Đô và Thuận An ». Nhưng bởi vì tập về quá dài (đến gần 2.000 câu) chúng tôi sẽ trình chính trong một dịp thuận tiện khác. Tập về này, chúng tôi đã chép lại theo lời Ông Lão Mới, đã 90 tuổi, người chuyên sinh sống với những bài về suốt trong mấy mươi năm nay ở Huế. Tập « Về Thất Thủ Kinh Đô và Thuận An », ngoài giá trị của một chứng-từ lịch-sử, còn là một áng văn chương tuyệt tác bình dân nữa. Theo lời một số các bậc tôn trưởng và học-giả ở Huế, tác giả tập về ấy nhất định phải là một bậc xuất thân khoa bảng.

Đón đọc :

Tác phẩm mới của NGUYỄN THỊ HOÀNG

TÌNH YÊU,

ĐỊA NGỤC

- Nỗi hao hụt, đói khát của con người trong tình yêu khi đón nhận và cho đi không phải chỗ và phải cách.
- Thảm kịch thầm kín của tâm hồn đàn ông và đàn bà trong đời sống lứa đôi.
- Niềm cô đơn mệnh mông của con người tìm kiếm tình yêu chỉ thấy đường về địa ngục.
- Tới với Tình Yêu là tìm vào địa ngục, nhưng con người có thể sống thiếu cõi địa-ngục-tình-yêu kia không ?

NGUYỄN-ĐÌNH VƯỢNG xuất bản

Đường lên cung Quảng

Nguy của Đường-Minh-Hoàng

«Staff» của họ có tất cả ba trăm năm mươi người, gồm hai mươi sáu y-sĩ, hai mươi lăm chuyên-viên sinh-lý, hóa-học, tâm-trí v.v.. Chỉ-huy là Bác-sĩ Charles Berry, Giám-đốc bộ môn nghiên cứu Y-khoa ở Trung-tâm Không-gian Houston (Texas) trong chương-trình NASA.

NASA ủy cho họ trọng-trách tuyển-chọn các phi-hành-gia, tiên-liệu các vấn-đề sinh-lý y-khoa khi con người dẫn thân vào vũ-trụ, và đề-nghị các biện-pháp phòng-ngừa cần-thiết. Có ba nghìn người xin ghi tên vào danh-sách ứng-viên phi-hành, và tất-cả đều là phi-công. Cho đến nay, họ đã chọn được năm mươi sáu người. Sự chọn lựa thực không phải dễ, nhưng chủ-yếu dựa vào khía cạnh tâm-lý.

Lúc ban đầu, người ta rất dè dặt, gần như bi-quan về khả-năng sinh tồn của con người trong phi-thuyền và dọc hành-trình vũ-trụ. Thời ấy — cách đây không quá hai thập-niên — còn quá nhiều điều chưa biết đối với y-khoa.

Nhưng ngày nay...

Mercury và Gemini.

Với năm mươi ba giờ bay, chương-trình Mercury đã chứng-minh đối với đời sống con người trong khoảng vô trọng-lực, chẳng có vấn-đề trọng-đại nào phải đặt ra. Tiếp theo, chương-trình Gemini nâng thời-lượng sống

trong không-gian của con người lên mười bốn ngày, mà lại sống có đôi, có bạn. Tổng-số giờ đạt được là 1939 giờ bay.

Những chuyến viễn du lâu ngày như vậy vẫn không có ảnh-hưởng nguy-hại gì đến sức-khỏe phi-hành-gia. Nhưng đã có một số bài toán được đặt ra.

Trước hết, tình-trạng vô trọng-lực làm giảm-thiểu huyết-áp ở nửa dưới của cơ-thể, gây tác-dụng lên sự hoạt-động bình-thường của hệ tuần-hoàn, khiến rối-loạn các cơ-chế kiểm-soát huyết-áp. Sau các chuyến bay, mỗi khi quay về vùng trọng-lực địa-cầu, áp-lực máu gia-tăng trở lại trong phần cơ-thể ở phía dưới quả tim, khiến máu dồn xuống thấp. Hậu-quả là khách viễn-du hồi hương bị hạ huyết-áp ở não-bộ và dễ ngất xỉu. Riêng trong chương-trình Gemini, hiện-tượng này đã được ghi-nhận suốt năm mươi sáu giờ.

Tình-trạng vô-trọng-lực và tình-trạng bất-động kéo dài khiến khả-năng hoạt-động của con người giảm-thiểu chừng 25 0/0. Nhưng trở-ngại này không có gì trầm-trọng vì chỉ hai mươi bốn giờ sau khi đặt chân lên đất mẹ là khả-năng hoạt-động lại phục-hồi trọn vẹn.

Được mặc áo quần phi-hành-gia, được lên vô-tuyến truyền-hình cho hàng triệu người chiêm ngưỡng, nhưng thực ra, đây là một cực-hình

cho những kẻ đang làm ra lịch-sử: họ rất khò khi phải cử-động và làm việc trong bộ áo quần được điều-hòa áp-lực. Nhịp thở và nhịp tim của họ nhanh hẳn lên, và cũng vì lý-do này nên các công-tác thực-hiện ngoài không-gian của các phi-hành-gia đã bị hạn chế.

Qua quang-tuyến X, hệ xương các phi-hành-gia từ vũ-trụ về tổ ra bị giảm ca'ci khá nhiều, nhưng cũng chẳng có gì nguy-hiêm.

Chưa ai hiểu tại sao, sau các chuyến bay Gemini, khối hồng-huyết-cầu của các phi-hành-gia bị giảm chừng 20%.

Apollo.

Cho đến nay, các chương-trình Apollo đã thực-hiện được 4269 giờ bay, với những phi-hành-đoàn ba người.

Trái lại với những chuyến bay Gemini, phi-hành-gia không bị mất hồng-huyết-cầu. Nhưng vì đã xảy ra một trận hỏa-tai thê-thảm, nên người ta không dùng dưỡng-khí nguyên-chất nữa, mà lại sử-dụng một hỗn-hợp gồm 60% dưỡng-khí và 30% azốt lúc lâm-hành, và về sau thì lượng nitơ giảm xuống còn 20%. Như vậy, có lẽ chính đạm-khí đã giúp giảm-thiểu sự hao-tán hồng-cầu, vì từ trước đến nay, không cần phải lao mình vào vũ-trụ, y-giới cũng đã biết rằng thở bằng dưỡng-khí nguyên-chất trong một thời-gian lâu dài sẽ khiến số lượng hồng-cầu bị giảm.

Khi phóng phi-thuyền, độ gia-tốc tối-đa thay-đổi giữa khoảng từ 3,9g đến 4,2g. Khi tách khỏi quỹ-đạo

trái đất để vào quỹ-đạo nguyệt-cầu, độ gia-tốc không quá 1g. Lúc trở về bầu khí quyển, sự cọ-xát khiến độ gia-tốc lên đến từ 5,5g đến 7g. Nhưng vì các lực hướng từ trước ra sau, mà các phi hành-gia đều ở tư-thế ngồi dựa ngửa nên không có hỗn-loạn sinh-lý nào xảy ra. Có điều lúc hồi hương, vì vừa ở khoảng vô trọng lực trong một thời-gian dài, nên lúc vào khí quyển phi-hành-gia thấy khó chịu nhiều hơn.

Trong mỗi chuyến du-hành, lượng phóng-xạ không quá 0,58 Rad đối với mỗi phi-hành-gia, và với liều này thì không có gì đáng ngại. Nhưng liều phóng-xạ thay-đổi tùy theo góc lớn hay nhỏ lúc phi-thuyền vượt qua các vòng Van Allen.

Trong chuyến bay Apollo 11, Aldrin, lúc nhắm mắt trong bóng tối, đã thấy những vệt sáng dài và những ánh chớp lóa, theo nhịp mỗi phút thấy một lần Aldrin tưởng là mình bị ảo-giác, nên không dám hé môi với các bạn đồng-hành cho đến khi yên ổn về đến trái đất. Lúc bấy giờ, các phi-hành-gia kia cũng thú-nhận đã cảm thấy những ánh sao lóa tương-tự. Trong hai chuyến bay kế tiếp, Apollo 12 và Apollo 13, phi-hành-đoàn cũng có những cảm-giác giống hệt: có lẽ là do những vi-thể có năng-lượng cực lớn đã va chạm vào võng-mạc?

Bệnh-tật dĩ nhiên là mối đe-dọa thường-xuyên cho khách viễn-du trong vũ-trụ. Trong chuyến bay Apollo 7, hai phi-hành-gia bị nhiễm-trùng đường hô-hấp nhưng may mắn lại bình-phục kịp thời ngay trước ngày ấn-định. Nhưng người thứ ba, trong khi đang

- lơ-lửng giữa không-gian, lại lâm bệnh, và tai-hại hơn nữa, lại lây bệnh cho hai người bạn đồng thuyền. Rồi cứ như vậy, người này vừa khỏi, lại bị người kia truyền bệnh, khiến cho chuyến bay thực vất-vả.

Do đó, vấn-đề đặt ra là phải cách-ly các phi-hành-đoàn, ít nhất là trong hai mươi một ngày trước ngày trọng đại. Nhưng lại gặp phải những khó-khăn lớn : có nhiều cuộc tiếp-xúc không thể không có giữa kẻ ra đi và những người ở lại có bồn-phận chăm-sóc, chuẩn-bị cho họ. Cuối cùng NASA quyết-định bắt một trăm hai mươi người sống biệt-lập với nhân loại trong hai mươi một ngày, trước mỗi chuyến bay. Biện-pháp này dĩ nhiên bị các chuyên viên và gia-đình — nhất là các bà vợ — phản-đối dữ.

Nhưng vẫn không tránh được bệnh. Có phi-hành-gia bị vi-trùng-viêm, bị bệnh ngoài da, bị bệnh rubeola. Apollo 9 đã phải hoãn khởi-hành ba ngày chỉ vì một hành khách quá-giang lâm bệnh bất-ngờ.

Trong lúc bay, hệ hô-hấp thường bị kích-thích. Đã có những trường hợp nhiễm-trùng đường tiêu vi trùng *pseudomonas*. Điềm đặc-biệt là đã được tập luyện một cách kinh-khủng, các phi-hành-gia vẫn bị "say bay". Chứng này không thể nào phòng ngừa được !

- Trước khi lên phi-thuyền, phi-hành gia được kiểm soát thực kỹ về phương diện vi-trùng-học, để phòng-ngừa những trường-hợp mang vi-trùng từ nguyệt-điện về. Trong một phi-vụ, có một chú *staphylococcus* bị phát-giác trên

một điềm ở mặt da của một phi-hành-gia. Lúc trở về, chú cầu-trùng đã sản-xuất hàng hà sa số con cháu, chia nhau sinh cơ lập nghiệp trên khắp làn da của cả ba phi-hành-gia. Như vậy, trong căn phòng kín mít bay lơ-lửng giữa không-gian, các mầm bệnh đã tìm được một môi-trường phát-triển thực thuận-lợi !

Cũng vì trong những cuộc hành-trình vào vũ-trụ thường xảy ra những hiện-tượng nhiễm-trùng, nên số lượng bạch-cầu hay tăng lên cao : có một trường-hợp, lượng bạch-cầu đạt đến 26.000 trong mỗi milimét khối (bình-thường : 7.000/mm³).

Tủ thuốc cấp-cứu trên phi-thuyền gồm những dược-phẩm chống nôn mửa, dược-phẩm kháng histamin, trụ-sinh, thuốc làm giảm đau, thuốc ngủ. Nhưng cũng có những thứ thuốc đặc-biệt, chẳng hạn thuốc giúp tạm hết muốn đại-tiện : phi-hành-gia dùng thuốc này trước khi khoác vào mình bộ áo quần có điều-hòa áp-lực để lơ-lửng bước vào không-gian. Từng phi-hành-gia một đều thử trước mỗi vi thuốc lúc còn ở mặt đất, để thăm dò phản-ứng của từng cá-nhân đối với thuốc và tầm hiệu-nghiệm của thuốc.

Trong các chuyến Apollo, có phi-hành-gia đã sút cân đến 6,500kg, sút cân vì mất nước nhưng cũng vì gầy đi nữa. Người ta chưa biết đích-xác số calo cần-thiết trong mỗi ngày cho mỗi phi-hành-gia là bao nhiêu.

Bập-bềnh giữa khoảng bao la, con người có những cảm-giác ngộ-nghĩnh : di-chuyển dễ-dàng một cách kỳ-dị, dạ-dầy dường như chỉ muốn chui ngược lên lồng ngực, đầu nặng vì máu dồn

lên não. Khi trở vào vùng hấp-lực của trái đất, con người có cảm-giác mình cân nặng hẳn lên và tự-nhiên, rất tự-nhiên, phi-hành-gia quờ tay níu chặt lấy quần, vì sợ quần tuột, e xúc-phạm thuần phong mỹ tục trước các bạn đồng-hành như mình ! Nếu đang nằm dài, họ tưởng chừng thân xác mình sắp xuyên qua mặt giường !.

Những bước chân trên nguyệt-điện là những bước chân ngõ-ngang và lúng túng vì bụi trắng, mịn và dính, đọng từng lớp dày, quá keo sơn đối với khách trần-ai, chỉ chực chui vào mọi nơi. «Đi giữa mùa trăng» đòi hỏi con người phải theo một thể quân-bình mới, nhưng cũng may sự thích-nghi với ngoại-cảnh này cũng không khó-khăn bao nhiêu. Thông thường, nhầy từng bước ngăn dễ hơn đi.

Trong phạm-vi sinh-vật-học, các phẩm-vật mang từ Trăng về đã cung-cấp những dữ-kiện bổ-ích. Hăng-Nga công-chúa giữ mình hoàn-toàn tinh-khiết : bụi mặt trăng không chứa một sinh-vật nào, và khi đem cấy bụi trăng, dẫu cấy với tất-cả công-phu cũng không hề thấy có vi-trùng sinh-sôi nảy-nở. Hơn thế nữa, nếu hòa tan phần trăng vào một dung môi, rồi cho những tập-thể vi-sinh-vật có độc-tính vào, thì son phần người Tiên sẽ giết chết mọi sinh-vật trong mười giờ : một thứ Diệt Tuyệt sư-thái... Nhưng chỉ có những mẫu phẩm-vật lấy ở dưới sâu mới tàn ác như thế, lớp bụi trên phía mặt hiền-hòa hơn, không, phải nói là từ-bi mới đúng. Đem bụi trăng mà bón cây thì tuyệt : cây tăng trưởng nhanh gấp

bội, nhanh đến 400% ! Lý-do ? Chưa ai giải-thích nổi.

Có một chú *streptococcus* đã được Apollo 12 phát-giác ra trong một cái máy ảnh do Surveyor trước đó mang lên nguyệt-cầu. Tính ra chú đã sống ba năm trên miền đất lạ mà không hề-hấn gì, vì cái máy ảnh là một chỗ trú chân rất kín-đáo.

Apollo 13

Chắc chưa ai quên được những ngày cả thế-giới khắc-khoải theo dõi chuyến bay đầy trắc-trở nầy. Riêng các y-sĩ NASA thì thực là khốn-khở.

Năm ngày trước ngày phóng phi-thuyền, đứa con của một trong ba phi-hành-gia lên bốn tuổi, bị rubeola. Thử-nghiệm máu cho phi-hành-đoàn, người ta nhận thấy một trong ba phi-hành-gia không hề có một chút tính miễn dịch nào đối với bệnh của đứa bé. Vì thế, đành phải cho người này ở lại, và lấy người dự-khuyết thay vào. Cũng may sự thay-đổi này không gây rắc-rối nào cho công việc tập-thể của phi-hành-đoàn.

Vì phải hạn-chế đủ thứ : nước, điện, dưỡng-khí ; vì không dám mở ca bin để ném nước tiểu ra ngoài, nên phi-hành-đoàn phải thường-trực mang các y-cụ góp nước tiểu. Kết-quả là cả ba người cùng bị nhiễm-trùng đường tiểu.

Tuy dưỡng-khí còn đủ cho đến phút chót, nhưng độ ẩm-thấp gia-tăng, và nhất là lượng thán-khí lên cao một cách nguy-hiêm, vì các túi đựng hydroxyde de lithium để hút

thán-khí không dùng được. Phi-hành-đoàn phải dò-dẫm theo lời giảng-giải và hướng-dẫn của các chuyên-viên ở mặt đất để tự chế-tạo ra một thứ máy lọc thán khí qua bộ áo giáp không-gian.

Sau khi bình dưỡng-khí phát nổ, trong mấy chục giờ đồng-hồ liền, các chuyên-viên hạ-giới đã tưởng rằng không thể nào hướng-dẫn được phi-thuyền về lại mặt đất. Nhưng rồi với thời-gian qua, tiếp-tục tính-toán và cân nhắc, họ đi đến kết-luận có thể thực-hiện được công việc đưa những kẻ đang lao mình trong không-gian trở về địa-cầu. Tuy vậy, phi-hành-đoàn lại không chịu tin điều ấy, và trong một thời-gian dài, họ đã tưởng chuyển ra đi của mình chẳng hạn ngày về. Nhưng không phải vì thế mà họ mất bình-tĩnh, và chính nhờ sự trầm-tĩnh và sáng-suốt của họ, nhân-loại mới có cơ-hội đón-tiếp họ trở về.

Ngày mai.

1972: Skylab sẽ được phóng vào quỹ-đạo trái đất, để cho các phi-hành-gia dùng làm khách-sạn trong hai mươi tám ngày. Rồi ba tháng sau,

một toán khác sẽ được đưa lên phòng thí-nghiệm không-gian này, trong một cuộc hành-trình năm mươi sáu ngày, và sẽ còn có một toán thứ ba phiêu-lưu trong cùng thời-lượng. Skylab sẽ chờ theo một số y-cụ: một chiếc xe đạp trắc-lực, một máy gla áp để mang ở phần dưới cơ-thể, những tâm-điện-kế và não-điện kế... Ngoài ra, còn có một y-cụ để cân các phi-hành-gia trong khoảng vô trọng-lượng. Trong giai-đoạn kế-tiếp, sẽ có một chuyến du-lịch trong quỹ-đạo dài sáu tháng, để chuẩn-bị cho một chuyến viễn-du lên Hỏa-tinh, dự-trù dài hai năm...

Charles Berry đang mơ-tưởng Trái Đất chúng ta ở như một con thuyền không-gian vĩ-đại, mà thủy-thủ đoàn là nhân-loại. Con thuyền địa cầu, như mọi con thuyền khác, có những gian nan phải vượt qua, có những kỳ vọng phải đạt tới. Các công-trình nghiên-cứu của NASA cũng là những yếu-tố hy-vọng, hy-vọng không những cho khoa du-lịch không-gian, mà còn cho cả y-học và nhân-loại nói chung.

TRẦN VĂN TÍCH

Tim đọc

Nguyệt san **TỰ QUYẾT** số 8

CHỦ ĐỀ : Sự can thiệp của người Mỹ tại Việt-Nam

Tờ báo đối lập của tuổi trẻ Việt nam
đã phát hành tháng 7/71.

BANQUE

A votre service

tous les services de la

BANQUE

NATIONALE

DE PARIS

Nợ vu-sơn với phép nhịn ăn

Trận dịch giang-mai tàn-phá Âu-châu năm 1495 quả thật là một thảm-họa lớn-lao đã gieo nặng trên loài người. Trận dịch-hạch hồi thế kỷ thứ XIV đã sát hại 25 triệu người rồi mới ngừng nghỉ. Trận dịch cúm năm 1918 tàn-phá thế-giới gây trên 20 triệu nạn nhân. Bệnh ban-nhiệt (typhus) thoát hiện thoát mất theo chu-kỳ. Còn bệnh giang-mai một khi đã xuất đầu lộ diện thì oái-ăm thay lại cứ mãi lưu luyến với người đời hào-hoa phong-nhã... Suốt 5 thế-kỷ hành-hạ loài người từ thế-chất đến tinh-thần, bệnh giang-mai đã gây thương-tổn cho họ, giết chóc họ một cách tàn-nhẫn. Lúc khởi đầu, thảm-họa sát-nhân này đã tàn-hại một cách dữ-dội như một sự phát nổ. Những mầm-mống truyền độc ngày nay cho hàng chục triệu con người trên thế-giới là cháu chắt hậu duệ của những vi-trùng tổ-tiên của chúng đã gây vụ dịch giang-mai vĩ-đại thuở sinh-thời ông Christophe Colomb.

Nguồn gốc của chứng bệnh ghê rợn này hiện nay cũng vẫn còn là vấn-đề đang được tranh-luận trong y-giới.

Những tài-liệu có giá-trị chứng-minh rằng những thủy-thủ của Colomb mang bệnh giang-mai từ Tân-thế-giới về Âu-châu. Nghiên-cứu hài-cốt những người Âu-châu sống trước năm 1500, người ta không bao giờ khám-phá ra những vết tích gây ra do những sự tàn-phá của bệnh giang-mai, trái lại trên những bộ xương của con cháu họ người ta khám-phá rất nhiều dấu vết. Một y-sĩ Tây-ban-

Nha Ruy de Isla tường-thuật rằng ông ta có chữa cho những bạn đồng-hành của Colomb sau chuyến thám-hiểm lần đầu về một chứng bệnh kỳ-lạ. Năm 1493 những mầm-mống giang-mai đã được phát-giác tại Séville, Barcelone và trong nhiều hải-cảng mà những nhà thám-hiểm đã đổ bộ lên.

Một nhà quý-phái Tây-ban-nha được gửi sang kiểm-soát việc khai-phá các mỏ vàng bạc ở Tân-thế-giới đã viết thư cho nhà vua : «Cái chứng bệnh mới-mẻ đối với Âu-châu thì ở các đảo Antilles người ta đã biết rõ từ lâu rồi. Nó quá quen thuộc đến nỗi hầu như tất cả những người Tây-ban-Nha giao-du thân mật với bọn đàn-bà da đỏ đều bị lây phải. »

Trong gần 2 năm bệnh giang-mai âm-thầm phát-triển trong phần Tây-Nam Âu-châu. Charles VII, vua nước Pháp muốn uy-hiệp ngài vua nước Ý đã gửi một đạo dung-binh 30.000 gồm cả người Đức, Thụy-Sĩ, Nam-Tur, Hung-gia-lợi và Pháp sang vây thành Naples vào đầu năm 1495. Giữa lúc ấy thì Tây-ban-Nha lại gửi một đạo viễn-chinh để tiếp-viện cho những người bị vây. Nhưng chỉ trong vài tuần quân đội của vua Pháp bị tàn-phá vì một chứng bệnh còn tàn-khốc hơn những tổn-hại do dịch gây ra : thân thể bình sĩ mọc đầy ung-nhot rút-rĩa họ đến tận xương. Lính-tráng trở thành đui mù, điên cuồng hay liệt-bại.

Thế là từ đấy mở màn cho sự lan-truyền chứng bệnh quái ác nợ. La-mã là một trong những thành-phố đầu tiên bị mang

họa. Benvenuto Cellini, nhà kim hoàn nổi tiếng ở Florence, nạn-nhân của chứng bệnh hiểm-nghèo này đã ghi trong tập bút-ký của ông ta: « Một thứ dịch-hạch bùng nổ vô cùng dữ-dội không ngờ, đến nỗi ở thành-phố La-Mã hằng ngày người ta chết chóc có đến mấy ngàn. »

Nhà Thờ ngưng các buổi lễ và miễn lễ cho tín-đồ trong những Thánh-nhật. Cho đến cả những người phung-hủi cùi-cụt cũng đều trốn-tránh những người vương phải bệnh giang-mai. Những người bệnh chỉ còn cách kéo dài những ngày tàn cuộc đời của họ bằng lối đi ăn xin, Lở-lỏi cùng người, họ đi lẩn-nghẽn đầy đường đầy sá...

Sau cuộc bại trận của Pháp ở Naples, các đám tàn quân tản-mác khắp các nước ở Âu-châu. Bệnh giang-mai xâm-nhập Pháp, Đức, Thụy-sĩ năm 1495, Hy-lạp 1496, Ecosse và Anh 1497. Nhà thám-hiểm Vasco de Gama mang bệnh đến cho người da đỏ năm 1498 và bọn tàn quân trôi sông lạc chợ nói trên truyền-nhiễm bệnh giang-mai cho Nga và Ba-lan vào năm 1499.

Chứng bệnh tàn-hại người vô-tội cũng như kẻ thủ-phạm. Cô hộ-sinh lấy bệnh sang cho người sản-phụ mà cô ta sản-sóc, chú phó cạo giec bệnh cho người khách hàng mà chú ta chỉ cạo trầy có chút xiu da. Những nạn nhân mắc bệnh cảm thấy như nhận được bản án của Tử-thần đâm ra liều lĩnh ăn chơi trác-táng nên hiểm-họa càng được dịp lan-tràn nhanh-chóng giec-rắc rộng-rãi.

Trong hơn một thế-hệ, chứng bệnh không có tên hay nói đúng ra có quá

nhiều tên. Người Ý gọi xéch-mé là « bệnh Pháp », người Pháp gọi trắ đũa là « bệnh Ý ». Người ta gọi là bệnh ban đỏ Da-đỏ, kẻ lại gọi là bệnh đậu Thổ-nhĩ-Kỳ. Năm 1530, một y-sĩ Ý Girolamo Fracastoro viết một bài hùng-ca trong đó người chần heo tên Syphilis bị mắc một chứng bệnh mới vì đã nguyện rửa Thần Thái-Dương. Từ đó chứng bệnh được mang tên là Syphilis trong ngôn-ngữ của Âu-châu mãi cho đến ngày nay.

Hiểm-họa lan-tràn khắp Âu-châu. Năm 1497, một quyết-nghị của Tối-cao Pháp-viện ở Ba-Lê ra lệnh cho những bệnh-nhân giang-mai không phải là cư-dân ở đây phải rời ngay khỏi thành-phố Ba-Lê, nếu chậm trễ sẽ bị xử tử. Còn những bệnh-nhân giang-mai ở thành-phố Ba-Lê thì bị lừa như trâu bò tập-trung vào một bệnh-khu hôi-hám nơi vùng ngoại-ô Saint-Germain-des-Prés bùn lầy nước đọng đầy rác rỏm, biến nơi đây thành một vùng đông dân-cư chưa từng thấy. Dường như biện-pháp này đã tỏ ra bất-lực trong việc chặn đứng hiểm-họa kia nên thêm một sắc-lệnh của Tòa Đô-chánh Ba-Lê được ban-hành năm 1498 truyền rằng kẻ nào mắc bệnh giang-mai bắt gặp đi trên đường phố sẽ bị bắt ném xuống sông Seine. Vì thời bấy giờ không mấy ai biết bơi lội cho nên sắc-lệnh kia đại-khái là một sắc-lệnh tử-hình.

Ở Ecosse, ở Aberdeen người ta ra lệnh cho tất cả gái mãi dâm phải đình chỉ việc hành nghề với hình-phạt nung sắt đỏ in vào mặt và trục-xuất khỏi thành-phố. Ở các đô-thị bên Đức như

Strasbourg, Mayence, Nuremberg người ta khu-trừ tất cả những bệnh-nhân giang-mai và tuần-phòng chặt-chẽ ngăn-chận sự xâm-nhập của người bệnh vào thành-phố. Những biện-pháp gắt-gao trên khắp các nẻo đường ở Âu-châu vô-số những đoàn lũ bệnh-nhân giang-mai khốn-khổ, lang thang đói-khát.

Sống ngoài đồng-nội và trong rừng đói-khát thiếu-thốn, họ chết dần chết mòn cả hàng chục ngàn người.

Phần đông các y-sĩ chính họ cũng sợ lây bệnh nên từ chối không chịu chữa bệnh và săn-sóc cho những người mắc bệnh giang-mai, còn một số ít y-sĩ nhận chữa bệnh này thì giàu sự lên không mấy chốc. Họ dùng bừa thứ thuốc dùng để trị phong-cùi : thủy-ngân. Người ta chế những loại cao bằng mỡ heo trộn với thủy-ngân và xoa cho người bệnh từ đầu đến chân. Những bệnh-nhân giàu có thì người ta nhốt riêng vào từng phòng cá-nhân thật hẹp thường được trang-trí với những câu cách-ngôn như : « Vui thú một chốc mà chuốc nghìn đau khổ » để cho người bệnh toát mồ-hôi ra. Trong căn phòng xếp đó người ta đốt một cái hỏa-lò và để cho bệnh-nhân toát mồ-hôi và mặc tình chịu trận với muôn nghìn sự đau đớn !

Còn những bệnh-nhân nghèo, một khi xoa cao thủy-ngân xong, người ta lùa hàng loạt chen-chúc vào những hỏa-lò tập-thể vĩ-đại rồi nấp cửa lại. Ba phần tư bệnh-nhân trút linh-hồn ngay ở đấy vì trúng độc thủy-ngân hoặc ngột thở vì hơi nóng ghê người chịu không nổi.

Thủy-ngân tay có làm khép miệng

các nơi lở-lói thật, nhưng gốc bệnh trong máu vẫn tiếp-tục tàn-phá cơ-thể gây về sau những chứng điên-cuồng, bệnh bại-liệt, sự đui mù và vô-số những hỗn-loạn biến-chứng trầm-trọng khác.

Bệnh giang-mai cũng không buông tha những nhân-vật hữu-danh Vua Henri VIII của nước Anh cũng vương phải bệnh này nên các bà vợ đều có con sơ-sinh yếu tử. Nga-hoàng Ivan le Terrible vì mắc bệnh giang-mai mà phát chứng cuồng điên đã gây bao nhiêu điều đứng đau thương cho Nga-quốc. François đệ nhất cũng không tránh khỏi chứng bệnh quái ác này.

Suốt 7 năm trường hiểm-họa giang-mai làm mưa làm gió tung-hoành khắp Âu-châu, cứ 3 người thì có một người mắc bệnh, mười người thì chết một. Tuy vậy đến chừng lực-độc của vi-trùng giảm dần sự tàn phá bên ngoài thì bệnh thể lại chuyển sang mặt tiềm-ẩn để giết người một cách chậm-chạp nhưng chắc chắn. Và tấn bi-kịch này diễn lại ở mỗi nơi mà chứng bệnh giang-mai đến viếng.

Các thương-gia mang đến Trung-Hoa năm 1505 ; bọn thủy-thủ Bồ-đào-nha đưa qua Nhật năm 1569. Trong nhiều hòn đảo ở Nam Thái-Bình-Dương dân-cư trên đảo gần như bị hoàn-toàn diệt chủng vì món quà tai-ác này của người da trắng. Mỹ-châu chậm nếm mùi đau khổ sự truyền-nhiễm của bệnh giang-mai là nhờ ở sự chính-đỉnh khác-khổ của những người thực-dân lúc ban đầu. Tuy vậy vào năm 1646 cũng có một trung-tâm nhỏ ở Boston đã diễn ra cảnh-tượng ở Âu-châu ngày

trước. Ở đây Cotton Mather, nhà truyền giáo Thanh-giáo-đồ đã vui-vẻ nhận chịu « hình-phạt chính-đáng của Thượng-đế ».

Khuẩn xoắn vòng bệnh giang-mai rất yếu ớt đến nỗi gần như là không thể sống được một khi ra khỏi cơ-thể con người hoặc con vật dùng để thí-nghiệm. Tuy vậy nó được truyền-nhiễm từ người này sang người khác và lưu-truyền nội giống ngót năm thế-kỷ nay. Nguồn gốc những bi-kịch thảm thương cho loài người và nguyên-nhân của những hiểm-họa sát-nhân đặc-lực hơn cả và dai-dẳng hơn cả, khuẩn xoắn vòng của bệnh giang-mai quả thật là một trong những loại vi-trùng hung-hiểm hơn cả.

Ngày nay các bệnh-nhân cũng đặt trọn niềm tin của mình vào các bác-sĩ và các liều thuốc kháng-sinh chẳng khác nào cách đây 5 thế-kỷ các bệnh-nhân tiền-bối đã đặt hết niềm tin vào các y-sĩ, vào những chiếc hỏa-lò và thuốc cao thủy-ngân. Với sự cuồng-tín đó mà ngày xưa cơ-thể các bệnh-nhân bị tàn-phá vì các thứ thuốc kháng-sinh.

Ban đầu người ta nghĩ rằng chế-phục bệnh giang-mai ngày nay được xem là dễ-dàng nhờ những thuốc kháng-sinh công-hiệu như thần. Vài triệu đơn-vị Pénicilline đủ để chữa lành bệnh giang-mai. Nhưng dần dần người ta biết được có một số vi-trùng đã lờn với Pénicilline. Một nhà bác-học về khoa vi-trùng đã nói lên một nhận xét: một sự thật chưa đựng nhiều chua cay: « Ngày nay có nhiều loại vi-trùng làm

mủ muốn nuôi nó phải cho nó ăn Pénicilline, nếu không thì nó không lớn và không sanh-sản ».

Theo bác-sĩ Siboulet và bác-sĩ Pierre Durel, năm 1954, số trường-hợp hàng năm về bệnh giang-mai chỉ còn 1/13 mà thôi. Nhưng trong 10 năm sau này số người mắc bệnh giang-mai tăng gần gấp 4 lần.

Bác-sĩ Delzant tuyên bố : « Bây giờ chúng tôi mới biết rằng thuốc kháng-sinh chưa đủ. Giáo-dục cho giới trẻ là khí-giới hữu-hiệu cần-thiết để làm chủ tình-thế. »

Quần-chúng muốn thuốc vẫn là những con người ngây-thơ quá mê-tín vào thuốc men, y-lại vào y-sĩ như thần-thánh đã không lưu-ý đến một phương-pháp trị bệnh kỳ-diệu mà Tạo-hóa đã rộng ban cho tất cả mọi người : phương-pháp tuyệt-thực.

Trong sách «Fasting, Hydrobathy and Exercise» Bác-sĩ F. L. Oswald đã viết : « Một bệnh do vi-trùng gây ra, lực-độc như bệnh giang-mai, từ xưa xem như một bệnh dai-dẳng với những cách chữa bằng những phương-pháp hòa-hoãn tạm bợ đã được trị tận gốc với phép nhịn ăn trong những bệnh-xá Á-rập ở Ai Cập trong thời-gian Pháp chiếm-đóng. »

Bác-sĩ Robert Barthow cũng thừa-nhận rằng : « Nhịn ăn chắc-chắn là một phương tiện xuất-sắc để bài-tiết vi-trùng ra khỏi cơ-thể bằng một quá-trình liên-tục tuần-tự hủy-diệt phân-tử và để tái-tạo các cơ-cấu trong cơ-thể. Nhịn ăn là một phương pháp mà Đông-phương đã dùng để chữa lành bệnh giang-mai với những kết-quả rất mỹ-mãn. »

• Một cuộc tuyệt-thực dài-hạn đã chữa lành hẳn bệnh giang-mai do bác-sĩ Ulrich Von Hutten hướng-dẫn và chăm-sóc đã được chính-thức kiểm-soát. Cuộc thí-nghiệm để chứng-minh này các sinh-viên y-khoa ở Mỹ đều biết rõ.

Chúng ta sẽ nghĩ thế nào về hiểm-họa tồi-té đang đe-dọa dân-tộc ta cũng như đang đe dọa nhân-loại và khả-năng trị-liệu của phép tuyệt thực ?

Tuyệt-thực đi về đâu ?

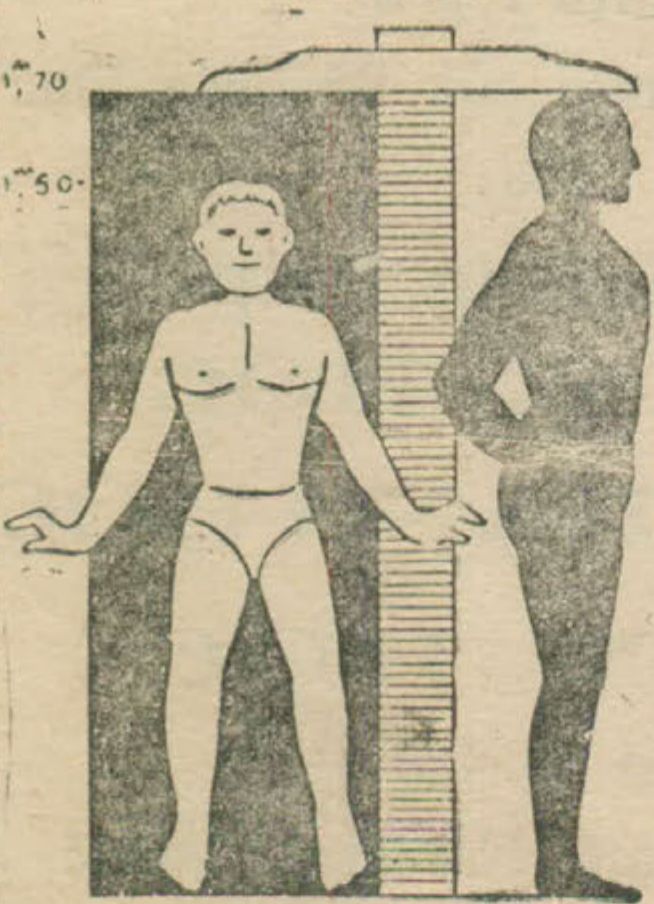
Bác-sĩ Adolph Mayer, một vị lương y xuất-chúng người Đức đã viết trong tác-phẩm : «Tuyệt thực liệu-pháp, liệu-pháp của nhiệm-màu» những giòng sau đây :

«Tôi xác-nhận rằng nhịn ăn là phương pháp thần-hiệu nhất để chữa lành bất cứ bệnh-tật gì. »

VÕ-THỊ-THANH-RÒON

Vitalaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



LABOHADZER

- CON NIT MAU BIẾT ĐI!
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ!

KN S6 : 78 MBYI/QCPD

VẬT LÝ

Lớp 12 AB Tập 1

Có hướng dẫn các giải toán
Chương trình mới của Bộ Giáo Dục
do hai Giáo sư :

NGUYỄN TRỌNG THI và PHẠM THU soạn

oOo

NGUYỄN TRỌNG THI

*Tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Cao Học Vật Lý
Hội Viên Tiểu Ban Cải tổ Chương Trình Vật Lý
Giáo sư các trường Nguyễn Trãi, Nguyễn Bá Tông
Thăng Long, Hưng Đạo.*

Câu hỏi giáo khoa

VẬT LÝ

Tú tài I AB

Chương trình mới của Bộ Giáo Dục

oOo

Giáo Khoa và Phương Pháp Giải Toán

QUANG HỌC

TOÁN QUANG-HỌC

ĐIỆN HỌC

Lớp 11 AB

Chương trình mới của Bộ Giáo Dục

Đại Dương xuất bản

Thống Nhất 117 Lê Lợi Tổng Phát Hành

Mùa thi, Nha trang

2 / NGUYỄN TRỌNG VĂN

(tiếp theo BK 3/19)

Nơi ăn chốn ở
rất chu đáo!

Việc coi thi và chấm thi năm nay có hai điểm khác mọi năm; trước nhất là không khí căng thẳng giữa thầy trò. Trước kỳ thi có những vụ lộn xộn đáng tiếc xảy ra ở Sài Gòn và ở tỉnh nên cả thầy lẫn trò đều bị đặt trong tình trạng báo động. Học trò được đề cao quá đáng lo ngại có thể bị trừng phạt quá đáng, còn thầy giáo luôn luôn có cảm tưởng mình sắp bị đánh. Tình trạng căng thẳng, đôi khi được thời phòng đã trôi qua, không có gì đáng tiếc xảy ra. Điểm khác biệt thứ hai là nhà giáo được chăm lo đầy đủ, chu đáo hơn mọi năm. Mỗi bận tâm và lòng ưu ái đặc biệt của cấp trên được thể hiện qua báo chí, T.V. đã làm rất nhiều người vừa lòng, nhất là những người không phải là nhà giáo. Nhà giáo thì đứng đưng nghi ngờ vì họ đã bị thiệt thòi, thất hứa quá nhiều. Họ biết chỉ thị không phải là sự thật, màn ảnh truyền hình không phải là cuộc đời. Trên giấy tờ, màn ảnh... nếp sống của nhà giáo đi coi thi ở xa đã được chuẩn bị rất đầy đủ và chu đáo, trên thực tế nó đầy đủ và chu đáo tới mức nào thì chỉ nhà giáo đi coi thi mới biết được.

Luật giang hồ

1925. Chúng tôi đặt vali xuống đất lau mồ hôi và làm bầm: «Sao chẳng có gì cả thế này?». Không một mảnh

giấy, một mũi tên chỉ dẫn hoặc một người nào ra chỉ bảo cho chúng tôi về nơi ăn chốn ở. Hành lang trường Võ Tánh có vẻ hoang vu và dài thêm, thỉnh thoảng một cơn gió thổi qua. Không ai bảo ai, chúng tôi lại xách vali đi tìm chỗ ngả lưng. Đói và mệt nhưng chúng tôi vẫn lục lạo rất nhanh nhẹn, mắt nhìn hết phòng này tới phòng kia, quan sát, cân nhắc. Phòng này không có khóa, phòng kia cửa sờ bị hư, phòng này quá tối và hình như có mùi thum thum... Những năm đi coi thi đã dạy cho chúng tôi phản ứng như vậy, một thứ phản ứng tự vệ, mạnh được yếu thua. Đặt hành lý xuống không phải đề nghị ngồi, đề thờ hoặc đề nói bông đùa mà đề quan sát, cân nhắc, lựa chọn «địa hình địa vật», ngay sau đó như một bản năng, ai cũng cầm hành lý lên rào bước đi kiểm phòng. Chậm chân là chết, không có bàn ghế tốt, không có phòng tốt, cho mình và cho bạn thân. Kiểm phòng nhưng không đi vào trong phòng, và nếu có bước vào trong phòng thì phải quan sát thật lẹ rồi ra ngay không được ở lại lâu trong đó. Rào qua các phòng để quan sát, so sánh chứ không dừng lại ở một phòng vì nếu dừng lại lâu ở một phòng có thể sẽ có phòng khác tốt hơn và khi khám phá ra điều đó thì đã có những người khác chiếm mất rồi.

Kiểm phòng là một nghệ thuật, giữ chỗ tốt lại càng là nghệ thuật hơn nữa. Không biết thương phế binh

chiếm đất cắm dùi có theo chiến thuật nào không nhưng nhà giáo chiếm phòng và dành chỗ thì có chiến thuật rõ ràng. Không bao giờ 3, 4 người bạn cùng ủa vô một phòng, họ *phân tán mỏng*, mỗi người vào một phòng khác nhau, như thế tỷ lệ xác suất chiếm được phòng tốt, chỗ tốt, sẽ cao hơn! (chỗ tốt là chỗ thoáng khí, gần cửa sổ, mát mẻ) tránh sự quan sát trực tiếp từ phòng thi của thí sinh, có *bàn mặt phẳng* để làm giường, cửa có khóa, cửa sổ chắc chắn có đinh để mắc màn, có đèn để tối đọc báo (hoặc đánh bạc!...). Thường mỗi nhà giáo mang theo hai va-li. Khi chọn được phòng tốt, họ đặt mỗi va-li ở một vị trí khác nhau, một cho họ một cho bạn thân. Nhà giáo không mang theo còi, hàng rào kẽm gai, biểu ngữ hoặc gậy gộc, va-li thay thế cho những thứ đó. Đặt va-li ở đâu là chiếm hữu đất đai, phân chia ranh giới ở đó. Đó là luật giang hồ của nhà giáo. Khi đã đặt hết va-li mà vẫn còn thấy chỗ tốt, bàn ghế tốt, nhà giáo sẽ tung ngay chiếc nón đang đội trên đầu, chiếc áo mưa hoặc tờ báo có ký tên sẵn trên tay để đánh dấu sự chiếm hữu của mình trên các bàn ghế đó. Thế là chắc ăn! khi đã dùng hết va-li, áo mưa... để chiếm đất rồi mà vẫn còn thấy chỗ tốt, nhà giáo sẽ phải dùng đòn tâm lý nếu muốn chiếm luôn chỗ đó cho bạn mình. Ông nào ngờ ngác bước vào và muốn đặt va-li lên chỗ tốt đó, nhà giáo của chúng ta sẽ nói ngay: «Hình như có người rồi đó toa!» Thế là ông bạn chặm chân và xấu số sẽ linh sang phòng khác ngay: Một phần vì tôn trọng luật giang hồ, phần khác vì hy

vọng biết đâu phòng bên cạnh chẳng còn chỗ tốt hơn.

Sau màn chiếm đất chớp nhoáng căn cứ trên nguyên tắc «tới chậm thì hết chỗ», «trâu chậm uống nước đục», các nhà giáo quen thân lúc này phân tán mỏng, nay gặp nhau lần nữa, quan sát, cân nhắc, so sánh kỹ lưỡng hơn trước khi đi đến quyết định cuối cùng. Va-li, xách tay, áo mưa... được bày la liệt tại các phòng tương đối xấu sẽ được di chuyển về phòng được coi là ưng ý nhất. Bày giờ, nhà giáo mới thở phào nhẹ nhõm, lơ đãng lấy thuốc hút hoặc cúi xuống cởi giày.

Phòng tốt, chỗ tốt bị chiếm hết, phòng xấu bàn ghế xấu, chỗ xấu dành cho những người tới sau. Định luật Gresham về tiền tệ hình như cũng áp dụng cho việc chiếm phòng của nhà giáo: phòng xấu đuổi phòng tốt.

Cao thủ võ lâm

Thường thường cảnh chiếm phòng, dành chỗ diễn ra một cách trầm lặng dù sôi nổi và ráo riết. Khi còn nhiều phòng, nhiều chỗ sự lựa chọn tương đối dễ dàng hơn, cảnh tranh giành không diễn ra, khi các nhà giáo đã tới đông, phòng tốt chỗ tốt không còn nữa người ta phải giành nhau, kể cả phòng xấu, chỗ xấu. Đó là điều có vẻ tức cười và bi đát dù rằng cảnh «giành chỗ» của nhà giáo diễn ra rất tế nhị và trí thức.

Kinh nghiệm coi thi đã dạy chúng ta cách chiếm chỗ «bất hợp pháp» (chiếm chỗ cho bạn bè, chiếm nhiều bàn...) nhưng cũng kinh nghiệm coi thi đã dạy chúng ta cách đối phó với tình trạng bất hợp pháp trên.

Bạn đang đề hai, ba cái va-li trên hai ba chỗ tốt khác nhau, một ông bạn khác bước vào và hỏi: «Cậu nắm chỗ nào?». Nếu bạn nói «đang kiểm» thì sẽ kẹt vì ông bạn kia có thể đặt va-li xuống chỗ tốt nhất thành ra bạn phải chỉ chỗ của mình. Những chỗ còn lại dĩ nhiên không thể là của bạn được. Ông bạn tới sau biết điều đó nên ông có thể điềm nhiên đặt va-li xuống chỗ nào mà ông ta thích dù chỗ đó đã có một cái va-li, một cái áo mưa. Trước đôn tâm lý mà bạn tung ra, ông bạn tới sau trả lời, đôi khi kèm theo một nụ cười rất xã giao: «cho mình đề nhờ một chút khi nào tay đó về thì mình đi!» Lúc đó bạn biết rằng mình đụng phải một cao thủ, một giáo «lỳ»! Bạn cũng giữ chỗ trước nhưng chính ông ta cũng giữ chỗ trước. Ông ta đặt một chiếc va-li xuống và xách một cái ra phía cửa để quan sát phòng bên cạnh. Nếu thấy chỗ trống hoặc có người quen giành chỗ rồi, ông ta sẽ chiếm một chỗ bên phòng này. Nếu không ông cũng điềm nhiên đặt một chiếc va-li giữ chỗ như đã làm ở phòng bên kia. Sau đó ông ta lấy thuốc hút, thường là mời cả bạn nữa. Chờ đợi một lát, thế nào cũng có người kiểm được chỗ tốt đôi chỗ, có người có bà con mời ra ngoài ở, có người rủ nhau đi ở khách sạn v.v... Lúc đó ông bạn tới sau sẽ chiếm được một trong 2 chỗ dự khuyết. Nhanh chân mới kiểm được chỗ nhưng chậm chân mà «lỳ» cũng kiểm được chỗ như thường!

Những nỗi vui buồn nhỏ

Tuy nhiên, có khi lì lợm nhưng cũng chẳng kiểm được một chỗ dự

khuyết nào, người tới sau đành lui thủi đi kiểm khách sạn. Đi ba bốn người nhà giáo đỡ cảm thấy buồn vì ra phố kiểm khách sạn cũng là dịp đi thăm thành phố luôn, hơn nữa, ở nhiều người, tiền phòng chia đều ra nên cũng nhẹ bót đi. Nhà giáo nào đi một mình sẽ cảm thấy lạc lõng hơn. Lạc lõng trong khi giành chỗ ở trường, lạc lõng khi bị từ chối, lạc lõng khi lui thủi ra khỏi trường.

Nỗi buồn bé nhỏ đó không phải là không hay xảy ra nhưng nó thường thoáng qua nhường chỗ cho những niềm vui con con, bất ngờ khác: gặp bạn quen, có người thân mời ra ở nhà, làm quen được với những người bạn cởi mở, vui tính... Trong các dịp coi thi, nhà giáo thường làm quen, giúp đỡ và thông cảm với nhau rất dễ dàng.

Nghề của chàng

Giấy rách phải giữ lấy lề, có lẽ nhà giáo là người giữ được truyền thống coi thi của mình một cách chu đáo nhất. Cách đây 10 năm, năm ghé bố, năm bàn, năm ghé la liệt trong phòng học như nạn nhân tị nạn chiến tranh. Bây giờ cũng năm bàn, năm ghé la liệt trong phòng học. Thế không phải là trung thành với truyền thống sao? Biết bao chế độ đã trôi qua, biết bao Thủ-tướng, Bộ-trưởng đã làm giàu và về vườn, biết bao cảnh vật đổi sao dời thế mà nhà giáo vẫn tiếp nối vẻ vang truyền thống tị nạn của mình, chẳng thèm xét tới những bất công, thiếu sót cũng như những lời hứa xông của cấp trên.

Giấy dép để lăn lóc, mũi bút tắt bốt lên ngào ngạt trong phòng, những

tiếng ngáp, những tiếng bẻ lưng, những cái quần đùi đủ màu, những cái áo thun trắng bóc mới mua trước khi đi hoặc đã ngả màu vàng đục, gầy nhờ chẳng chít như mắc bẫy, quần áo bề bộn, la liệt. Đi phải khom lưng để tránh đụng vào dây mùng. Những cảnh đó đã diễn ra từ hàng chục năm, nhà giáo được tôi luyện dần dần với nếp sống đó. Ông kê bàn ghế thành giường rất khéo và nhanh nhẹn, không có chỗ mắc màn, ông dựng một cái ghế lên để mắc màn. Cách thức dựng ghế, chèn cho cái ghế không bị ngã khi mắc dây màn, khi bị người khác vô ý chạm phải... đã trở thành thói quen, rất kinh nghiệm và khoa học. Các thứ lật vật được để trong học bàn lúc đó đã trở thành học tủ. Có người mang theo gối, đôi khi cả gối ôm nhưng thường nhà giáo lấy mền cuộn lại làm gối. Hồi đi coi thi ở Huế tôi đã thấy những nhà giáo cuộn hai ba viên gạch trong giấy báo hoặc giấy thi để gối đầu.

Ba cái bất ngờ không thú vị

Kỳ đi coi thi năm nay tại Nha Trang nhà giáo gặp ba cái bất ngờ không thú vị: trong khi đi đường, cái bất ngờ không thú vị thứ nhất là Boeing 727 đã cho nhớ tàu bữa ăn trưa. Có lẽ EVN cho rằng nhà giáo sống bằng chữ nghĩa thánh hiền, chẳng màng tới đời sống vật chất nên đã chỉ cho một cái kẹo và một ly nước tượng trưng. Khi tới trường Võ-Tánh, cái bất ngờ không thú vị thứ hai là đã không có nơi ăn chốn ở chu đáo như cấp trên hứa hẹn rất chắc chắn. Hình như tình trạng

này là tình trạng chung, chỉ thị của Bộ chẳng có ảnh hưởng gì. Khi chúng tôi chấm thi gần xong, còn độ một ngày nữa thì về bỗng nhận được lệnh phải trưng dụng các khách sạn để lo nơi ăn chốn ở cho giáo chức đi coi thi thật chu đáo! Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười, lắc đầu. Ông Thiệu vận động tranh cử nên ông có thể làm gì mặc ông nhưng chúng tôi buồn vì những cố vấn của ông, những vị này muốn lấy lòng nhà giáo để kiếm phiếu cho ông Thiệu nhưng đã làm trật búa hết cả. Chỉ thị đó không những làm chúng tôi cảm thấy mỉa mai, buồn cười nhưng còn làm chúng tôi ý thức rõ hơn nữa về tình trạng bị bỏ rơi của mình. Lâu lâu bỗng dựng người ta nhớ ra, có biện pháp này, biện pháp kia gọi là nâng đỡ tạm bợ, vá vúi đối với nhà giáo.

Ở cái nước này, phải mỗi năm bầu cử Tổng Thống, nghị sĩ, dân biểu một lần mới khá được. Có vậy dân chúng và nhà giáo mới hy vọng được các ông lớn *nhớ tới* sự có mặt của mình trong xã hội.

Sau hết cát bất ngờ không thú vị thứ ba là ngay đêm đầu tiên các nhà giáo đã được kẻ trộm tới hỏi thăm sức khỏe!

Bí mật của chàng

Số với trường Quốc học Huế, cảnh tắm rửa của nhà giáo ở trường Võ-Tánh diễn ra tượng đối tốt đẹp hơn. Năm ngoái, ở trường Quốc-học, nhà giáo coi thi đã phải tắm đêm, từ những vòi nước tưới hoa hoặc trong cầu tiêu đầy ruồi nhặng. Trường Võ-Tánh có bồn nước, có chỗ tắm tuy



— Nhà giáo ngỡ ngác tìm chỗ ở.
— Nhà giáo tắm gội →



không được tiện lợi lắm. Phòng tắm có nhiều vòi nước và tương đối kín đáo, phòng tắm ở cách cầu tiêu khoảng 50 mét. Các giáo sư coi thi ở lại trong trường thường tắm rửa ở ngoài trời, có lẽ vì thoáng khí dễ chịu hơn. Cảnh tắm giặt thường diễn ra khi vắng mặt thí sinh. Tuy nhiên, có khi thí sinh đã vô lớp cũng có những người lẹ xẹ đi rửa mặt, từ trên cửa sổ phòng thi có thể nhìn thấy được.

Ở nhiều người trong một phòng phải có nhiều khóa việc ra vô mới dễ dàng, không phải chờ đợi lẫn nhau mất thì giờ. Nếu chỉ có một khóa thì đó là việc bất tiện, muốn đi sớm cũng không được vì phải chờ người khác, đi dạo phố về sớm cũng không có cửa vào phòng. Một hôm trong phiên họp, đông đủ giám thị áo quần chỉnh tề đang chăm chú nghe chỉ thị của Chánh chủ khảo thì một nhà giáo mặc quần đùi, áo thun lom khom bước vô. Cả phòng ngạc nhiên cười

rộ, mấy cô đỏ mặt cúi xuống. Về sau thiên hạ mới biết nhà giáo kia có việc cần, khi làm xong việc cần thì các ông bạn cùng phòng đã khóa phòng đi họp, nhà giáo của chúng ta không có lối vô phải miễn cưỡng vào phòng họp kiếm người bạn để lấy chìa khóa phòng ngủ!

Vấn đề ăn uống

Người ta thường nói ăn, ngủ, đi, ia, dĩ thực vi tiên, nơi ăn chốn ở, ăn ngủ, mất ăn mất ngủ, ăn mặc, ăn học, ăn chơi... Ăn là quan trọng, là ưu tiên nhưng những ai đã từng đi coi thi đều nhận ra rằng thực ra vấn đề được lưu ý tới trước tiên không phải là ăn mà là ở. Kiếm chỗ ở trước rồi kiếm chỗ ăn sau. Điều đó thực dễ hiểu: kiếm được chỗ ở thì sẽ kiếm được chỗ ăn, trái lại kiếm chỗ ăn trước thì sẽ mất chỗ ở.

Sau khi có chỗ ở rồi, các nhà giáo ra phố, vừa đi thăm cảnh, mua thêm các thứ lặt vặt cần thiết vừa đi kiếm

chỗ ăn. Hai câu hỏi thông dụng nhất khi nhà giáo gặp nhau ngoài đường là «ở đâu?» và «ăn ở chỗ nào?»

Có sự trái ngược giữa việc chọn chỗ ở và chọn chỗ ăn. Chỗ ở, phải chọn chỗ thực tốt, chỗ ăn trái lại phải chọn chỗ thực rẻ. Rẻ chừng nào tốt chừng đó, rẻ mà lại ngon, sạch sẽ, rộng rãi thì lại càng tốt nữa. Không cần quảng cáo, tự nhiên các nhà giáo thăm dò tình hình và nắm vững tình thế rất nhanh chóng. Hồi coi thi ở Huế, chúng tôi đã kiếm ra những quán ăn giá rất rẻ, 60 đồng một bữa, tại Nha trang, chúng tôi chưa kiếm ra tiệm nào giá rẻ như vậy. Có lẽ cũng không có vì nếu có, chắc các nhà giáo đã đồn ầm lên và tới chiều cố đông đảo, dù là chiều cố thử.

Ngay đầu đường Quang Trung có ba tiệm ăn sát nhau nhưng tiệm Lệ-Tân rẻ và bình dân nhất. Hơi chật và đôi khi bạn phải nghe những bợm nhậu thì nhau nói tiếng Đức, tuy nhiên đó là tiệm có bán phở và đồ nhậu. Phở bò, phở gà 70 đồng một tô, miến gà 100, tô đặc biệt 130 đồng. Buổi sáng nhà giáo thường lại đây dùng điểm tâm, buổi trưa và chiều nhà giáo có thể dùng cơm bữa với giá cả như sau: cơm bữa: 120, cơm bữa đặc biệt: 150, cơm đĩa thịt heo: 100, cơm đĩa thịt gà: 120.

Đề mấy giáo sư công dân, kinh tế có một cái nhìn chính xác, xin ghi lại một ít giá cả các thức ăn thức uống tại một tiệm được coi là gần trường và rẻ nhất:

Bia lớn 85	Bia 33	65
Bia hộp 100	Sữa đá	30

Coca hộp 80	Café đen	20
Café sữa 30	Đá chanh	25
Coca 50	Chanh muối	25
Cam vàng 40	Sô đa chanh	
	đường	50
Xá xị 35	Sô đa hột gà	80
Sữa hột gà 65	Bireley's	40
Trà đá 5		

Quán Thanh Hoài, bên cạnh Lệ Tân có bún bò Huế bánh cuốn chả lụa, chả quế và các đồ nhậu khác nhưng giá hơi cao hơn, quán này đặc biệt có cà phê đen ngon không thể chê được. Nếu bạn ăn phở bên Lệ Tân rồi sang quán bên cạnh này mà dùng cà phê đen thì bạn có thể tự an ủi trong chốc lát rằng không cần phải giàu sang nhờ buôn lậu, luôn cúi mà vẫn thấy đời màu hồng như thường!

Ở đường Công quản cũng có một quán ăn rất nổi tiếng, 160 đồng một bữa, trà đá không tính tiền. Quán Thọ-lộc đắt khách đến nỗi buổi chiều nếu tới trễ bạn phải chờ như chờ đợi mua vé xi-nê Bát đĩa sạch sẽ, thức ăn ngon và đầy đủ, cơm gọi thêm không tính tiền, có quạt mát và có ca nhạc. Khi trả tiền bạn sẽ được tặng thêm nụ cười của cô học trò ngồi ở quầy hàng, cô bé đeo kính cận nhưng cười rất có duyên. Nếu bạn đi xuống cuối đường Yersin và quẹo tay trái, bạn cũng sẽ gặp một quán ăn ngon và rẻ do một cô nữ sinh viên trông nom. Mấy quán này ngon nhưng hơi xa trường Võ-Tánh nên các nhà giáo ít biết tới.

Buổi tối, nếu có một giáo sư thồ công nào rủ bạn đi dạo chơi thì bạn sẽ hiểu thêm về những thú vui ban

đêm của Nha trang. Dĩ nhiên, bạn cũng nên đi qua Xóm-mới và đường Nguyễn-du để biết mặt những nàng Kiều của Nha-trang, ngay giữa thành phố bạn có thể vào ca-fé Thương để thưởng thức café và những thứ không phải là ca fé. Những thứ này đã trở thành kỹ nghệ, đúng ra phải gọi là đại-kỹ-nghệ. Bạn cũng có thể đi Đêm Hải-Đăng để nghe nhạc và xem Sexv Show (từ 75 đến 100%). Cà phê Hương bên cạnh Tháp bà, cà phê Tùng, cà phê Hưng ở đường Yersin.. đều là những quán cà phê nổi tiếng. Nổi tiếng vì những thứ gì thì tới đó sẽ biết ngay.

Nếu bạn mang theo nhiều tiền mà chưa tìm được ai để hợp mặt, bạn có thể vô những nhà hàng sang trọng trong thành phố hoặc những tiệm ăn lớn bên bãi biển để xem họ trình diễn nhiều loại máy chém.

Mấy ngày đầu chúng tôi xông xáo, thưởng thức đủ mùi vị của Nha trang nhưng chỉ ít ngày sau, kinh tế kiệt quệ trông thấy. Ủy viên kinh tế trong nhóm chúng tôi, trái với ông Phạm kim Ngọc, luôn luôn nhấn nhủ kinh tế đang khủng hoảng và đe dọa sắp phải bước vào kế hoạch Bravo 2, tức *kế hoạch đồ hộp*. Mỗi lần ăn sáng chúng tôi tốn trung bình 100 đồng mỗi người, nếu dùng đồ hộp chỉ tốn khoảng 50 hoặc có khi ít hơn. Tại Nha trang cam Mỹ và đồ hộp bán rất rẻ. Cam tại Saigon bán 6 hoặc 700 một ký, tại Nha trang giá hạ xuống chỉ còn 300 (đồ lậu từ Cam ranh đưa ra), đồ hộp cũng vậy, giá rẻ đi một nửa.

Thấy chúng tôi ăn mặc sạch sẽ,

túi gấn bút nguyên tử đỏ, trông đúng là những ông thầy đáng kính, mấy bà mấy cô đua nhau trưng ra những thứ hàng mắc tiền. Chúng tôi lắc đầu, hỏi mua những thứ bình thường, rẻ tiền nhất. Trước sự ngạc nhiên của mấy người bán hàng, chúng tôi nói: « mua về ăn tráng miệng chơi » hoặc « thấy rẻ quá mua về làm quà cho con nít ». Bấy giờ mấy bà bán hàng, mới hiểu tại sao chúng tôi lại mua những thứ khiêm nhường như vậy, mấy bà vui vẻ chọn đồ hộp cho chúng tôi. Không ai bảo ai, chúng tôi đều mỉm cười vì biết rằng cái *chợt hiểu* của mấy bà chỉ là cái *chợt hiểu lầm*. Đó là một thứ hiểu lầm đáng yêu!

Cái khoái thứ năm

Thường thường người ta nói tới tứ khoái những nhà giáo đi coi thi tại Nha trang có một cái khoái thứ năm : đó là tắm biển.

Một trong những lý do khiến giáo chức từ Saigon cảm thấy thích thú khi đi coi thi tại Nha trang chính là thú tắm biển. Coi thi, chấm thi trở thành dịp đi nghỉ mát. Biển Nha trang sâu hơn, nước biển xanh lè so với biển ở Vũng Tàu. Chỉ cần ra ngoài độ 10 thước bạn đã bị ngập đầu rồi, ít người dám bơi ra xa, thiên hạ bu đen ven bờ biển, nhất là trẻ con. Biển Nha trang có những hòn đảo ở ngoài xa, biển Vũng Tàu không có những đảo tương tự. Từ Hòn chông, từ Cầu đá có những chiếc thuyền gắn động cơ chờ bạn đi thăm các hòn đảo với giá tương đối rẻ. Hình như bãi biển Vũng

tương đối sạch sẽ hơn, ít rác rưởi hơn, trái lại bãi biển Nha trang hết sức dơ dáy. Cát không trắng như chúng ta tưởng, bãi biển không xinh đẹp như được ca ngợi trong mấy bản nhạc. Cát vàng đục, lộn cợn rác rưởi. Từ 10 giờ đêm trở đi bạn sẽ thấy một cảnh tượng đặc biệt : đào hố đổ rác. Người lớn, trẻ con mang xẻng ra đào hố ở bãi biển, khi hố đã sâu khoảng thất lưng hoặc đầu gối họ đem vỏ dừa và các thứ đồ ăn thức nhậu thừa thãi, lòng gà, đầu cá... đổ hết xuống và lấp cát lên. Một anh bạn trong bọn tôi đã nằm trên cát ban đêm thay vì nằm trên những chiếc ghế ny-lông, một lúc sau anh kinh hoàng nhận ra mùi hôi thối ở tay chân, quần áo. Anh thức mặc một đêm nhưng đêm sau, thấy cảnh đào hố đổ rác anh hiểu mọi chuyện, từ đó những mơ ước nghệ sĩ của anh cũng thay đổi phần nào ! Buổi sáng bãi biển lộn cợn vỏ dừa, đồ hộp hoặc các thứ rác rưởi khác, buổi tối cảnh đào hố đổ rác làm bãi biển mất vẻ thơ mộng mọi người hằng ca tụng.

☞ Nước dừa ở Nha trang rất rẻ, một ly thực lớn chỉ có 35 đồng. Dừa Nha trang rất lớn, một trái có thể được 2,3 ly nước. Tại Sài Gòn, bạn kêu một ly nước dừa và người ta bỏ cho bạn một trái dừa xiêm, mỗi ly khoảng 50 đồng. Ở Nha trang nước dừa tính bằng ly chứ không tính bằng trái : nước nhiều, có cùi dừa nhai sần sật ngon miệng, có đá lạnh mát rượi. Ở Sài Gòn người ta ướp lạnh dừa xiêm, ở Nha trang người ta đập đá cho vô ly nước dừa. Sau khi chạy

nhảy trên bãi biển, sau khi vùng vẫy dưới biển xanh, bạn ngồi nhắm nháp ly nước dừa mát rượi, nhìn ra ngoài khơi, tâm hồn trùng hân lại.

Ở bờ biển có nhiều quán nhậu chém rất kỹ nhưng cũng có những hàng bánh mì giá phải chăng. Có khi không muốn đi ăn xa chúng tôi ăn bánh mì và uống nước dừa thay thế cho bữa cơm, rồi ngồi cả buổi ngoài bãi biển, nghỉ ngơi, ngắm cảnh.

Bộ mặt khác

Đời sống kinh tế, chính trị, thực trạng xã hội... để lại dấu tích trên khuôn mặt con người, trên khuôn mặt đất đai. Bãi biển cũng mang những dấu tích đó.

Trong khi mọi người nô đùa, bơi lội thảnh thơi có những chiếc trực thăng của Mỹ bay lượn trên đầu. Dọc theo bãi biển là những căn cứ, kho chứa đồ của quân đội Mỹ, Đại hàn, có những bảng hiệu bằng tiếng Mỹ, tiếng Đại hàn. Con nít đánh giầy, bán đậu phộng rất đông. Chúng đen đũi khác hẳn những đứa trẻ cùng nghề tại Sài Gòn, đen vì nắng gió, tranh sống nhưng cũng đen thêm vì bơi lội, tắm biển. Trẻ con đánh giầy không mang hộp gỗ nhưng mang một cái lon lớn trong đó có thuốc đánh giầy và ít giẻ rách. Gặp ai mang giầy ra bãi biển, chúng bu lại giành nhau đánh không cần biết nạn

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

Một bộ Bách Khoa từ 1957 đến 1970 gồm 42 tập (thiếu các số 1, 9, 12, 28, 70, 81) — Hỏi tại Tòa soạn.

nhân có ưng thuận hay không, phải khó khăn bạn mới từ chối được. Tôi đã thấy 14 người gồm già trẻ lớn bé bu quanh 2 người Mỹ đòi đánh giầy dù hai người này từ chối. Cuối cùng hai người phải lắc đầu, đồng ý. Một đũa lỏi đồ nghề ra đánh còn 13 người kia đứng xem, chờ đợi. 13 người này gồm có 6 đũa trẻ đánh giầy khác cũng sần sần tuổi nhau, một đũa hầu bàn, hai bà bán đậu phộng luộc, hai cha con (?) ông lão ăn xin, người cha, một mắt chột, da đỏ kéo lên che kín con người, mắt kia chỉ còn là một lỗ hồng, tí hí, ông quờ quạng chìa tay sát vào người Mỹ, miệng thều thào, bọt mép trắng, nhóp nhép, hình như có nước bọt bắn ra khỏi miệng, tôi thấy người Mỹ ngả hẳn ra sau khi ông lão cúi xuống quá thấp, đũa trẻ trọc đầu, mặc áo nâu, mặt lạnh lùng, không khăn khăn van xin cũng không quá lơ là, nó đứng đó, không nhìn người Mỹ, cũng không nhìn đũa trẻ đang đánh giầy, tay nó hướng về phía người Mỹ đề yên, không làm bộ run run như ông già. Người Mỹ thò tay vào túi, tôi thấy cả đám đông lay động, xúm lại gần hơn. Hai đũa trẻ bán đậu phộng rang ngồi sau lưng hai người Mỹ, chúng cầm ba, bốn đĩa đậu phộng chồng lên nhau, mắt lơ là nhìn thẳng bé đánh giầy, tay lơ đãng nghịch cát phía dưới chân ghế hai người Mỹ. Khi người Mỹ đứng dậy trả tiền, đám đông 13, 14 người bu theo, những bàn tay ngửa ra, những ánh mắt khờ khạo van xin, những tiếng Mỹ non dại, ngọng ngịu. Những cảnh như vậy diễn ra thường ngày, với Mỹ.

với Đại hàn.

Nghe nói các quán ăn dọc bãi biển đều là của thương phế binh chiếm đất cất nhà, có lắm quán lớn và sang trọng, những quán khác thường bằng gỗ ghép lại, có quán chỉ gồm xe nước trái cây và mấy cái dù lớn căng ra. Bờ biển không còn là nơi đề nghị ngồi, nhìn ngắm, bờ biển đã trở thành môi trường sinh sống của một số gia đình, bãi cát trắng mịn không phải là không gian để đi, để nằm, để dành riêng cho những cặp tình nhân ngả đầu tình tự, bãi cát đã trở thành những bãi rác miễn cưỡng cho những quán ăn ven bờ.

Có một cái gì trực trặc làm cho những người ta khó chịu nhưng xét dưới khía cạnh khác, chính cái trực trặc đó lại làm cho chúng ta ý thức rõ hơn về bộ mặt của xã-hội. Có một nhà văn nào ví xã hội này như đồng rác thối tha, dơ bẩn nhưng chúng ta cứ làm bộ như không biết tới đồng rác đó, làm bộ hoài rồi quen luôn, tưởng như không còn đồng rác nữa, ăn uống, du hí, toan tính mọi chuyện một cách bình thường. Những ai đánh thức chúng ta, nhắc tới bãi cứt lù lù ở đó, đồng rác chính ình ở kia chẳng những không làm chúng ta ý thức rõ hơn nhưng còn bị chúng ta oán ghét vì đã làm đổ vỡ mặt của chúng ta những mộng ước thoát ly. Trong chính quyền, ngoài xã hội, đâu cũng có những đồng rác, những chợ cá Trần quốc Toàn, tuy nhiên tại Sài Gòn và các thành thị khác chúng ta chỉ sống

bên cạnh đồng rúc, tại Nha trang chúng ta sống trong bãi rúc.

Bãi biển không phải là nơi để thoát ly nhưng đã trở thành tấm gương phản ảnh khuôn mặt thật của chúng ta và của xã hội.

Hình ảnh đẹp

Hình ảnh đẹp thứ nhất là thí sinh Nha trang khi ra về chào giám thị nhiều hơn thí sinh tại Saigon, đó là sự kiện được rất nhiều giám thị xác nhận.

Hình ảnh đẹp thứ hai là ông gác-dan ở trường Võ-tánh. Nghe nói ở đây nhất hiệu-trưởng, nhì gác-dan, ba mới tới giáo sư, chúng tôi là giáo sư từ xa tới nên phải đứng hàng tư. Hình ảnh ông thì không đẹp lắm nhưng ông có một câu nói rất đẹp. Tôi phải làm giám thị hành lang ba ngày liên tiếp, mỗi ngày đi bộ 6 giờ, ba ngày tổng cộng 18 giờ. Đi đi lại lại bên hành lang lúc 8, 9 giờ còn mát mẻ nhưng từ 10 trở đi thì mỗi chân, nhất là khát nước dễ sợ. Sáng và chiều ông gác-dan đều đem nước cho giám thị. Ông hơi ốm, đi dép nhựa lép kẹp nhưng nhanh nhẹn, miệng gắp điếu thuốc rê lớn, lúng lẳng trước cằm, mồm thường há ra ; ông mang ấm

nước thật lớn còn đưa con gái khoảng 8 tuổi cầm cái thúng đựng đầy ly. Ông rót hai ly cho giám thị phòng nhưng giám thị hành lang ông không cho uống, kể cả giám thị hành lang trên lầu cao. Lần đầu, mỗi chân và khát nước quá tôi nói với ông : «Chà, giám thị hành lang khát nước quá, xin bác một ly ! » ông quay người lại, ngược mặt nhìn thẳng vào mắt tôi và lạnh lùng trả lời : «Giám thị hành lang há xuống phòng hội đồng uống ! » Cầm sẵn ly nước trong tay nhưng ông đã mang vào cho hai vị giám thị phòng, để mặc tôi đứng đó, giữa nắng gắt. Hôm đóng tiền trà, tôi đã đưa 20 đồng, không phải vì tiền nước nhưng vì câu nói đẹp mà ông đã dành cho tôi cũng như cho các giám thị hành lang khác.

Sau hết, hình ảnh đẹp thứ ba : năm sáu nhà giáo nằm la liệt như dân tị nạn trên ghế, trên bàn, mùng mền bừa bộn, áo thun quần xà lỏn treo đầy cửa sổ, cạnh đó là một tấm giấy không biết ai tinh nghịch dán lên tường : «NĂM NAY GIÁO SƯ ĐƯỢC Ở KHÁCH SẠN RẤT ĐÀNG HOÀNG»

NGUYỄN-TRỌNG-VĂN

Nha trang, 6/71

SÁCH THIẾU NHI

Một nhà xuất bản mới về sách thiếu nhi vừa cho ra một loạt 4 cuốn trong « Tủ sách Mây Hồng » gồm :

Kẻ trộm ngọc của Phương Mai

Hạnh phúc trong tay của Minh Quân

Chim bay thành phố của Nguyễn Khắc Lộc

Thằng Thái Bình của Hà Huyền Chi

Mỗi cuốn khổ 11 x 16 dày 160 trang, ngoài phần truyện còn phần « Vui học » gồm có các mục danh nhân, khoa học v.v... Mỗi cuốn giá 70đ.

Sách mới Lá Bối

LỊCH - SỬ VĂN - MINH ẤN - ĐỘ

của WILL DURANT. Nguyễn-Hiến-Lê (dịch)

«Lịch sử nhân loại như một dòng sông đôi khi đầy máu và xác những người chém giết nhau, cướp bóc lẫn nhau, mà các sử gia chỉ thường chép những hành động đó thôi. Nhưng trên bờ sông còn có những người khác cất nhà, làm vườn, nuôi con, làm thơ».

Các sử gia khác bi quan vì không nhìn lên bờ; Will Durant, trái lại muốn cho nhân loại một bài học lạc quan và tương thân tương ái, nên cùng với vợ, bà Ariel, bỏ ra bốn chục năm, đọc bốn, năm ngàn bộ sách, mấy lần du lịch khắp thế giới, để soạn bộ Lịch-sử Văn-minh (The Story of Civilisation) được khắp thế giới khen là bộ sử nhiều tài liệu nhất, hấp dẫn nhất và có tinh thần khoáng đạt, nhân bản nhất của thời đại.

Bộ sử vĩ đại quá — bản Pháp dịch gồm 32 cuốn, mỗi cuốn khoảng 500 trang — chúng tôi chưa thể dịch hết được, hãy xin giới thiệu trước hết cuốn thứ nhì: Văn minh Ấn-Độ, vì chúng ta tự hào rằng, nhờ vị trí của giang san, được tiếp thu cả hai nền văn minh Trung và Ấn, mà sự thật cho tới nay được biết rất ít về VĂN-MINH ẤN-ĐỘ.

Độc giả sẽ được giọng văn của Ông lôi cuốn suốt 600 trang và sẽ hiểu những nét đại cương nền triết học vô cùng thâm thúy của Ấn-Độ, thi ca trầm hùng và kiến trúc vĩ đại của Ấn-Độ, những nhân vật kì dị trong 6000 năm lịch sử Ấn-Độ, những phong tục lạ lùng, nhất là đời sống bi đát của dân tộc Ấn-Độ.



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói: 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
 có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
 màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

Một người Gia-nã-đại và nghệ thuật của Phạm-Duy

Phạm-Duy

một nghệ thuật khúc điệu

Nói về màu sắc địa phương...

Nếu phương diện âm thể trong các khúc điệu Phạm Duy là điều quan trọng thì phương diện hòa điệu lại càng quan trọng hơn. Bởi vì nếu âm thể thường liên quan đến màu sắc của toàn thể, thì hòa điệu tự đồng hóa với một màu sắc có tính cách khu biệt và nổi bật hơn, càng nổi bật hơn nữa bởi lẽ màu sắc ấy liên hệ mật thiết và cơ hồ dính liền với cái khung khúc điệu.

* Các khúc điệu của Phạm Duy tự nó đã đẹp, trong hình thức nguyên sơ, không chút hòa âm nào, đó đã thực là kỳ diệu, nhưng những khúc điệu ấy chỉ đạt đến chỗ tuyệt đỉnh của vẻ đẹp và sức biểu thị nếu được hòa âm đúng theo ý muốn hay theo sự chỉ dẫn của tác giả. Hoặc do công phu nghiên cứu, hoặc do linh khiếu, Phạm Duy đã biết rất sớm rằng chính hòa âm lay động được các tình cảm, khiến cho khúc điệu có sức biểu thị và có chân lý; bằng cách thổi vào khúc điệu sinh lực riêng của nó, chính hòa âm đưa ta đến gần thiên nhiên. *Cô gái mơ, Giọng trắng sữa, Cây đàn bỏ*

quên, Khởi tình Thương Chi, Tiếng bước trên đường khuya, Thu chiến trường và nhiều bài khác của Phạm Duy hồi còn trẻ đã cần đến một phần hòa âm chính xác và khá dị biệt. Điều dễ hiểu đối với một nhà soạn nhạc trẻ tuổi, phần hòa âm của Phạm Duy ở những năm 40 thường thường trong sáng và lại có vẻ hơi cổ điển — những đặc điểm này rõ rệt hơn cả trong các bản hành khúc — nhưng đây đó trong các bản dân ca và trong các tác phẩm như *Cây đàn bỏ quên, Tiếng bước trên đường khuya, Thu chiến trường, Thanh niên ca, Tiếng đàn tôi, Đêm xuân* và *Cành hoa trắng* đã xuất hiện những chi tiết hòa âm khá độc đáo và lạ lùng. Nhân tiện hãy chú ý chẳng hạn vào đoạn xen lẫn nhau của những hài âm trưởng và hài âm thứ trong bài *Cây đàn bỏ quên*, các hài âm này đã khiến cho khúc điệu có một tính chất nửa buồn nửa vui rất hấp dẫn, các phần hòa âm trong *Tiếng đàn tôi* và *Đêm xuân*, bên ngoài có vẻ dễ dàng, nhưng bên trong

che dấu rất nhiều nghệ thuật và sự uyển chuyển, các diễn tiến hòa âm trong *Bà mẹ Gio linh*, *Quê nghèo* và *Gánh lúa* đều mới mẻ và đã rất tinh vi.

Tuy nhiên, chính bắt đầu từ những năm 50, nghệ thuật hòa âm của Phạm Duy mới đạt đến cực độ phong phú và tầm độ rộng lớn. *Nụ tầm xuân*, *Tiếng sáo Thiên thai*, *Tình hoài hương*, *Lữ hành*, *Thuyền viễn xứ*, *Tình ca*, *Phố buồn*, *Ngày trở về*, hãy chỉ kể mấy bài ấy thôi, không thể chấp nhận bất cứ lẽ; hòa âm nào cũng được mà lại đòi hỏi phần hòa âm rất công phu và chính xác lắm khi rất rắc rối. Nếu màu sắc hòa âm của tác phẩm những năm 40, thường thường hơi cổ điển, thì trong những năm 50, màu sắc ấy có một tính chất lãng mạn rõ rệt và nổi bật. Dĩ nhiên đây chưa phải là thời kỳ của những khám phá lớn lao về hòa âm ở cuối những năm 60 và ở đầu những năm 70, nhưng trong các bài như *Dạ lai hương*, *Chiều về trên sông*, *Một đàn chim nhỏ*, *Kiếp nào có yêu nhau*, *Nếu một mai em sẽ qua đời*, *Tạ ơn đời* và trong những khúc điệu phổ nhạc các bài thơ của Cung-Trầm-Tuông, những hòa âm táo bạo và mới lạ được gia tăng, cả về phẩm lẫn lượng. Về nhiều khía cạnh, thiên hợp phổ *Con đường cái quan* — hoàn tất vào mùa xuân năm 1960 — tổng hợp được nhiều khám phá về hòa âm của những năm 40 và 50, nhưng đây là chỉ nói về một loại hòa âm bắt nguồn từ các nhạc hệ dân ca Việt nam mà thôi, bởi vì trong những bài không thuộc loại dân ca thì phải chờ đến một số tác phẩm của những năm 1961-62-63, Phạm Duy mới hiến cho chúng ta một vài bản hòa âm tuyệt nhất và độc

đáo nhất. Ý tôi muốn nói đến các bài *Ngậm ngùi*, *Một khúc*, *Tâm sự gửi về đầu* — ba tuyệt đỉnh cao nhất của nhạc trữ tình Phạm Duy —, về bài *Quán bên đường* và về hai nhạc kịch *Chức nữ về trời* và *Tám, Cám*. Trước cái dung dị và cái đẹp tuyệt vời của những hòa điệu — và tất nhiên của cả những khúc đi u nữa — trong các tác phẩm như thế, theo tôi thì Phạm Duy hẳn phải cảm thấy rằng trong tương lai, muốn làm hơn, ông phải làm khác đi.

Thực ra, những hòa âm huy hoàng và mới lạ trong thiên hợp phổ *Mẹ Việt-Nam* — hoàn tất vào cuối năm 1964 — đã đánh dấu bước ngoặt lớn lao của Phạm Duy về phía nhạc ấn tượng. Từ đây, vừa tiếp tục phát triển một lối hòa âm đặc biệt của những năm 50, từ năm này sang năm khác, nhạc sĩ càng ngày càng đi sâu vào màu sắc ấn tượng, với âm hưởng đậm nhạt mờ ảo, sắc sảo khéo léo mọi bề. Ca khúc *Mùa xuân yêu em* (1965) là một chứng cứ hùng hồn về phương diện ấy: âm mi giảm đã gợi cho tác giả một lối hòa âm đặc biệt tinh vi và thoáng khoáng, khiến người ta nhớ đến Chopin của thời kỳ cuối cùng hay Debussy của giai đoạn thành thực.

Tôi sẽ vắn tắt lướt qua phần hòa âm của 10 bài *Tâm ca* đầu tiên, cũng ra đời vào thời này, bởi vì các hòa âm ấy tương ứng với các khúc điệu ấy, nghĩa là khá trợ trợ. Những tâm ca khác như *Nhân danh*, *Bi hài kịch*, *Những gì sẽ đem theo về cái chết*, *Đi vào quê hương*, *Chuyện hai người lính* và các ca khúc như *Kỷ niệm*, *Người yêu của cán bộ*, *Tôi đang mơ giấc mộng dài*, *Tôi không phải là gỗ đá* và *Khi tôi về*, được soạn vào các năm 1966-67-68, cho thấy một sự

trở về lối hòa âm phong phú và càng độc đáo hơn trước, nếu có thể. Bấy giờ Phạm Duy đã hoàn toàn nắm vững kỹ thuật, và càng ngày càng tung ra nhiều lối hòa âm táo bạo và rắc rối. Mặt khác, khi tôi bảo rằng các hòa âm của Phạm Duy càng ngày càng « độc đáo, » ý tôi muốn nói rằng: nhiều hòa âm Phạm Duy trong những năm 50, các nhạc sĩ khác có thể nghĩ ra, nhưng mà các hòa âm vào cuối những năm 60 thì không thể. Hãy nghiên cứu kỹ lưỡng các ca khúc như *Bi hài kịch*, *Chuyện hai người lính*. Khi tôi về và nhiều tác phẩm của những năm 67-70-71: cách chuyển tiếp hòa âm trong những ca khúc ấy, lối dùng hòa âm, lối chuyển từ âm thể này sang âm thể khác một cách đột ngột hay vắt tất, theo ý tôi, không giống bất cứ một nhạc sĩ Việt-nam hay Tây phương nào, những sự phá cách ấy cũng không hề được khuyến giãng trong các sách dạy hòa âm của chúng ta. Không, những chi tiết và những diễn tiến hòa âm ấy chỉ có thể do một người duy nhất quan niệm và thực hiện được: đó chính là Phạm Duy. Như vậy, dần dà theo thời gian, hòa điệu của nhạc sĩ đã trở thành một sáng tạo, cũng như khúc điệu của ông vậy. « Nhạc sĩ chúng tôi có một bốn phận đối với âm nhạc: là phải phát minh ra nó. » Lời xác nhận ấy của Igor Stravinsky, Phạm Duy có thể lấy làm của mình, bởi vì hiếm có nhạc sĩ nào được như ông, đã đặt nền tảng của tác phẩm của mình trên khả năng sáng tạo và đổi mới hoài.

Nhiều ca khúc của những năm 1969-70 có một lối hòa âm chặt chẽ hơn và rườm rà hơn, điều ấy không có gì đáng

ngạc nhiên; đó là trường hợp của *Nghìn trùng xa cách*, *Nha trang ngày về*, *Đừng bỏ em một mình*, *Mùa thu chết*, *Giết người trong mộng*, *Dạ hành* và *Thu ca*, *Điệu ru đơn* chẳng hạn hơn nữa người ta còn nhận thấy ở hai ca khúc cuối cùng một lối hòa âm có tính cách lạ lùng. Tuy nhiên ở Phạm Duy cái khiêu về những âm hưởng kỳ lạ hay bí ẩn không phải là chuyện mới đây. Từ những năm 40 trong tác phẩm của ông đã đầy những trò léo lắt và quỷ thuật về khúc điệu hay hòa điệu. Như vậy cái khiêu ấy phát triển dần theo thời gian và đưa Phạm Duy đến những trò *quỷ lễ âm nhạc* mà chúng ta được thỉnh với đến gần đây, đó cũng là chuyện thường tình, với một tay thầy pháp như thế, điều khiển âm binh một cách tuyệt vời như thế, người ta có thể tin chắc rằng những buổi lễ sau này còn dành cho chúng ta nhiều mê ly và bất ngờ hơn nữa. — Nhưng, có ý phản ngược lại, những ca khúc khác như *Tóc mai sợi vắn sợi dài*, *Ngày sẽ tới*, *Cung chúc VN*, *Tỳ bà*, *Gái lội qua khe*, *Tình hồi*, *Hát ví 69*, *Yêu là chết ở trong lòng* và *Nước mắt mùa thu*, lại có một lối hòa âm thoải mái hơn và tương đối ít rắc rối hơn.

Năm 1971, cho đến lúc này, dường như cũng là một năm đầy tương phản. Những khúc điệu xinh xắn và rất độc đáo như *Trả lại em yêu*, *Người lính trẻ*, *Ngày xưa Hoàng Thị*, các bài *Đạo ca 2* và *6 Đại nguyện* và *Lời ru*, *Bú móm*, *Nàng niu* — được bao trùm trong một hòa âm dịu và kín đáo không làm biến thể nét đẹp tinh vi của các ca khúc nọ. Mặt khác, trong lãnh vực hòa âm nửa cổ điển nửa lãng mạn, lối hòa

âm sở trường của Phạm Duy từ những năm 50 ấy, các bản liên hợp phổ *Đạo ca 3* và *đạo ca 7* — tức *Chàng dưng sĩ* và *con ngựa vàng* và *Cuộc chiến thầm lặng* đưa chúng ta đến những tuyệt đỉnh mới. Ở đây, cái đẹp, sức mạnh, cái linh khiến chặc chấn về những chuyển tiếp và khai triển hòa âm đều khá lạ lùng, và khiêu cho hai ca khúc nọ trở thành những tuyệt phẩm kiểu mẫu.

Nhưng trên lãnh vực các âm hưởng mới mẻ và lạ lùng, chúng ta cần phải ngừng lại ở những lối hòa âm tinh vi của các bài *Đạo ca 1*, *5* và *8* — tức *Pháp thân*, *Một cành mai* và *Gột chuông cam lộ*. Như tôi đã nhận xét trong một bài trước đây, trong các bài *đạo ca 1* và *5*, nét khúc điệu liên hệ chặt chẽ với nét hòa âm, bên này nương tựa vào bên kia. Chỗ mới mẻ của toàn bộ khúc điệu và hòa điệu ấy là nó không có một căn bản âm thể thực sự nào. Và cho đến hiện nay, cái cảm tưởng vô âm thể ấy là điều độc đáo nhất trong tác phẩm của Phạm Duy. Về bài *đạo ca số 8* khía cạnh bằng bênh của âm thể do ở sự kiện sau đây: khúc điệu không hề có một hợp âm toàn hài nào cả và chỉ có những hợp âm có thêm phụ âm. Tác dụng âm hưởng lại một lần nữa có một sức quyến rũ hoàn toàn

đặc biệt.

Trong quá trình sáng tạo của Phạm Duy nét hòa âm mỗi ngày mỗi phong phú thêm, mỗi thâm trầm thêm. Điều ấy chứng tỏ rằng thích giác của nhạc sĩ mỗi năm mỗi không ngừng tinh vi thêm. Nhưng những diễn tiến hòa âm của các năm sau này thì tự nó lại là một chứng cứ tỏ rằng trong tâm hồn của nhạc sĩ, các mối cảm xúc và cảm tưởng mỗi ngày mỗi nhiều hơn và nhất là mỗi ngày mỗi tinh tế hơn. Các mối cảm xúc và cảm tưởng ấy đòi hỏi một lối phổ diễn tương xứng và đó là điều giải thích lý do tại sao nhiều tác phẩm gần đây của Phạm Duy có những hòa âm rắc rối. Chúng ta đừng tưởng — như một vài kẻ đã tưởng — rằng tác giả các bản trường ca đang trở thành «*làm dáng*». Sự thực là Phạm Duy đang đạt tới chỗ tinh tế nhất trong nghệ thuật của ông. Đối với tay điều khiển và vận luyện âm thanh ấy, nghệ thuật hòa âm là một tiến trình về cái không chờ đợi mà cũng là và nhất là một tiến trình về cái không từng nghe.

(Còn tiếp)

GEORGES ETIENNE GAUTHIER

Montréal, Canada
tháng 6-1971

(THU THỦY dịch)

Lưu lạc ở Tàu, người nữ sĩ gốc sông Hương núi Ngự này đã cho ta Gió bắc, Những đêm mưa, Tàu ngựa cũ.

Giờ, sau khi ở Pháp, ở Anh và hiện ở Mỹ, người nghệ sĩ còn lặn đạn ở một phương trời gọi về quê mẹ :

NHỮNG CÁNH ĐIỀU

Các bạn nên có những cánh điều này để thử xem trời Âu và đất Mỹ có biến đổi cái thông minh, cái di dỏm, cái chua cay đặc biệt của LINH BẠO hay không.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

21 Nguyễn Thiện Thuật Saigon — Đt : 92017

(tiếp theo BK 349)

Trong lúc chú Quầy ngậm tẩu thuốc thơm, đưa tay xoa bụng với những cảm nghĩ không vui về nhóm «Ngũ-phúc», thì cũng chính là lúc cụ Hùng ngồi sấm se chiếc gậy, với cái thần thái thác-loạn của con thỏ rừng vừa thoát cơn sấm sét. Cụ nhìn chiếc bàn tròn đã trở nên quá rộng, và nhìn ông Cừ với Tám Hoàn, những người còn sống sót như mình, đề nhận thấy chiếc bàn vẫn còn quá rộng, quá trống trải đối với cả ba. Có một cái gì buồn vắng, mênh-mông, lạnh lùng đã tràn chiếm cả căn nhà vốn ấm cúng, kín đáo này, bao phủ lấy người cụ, và len lỏi vào bên trong qua sức thâm thấu của con tim, của tâm hồn. Cảnh mực-đồng thời sáo ở bức tranh trên vách gỗ sơn màu xanh lá cây trở nên xa lạ mơ hồ. Và cả khung cái cảnh này, chiếc bàn này, cảnh trí trong bức tranh nữa, khơi gợi lại trong trí tưởng ông cụ những vang bóng vừa như có, vừa như không, vừa như vừa thực, vừa gần gũi lại vừa xa xăm. Cụ Hùng cố nhớ lại, ôn lại những chi tiết của một giấc chiêm bao đang chìm lắng, lẫn trốn vào những vực thăm tối tăm của ký-ức, bữa tiệc tất-niên tại nơi này, một châu liên hoan con đông đủ cả mọi người trong nhóm, nhằm chào mừng trước một Tân-Xuân mang nhiều hứa hẹn Hòa bình...

Vào khoảng mấy tháng cuối năm, giữa lúc dư-luận đang xôn xao hẳn

VỀ QUỀ

lên vì những nguồn tin chẳng lành ; tin giải-pháp trái độn, lá bài Bảo-Đại, tin sắp có nhiều trận tấn công kinh-khủng, và giữa lúc các nhà giàu có, khá giả toan tính chuyện bán nhà, bán cửa, khuân khoi của chìm của nồi đề xa lánh vùng Hòa-tuyển, thì cũng chính là lúc câu sấm văn «*Thân Dậu niên lai kiến thái bình*» lại được nhiều người, thuộc đủ mọi giới nhắc nhở, bàn tán, và coi như đã sắp ứng nghiệm đến nơi.

Qua những buổi họp mặt sớm-sủa trong «*Hòa-bình trà-thất*», với sự ấm cúng càng được tăng thêm vì cảnh gió mưa tầm-tã bên ngoài, câu sấm văn này đã trở nên đề-tài chính của những cuộc mạn đàm chung quanh chiếc bàn tròn. Ông Tuyển, một nhà phong-thủy kiêm tướng số, dạo ấy thường lui tới tiệm cà-phê chú Quầy, là người quả quyết nhất về việc đoán chắc sự ứng nghiệm của câu sấm truyền :

— Nhất-định là phen này rồi. Thân-Dậu này chứ còn Thân-Dậu nào nữa. Tôi nói là chắc như đinh đóng, không còn trật đi mô cả mà. Cứ nhìn xem khí tượng của Trời Đất cũng đoán biết vận-khí của đất nước đã đến lúc phù hợp với cái vận hội thanh-bình thịnh-trị, theo đúng thiên-cơ mà sấm văn tiết lậu. Vật cực tác phản. Cụ Cả nói đúng. Chiến sự ác liệt như hiện nay là đã đến chỗ cùng cực rồi chứ gì. Luật phản phục từ muôn thuở không có

sai chạy chút nào. Nhất định là sang năm phải có thái bình, hê, hê...

Cụ Cả Chi gật-gù tỏ vẻ tán đồng:

— Đúng rồi. Tôi cũng tin chắc như vậy. Đã thấy có nhiều điềm lạ. Gần đây người ta đồn nhiều về một ngôi sao khác thường, mọc vào khoảng giữa canh ba, canh tư, ở phương Nam. Ngôi sao sáng dữ lắm, chỉ xuất hiện giây lát rồi lại biến mất. Tối hôm qua, chính mắt tôi cũng được trông thấy rõ ràng. Trước những triệu-chứng tốt lành như vậy, lại gặp bi-đời n'ên cùng nguyệt tân, tôi nghĩ chúng ta nên tổ chức một châu tất niên để chuẩn bị chào mừng tân xuân thanh bình. Năm này thì nhất định là không nên gọi là xuân chiến đấu nữa, bà con có đồng ý hay không?

Lẽ tự nhiên là tất cả mọi người đều đồng ý, kể cả chú Quầy, ông Cừ, Tám Hoàn và nhà phong-thủy.

Bữa tiệc tất niên được tổ chức ngay tại Hòa-bình trà thất, cực kỳ vui nhộn. Rượu vào lời ra, những điều suy luận về câu sấm-văn được triển khai thêm, thao thao bất tuyệt, và người người đều có cảm tưởng là cái ngày được chui ra khỏi con đường hầm tối-tăm để đón nhận ánh-sáng thanh-bình đã gần kề và rất có thể là vào buổi năm mới khai nguyên. Đến lúc mãn tiệc, cụ Cả còn hí hửng tuyên bố, trịnh trọng và quả quyết:

— Thế nào rồi bọn chúng mình cũng sẽ còn một châu liên-hoan thứ hai nữa. Liên-hoan Thanh-bình.

Nhưng rồi...

Thay vì một châu liên-hoan Thanh-bình, là một biến-cổ kinh-thiên động địa. Cả một thành-phố đang hí hửng mở rộng vòng tay chào đón Tân Xuân bỗng chốc đã phải nhào lộn, ngựa nghìeng đổ vỡ, tan tác trong máu lệ, tang tóc, đau thương.

Nửa tháng đã trôi qua, kể từ sau ngày biến cố chấm dứt nhưng khi trở về Hòa bình trà-thất, cụ Hùng vẫn còn bàng-hoàng, sửng sốt như đang nằm mộng bất thần choàng tỉnh. Bữa tiệc tất-niên chào mừng triệu chứng thanh bình có quả đã hay không? Thực chưa bao giờ cụ Hùng cảm thấy phân vân, bàng-hoàng vì nỗi khó thể biện biệt được cái hư với cái thực như chính lần này. Nhưng rồi nhìn kỹ chú Quầy, thím Quầy và Hoa, đũa con gái hay bung dọn các thức điểm tâm, ông Cừ và Tám Hoàn, sờ mó cẩn-thận mặt bàn tròn bóng láng, ngắm bức tranh mực đồng thời sáo, cụ Hùng không thể nào còn hoài nghi được nữa. Không phải là chuyện mơ màng, mộng huyền. Nó đã có thực và đã đi qua trong chuỗi vô-thường, đã qua đi và đã để lại một sự mất mát, một cuộc đau bề tang thương, và, cùng vỡ tan theo với nó, cái mộng cụ từng ủ ấp lâu nay. Tâm thần cụ Hùng mỗi lúc mỗi thêm hoang mang, bấn loạn trong sự tưởng nhớ đến người khuất mặt, nhất là ông Nguyễn, người bạn tâm đắc duy nhất trên đời. Đó là một con người kỳ lạ. Một con người của Pháp-đình, có một chức vụ khá cao, nhưng lại sẵn sàng quên cả địa-vị, chức vụ mỗi lúc đã bước ra khỏi cửa Pháp-đình, khước từ chiếc công-xa đưa rước, đề lang thang cuộc bộ qua các nẻo phố

phường, với đôi giày bám đầy bụi và chiếc ô đen bốn mùa không lúc nào rời, chân bước thết thều trên đất miền Nam mà tâm hồn thì phiêu bạt đâu đâu ở tận miền Bắc, lần quất ở mặt nước hồ Tây, lũy tre Yên-phụ hay bóng liễu hồ Gươm, khói sóng Nhị-hà cùng các nẻo phố phường Hà-nội. Con người ấy đã ngã xuống giữa lúc đang tin tưởng cái mộng thanh-bình sắp thành sự thực. Những tiếng cười hi-hí, ngân vang một thứ âm hưởng chua chát, sâu cay, có cái sắc bén cắt khứa lòng người, tiếng cười ngạo thế khinh vật, và những lời tâm sự như còn văng lại bên tai :

— Nhân-huynh à, ra đi là tôi bỏ hết, bỏ hết. Trên đường di-cư chỉ có bọc hành-lý tinh-thần là đáng kể mà thôi, hí, hí. Một niềm tin, một bầu nhiệt-huyết. Rất nhiều thiện chí. Nhưng rồi .. sau trên mười mấy năm trôi, thử hỏi còn lại cái gì đây nhỉ ? Nghĩ mà buồn cười, hí, hí. Niềm tin đã mất. Nhiệt-tình, nhiệt-huyết đã cạn đâu cả rồi. Còn thiện chí ? Ở cái xã-hội này, thiện chí, thiện tâm, jiêm sĩ quả là thứ vô sở dụng. Nó là cái gì đim con người ta xuống, biến con người ta thành hạng ngớ ngẩn, lạc hậu, gàn bướng, lỗi thời. Những thằng nào càng giàu thiện-chí, thiện tâm, liêm sĩ, những thằng ấy càng chết. Mười mấy năm qua, chúng ta đang sống đâu đây ?...

Với cái nhìn chơi với như cổ đũa theo những mảnh mộng vỡ tan đã bay đi mất hút.

— Quả là chẳng có cái gì nên hình cả. Chúng ta đang sống trong cái thế

giới nào đây ? Ba xạo cả ! Trò đùa, trò hề cả ! hí, hí. Cái cảnh lụt lội rác rến nổi lênh-bềnh, chó trèo bàn đọc. Một cái tháp Babel chôn chân trong một vũng lầy. Hừ, nhân-huynh bảo tôi làm cái gì bây giờ hả ? Chính chị, chính em cho nó xôm trò phải chăng ? Thôi, thôi, nhất bộ, nhất bãi, tờ xin lạy dài. Hay tiếp tục chơi cái trò ú tim với thần Công-ly để cho qua ngày đoạn tháng ? Trò chơi này quả không vất vả gì lắm. Nhưng tôi cũng chán nấy quá rồi, tôi sắp xin rút lui đây nhân-huynh à. Ngắm đi, ngắm lại chỉ còn có chuyện đồ bộ vào thế-giới của Kim-Dung là thượng sách, trong khi chờ đợi ngày về quê cũ, hí, hí...

Quê cũ chưa kịp quay về thì con người ấy đã ngã xuống, Và cùng ngã xuống với ông ta là Cụ Cả Chi, ông Bảy Lầu, ông giáo Lưu. Cả bốn con người cùng một niềm khát vọng : *Quê-hương, Thanh-bình*. Cả bốn, cùng cụ nữa, đã cùng chung nuôi một niềm hy-vọng : *Tân niên, tân xuân với sự ửng nghiệm của câu sấm văn báo tiếp Hòa-bình*. Bốn trong năm người đã ngã xuống, nhắm mắt buông tay. Nước chín sôi quả khó làm tan loãng được mối hận mang theo về cõi Tử. Ông Giáo Lưu trúng hỏa tiễn ngay trong lúc đang ngồi ăn cơm. Ông Bảy bị đạn lạc xuyên thủng bụng, nằm chết trên bờ hồ. Cụ Cả Chi bị đè bẹp dưới đồng vôi gạch, gỗ, ngói đổ nát và, chừng như Định-mệnh chơi khăm, một mảnh vỏ đạn đại bác đã tiện đứt lia cánh tay bút thiếp tài hoa từng vẽ với nên bốn chữ « *Hòa bình trà thất* ». Còn ông Ngụ, ừ ? Một loạt đạn trung-

liên, chẳng biết từ họng súng nào khạt nhả đã hạ ông như hạ một con vật, giữa lúc ông đang chạy qua quãng đường từ cái gác trọ cô quạnh của ông đến ngôi trường kiểu-mẫu, với chiếc ô đen và một tập « *Tiểu ngạo giang hồ* » trong tay.

Thực là thảm khốc. Với số tuổi tác trĩu nặng trên vai mòn mỏi, với cái dài đặc của những quãng đường đời đã vượt qua và bỏ lại hun hút sau xa, những quãng thế đồ mịt mù khói lửa, lồm chồm chông gai, cụ Hùng đã từng phải thề nghiệm biết bao cảnh mất mát, chia ly, đổ vỡ, đê quả tim phải cần cối, héo hon như một quả bưởi non tháng tám, và hai hố mắt đã mòn nhẵn cả biên bờ, qua sự xoi xia tới tấp của bao dòng nước lũ tuôn trào từ nguồn lệ bị khơi đào tàn nhẫn bởi những tang tóc quỵện đầy uất hận. Quả thực cụ đã phải khóc quá nhiều trong cõi khói lửa bùng dậy trên xứ sở, khóc quá nhiều đến độ có cảm tưởng như là mình đã được sinh ra, đã sống đề mà khóc. Và khóc với lệ hòa máu tim, với lệ hòa máu mắt. Hết khóc vợ bị chết cháy vì bom lửa trong thời kháng chiến lại đến khóc con, cũng trong thời kháng chiến, đã phải đưa thì bỏ mình nơi trận địa, đưa gởi năm xương tàn ở hóc núi đầu non vì công tác tải đạn, tải thương. Một đứa, hai đứa, ba đứa. Và chưa hết. Mạch lệ còn tuôn trào vì một nàng dâu vừa mang thai đã bị bọn lính viễn chinh hãm hiếp đến bất tỉnh, xong lại mổ bụng để thỏa mãn cái thú giải trí kỳ quặc của chúng trong một cuộc đi lùng. Kháng chiến chấm

dứt đề rồi khói lửa lại bùng lên và cụ Hùng lại phải khóc vì cuộc giã từ hầu như vĩnh-viễn nhà cửa, mộ phần tổ tiên, thôn ấp, xóm làng thân yêu, và phải kéo lê cái thân phận trẻ già khóc mắng, vất cạn nốt nguồn lệ mà rưới lên những nắm mồ của đàn cháu, lần lượt từng đứa một lần lượt cụ mà lao mình vào cõi chết. Đã rũ gục xuống dưới khối tang tóc nặng nề, lòng cụ còn tan nát, trĩu nặng thêm phiền uất, ưu tư vì những đứa con còn sống sót, những đứa con bất hiếu, trở nên ngày càng xa lạ. Và đến nay, vào lúc nguồn lệ đã khô cạn, cụ lại càng thấy muốn khóc nhiều hơn, càng đau đớn, xót xa sáng suốt nhiều hơn trước cái chết oan uổng, bất kỳ, phi lý của những người bạn mà mỗi liên hệ ràng buộc lẫn nhau không có gì khác hơn là một khát vọng chung : cố hương, hòa bình.

Thực chưa bao giờ cái cảnh chết chóc đã gây được ở con người từng giàu sức cương nghị và chịu đựng nghịch cảnh này một nỗi bàng hoàng, quay quắt như lần này với cái chết của ông Nguyễn. Một cảm giác lạ lùng xâm chiếm cả người cụ, trong lúc cụ Hùng ngồi nghe chú Quầy tường thuật lại tỉ-mỉ lối kết liễu số kiếp của mỗi người trong bọn. Cái cảm giác chơi-với xây xảm như một chiếc lá khô vừa rụng xuống đã bị xoay tròn, quay tít giữa dòng nước lũ cuộn cuộn trôi nhanh. Cái cảm giác ấy càng sâu đậm thêm khi cụ lặng ngắm lại mặt bàn, ngắm cả chiếc bàn tròn bóng bẩy với chất gỗ sạm đen lên nước. Mặt bàn như nổi rộng mãi ra, như biến thành một bãi sa mạc mênh mông, vô

biên, vô tận, và, trong đó, cụ là một lữ khách vừa bị bỏ rơi bơ-vơ, tro trọi giữa cõi hoang vắng, quạnh hiu, đắm chìm trong cái hắc ám của bóng hoàng hôn trĩu nặng mây đen, vì sự biến đi bất thần của đám bạn đồng hành.

Và cả cái khung cảnh Hòa-bình trà-thất kể từ nay, không còn là một xó xinh để cụ tìm được những giờ phút thoả mái cho tâm hồn như trước nữa. Ông Cừ và Tám Hoàn, mỗi người với một cách thể biểu hiện riêng biệt, càng làm cho Cụ Hùng như chìm sâu thêm vào cái heo hút của tình trạng cô đơn.

oOo

— Như vậy là chẳng còn ai trên đó. Đi hết ?

Lão Nam cố bập điếu thuốc lá chậm chày, đôi má hốc hác lõm sâu xuống như hai hố bom, gật đầu :

— Dạ, đến lượt chúng con là hết rồi đó. Cù lằn như con mà cũng chẳng ở nổi nữa là. Máy ông lính hành quân bảo vùng ta là vùng oanh kích, oanh tạc tự do chi đó, mà quả thật là đáng khiếp. Ở sao cho được, dù không trúng bom, trúng đạn cũng lưng bóng mặt mà chết. Đêm về, mỗi khi bom đạn đã trút xuống thì, cha mẹ ôi, phải biết. Chui nằm trong hầm mà nghe như trời long đất lở, như nằm trên mặt sóng. Ba hồn bảy vía bay đâu mất hết.

Nói xong, lão Nam ngồi lặng người, nhìn theo làn khói thuốc, nháy nháy cặp mắt đỏ ngầu, đỏ vì cũng đã phải khóc nhiều. Vì một mỗi sau những chuỗi đêm trắng dài-dặc phải

đào sâu vào vũng tối để canh chừng những bước vi-hành của tai họa bất kỳ, phải nói rộng cả trong ánh hỏa châu, phải chống cao cả mí trước những làn sóng lửa lan tràn từ xóm này qua xóm khác, đề liệu thể tránh né kịp thời những cuộc viếng thăm đột-ngột của bà Hỏa trên đường kinh lý không có định kỳ, định hướng.

— Bây chừ mà ở lại là chỉ ở với ma. Đồng vắng, vườn hoang, nhà trống. Đi đâu, tới đâu cũng nghe ớn lạnh. Biết ra đi là khổ, nhưng dạo này mà ở lại, thì cái chết cầm chắc trong tay. Thôi thì cũng liều. Một liều ba bảy cũng liều. May sao, trời xui đất khiến, gặp lại được cụ. Từ lâu vắng bật tin tức, có biết ai mà hỏi.

Nghe tiếng thở dài của cụ Hùng, lão Nam ngàng nhìn, chép miệng :

— Nếu bây chừ cụ trở về vùng ta, chắc là cụ khó nhận ra được nữa. Lạ hoắc mà, cụ. Tiêu điều, xơ xác cả mà. Từ đầu thôn ba đổ vào, dọc theo phần đất ở bên ni đồng Hầm Vàng chạy thẳng xuống, nhà cửa bị cháy sạch, vườn tược, cây cối một phần bị cháy, một phần bị gãy đổ, không thì cũng bị cằn cõi, tro trụi hết vì bột khai-quang. Phía bên kia đồng cây cối có phần đỡ hơn, nhưng cái nạn bom đạn thì cũng chẳng kém gì. Ngôi đình và cả cái chùa, trúng đại bác, đồ nát từ dạo năm ngoái...

Cụ Hùng sững sốt :

— Cả đình lẫn chùa đều sụp đổ cả !

— Dạ, sập hết, cháy hết. Cả cái trường học và cả nhà thờ tộc...

— Sao ? Nhà thờ tộc cũng...cũng..
Trời ơi ! Bao nhiêu công của ta đã
góp vào đó mà, lão.

— Dạ, con biết, công trình của cụ
chớ của ai, con biết.

Lão Nam lại lắc đầu, thở dài :

— Càng nói càng buồn. Đồ nát
hết, bị thiêu rụi hết. Còn chi
mô có. Hết của đến người. Trong
vòng bà con mình, phần bị chết bom,
chết đạn, phần bị chết cháy, hao hót
nhiều vô số kể. Con vợ của con vừa
năm xuống chưa ráo đất, thì đến
lượt thằng con. Nó đã núp hầm ở
sau vườn yên rồi, chẳng biết cái chi
xui khiến lại đâm đầu vọt chạy vào
nhà. Vừa tới đầu hè thì một quả
bom rơi xuống. Mình một nơi, đầu
một nơi...

Lão khoanh hai tay, đặt lên đầu
gối, rồi cút mặt thồn thức :

— Còn có một con, một cha, mà
rồi con cũng theo mẹ con đi. Trời ơi,
hay cơ sự như rứa thì cha đã tính
chuyện dắt díu nhau chạy sớm cho
rồi. Nhưng bỏ mẹ con năm lại một
mình dưới mồ lạnh lẽo, lòng cha
không đành. Vợ chồng sống gỏi nạc,
thác gỏi xương, mẹ con vừa năm
xuống, cha bỏ cha đi sao cho đành
lòng...

Dứt lời than thở, lão Nam nấc
lên, nghẹn ngào, tấm tức, nấc lên
như không còn khóc nổi, không còn
đủ sức để thỏa mãn cái nhu cầu
thèm khóc.

Cụ Hùng cảm động đến lặng cả
người, và sau một lúc khá lâu, cụ mới
cất tiếng :

— Lão Nam à, thế còn...

Có gì khiến cụ ngập ngừng giây
lâu rồi mới tiếp lời, dường như
không có can đảm để đón nhận một
sự thực mà cụ đã cảm đoán được
phần nào :

— Ta muốn hỏi lão vậy chớ... vậy
chớ phần mộ, mấy cái lăng mộ không
hề gì chớ ?

Lão Nam chớp mắt, gương mặt
trông càng sa sầm, thều nào :

— Lăng mộ ? thưa cụ. Chuyện đó,
cụ có hỏi con mới dám thưa, vì nói
ra chỉ thêm khổ tâm cho cụ mà thôi...

Cụ Hùng giật nảy cả người như
chiếc lò-xo bật mạnh :

— Lão nói sao ? Lăng mộ làm sao ?

— Dạ, lăng mộ cũng đồ nát hết
rồi. Nghĩa-trang phía gò Chuối bị
bom dội dữ quá, nhiều mồ mả tróc
cả năm. Nhưng thế còn khá, còn
may. Phía lăng mộ bên cụ có
nhiều chỗ bị xoáy thành hố sâu,
chẳng còn biết xương cốt bay đi ngã
mô nữa mà tìm. E cũng tan biến theo
cát theo bụi, tản mác khắp nơi. Đau
lòng quá lắm, thưa cụ. Như rứa là
hết rồi đó. Hết tron hết trụi. Của hết.
Người hết. Làng mạc, thôn ấp, mồ
mả... gì rồi cũng hết.

Cụ Hùng choáng-váng cả mặt mày.
Vùng trán vốn đã nhăn nheo như vừa
được cày sâu thêm những lần thống
khổ. Cụ lặng người ngã vội mình vào
lưng ghế, nhưng tay vẫn mân mê
không ngừng chiếc gậy trúc kẹp giữa
hai đầu gối khẳng-khiu đã quá mòn
mỏi và rã-rời vì cuộc hành-trình quá
dài trên cái thế-đồ hiểm trở, nhiều
khê.

Có một thứ bóng đêm, đen tối lạnh lùng, ghê rợn hơn cả bóng tối của ngày tận thế, chồm dâng lên, vây phủ, vùi dập một cách tàn nhẫn những tia hy-vọng le-lói cuối cùng mà cụ đã cố gắng thắp lên bấy lâu trong cõi thâm u của tâm khảm, thắp lên để tạo thành một lẽ sống, một nguồn an-ủi trong quãng đời xế bóng, thắp lên để xua đuổi những bóng mây hắc ám đang đùn lên, trùng trùng điệp điệp. ở phía chân trời mờ mịt. Những tia hy-vọng ấy đã vụt nhiên tắt ngấm, xoáy cuốn cả tâm thần cụ vào một vực thẳm kinh hoàng như sự kinh hoàng trước sự tắt rưng đột-ngột của vầng dương giữa ngày trời quang-dãng, hay sự chìm lặn mất hút, bất thần của ánh đuốc cuối cùng trên bờ vực thẳm, trong bóng tối đêm trường.

Chính trong cái tối tăm, ghê rợn ấy, cụ Hùng cảm thấy tràn ngập cả bầu ửng, thấm khắp cả tâm hồn, một nỗi uất ức, nghẹn ngào trước cái vô nghĩa của bao nhiêu thương khó, thiệt thòi mà những lớp người, những con người như cụ đã phải đóng góp vào cái Thương Khó, Thiệt thòi chung của Dân-tộc, trên những mấy chục năm trời để chỉ cầu xin hai chữ *Tự-do Thanh-bình* cho xứ sở. Một sở cầu, sở nguyện mà sự đòi chác, trả giá bằng công sức của những người như cụ đã quá ư sòng phẳng để không ai được nhân danh nghĩa nào mà trách cứ là còn thiếu sót. Trên tám chín năm trời lăn lộn với một cuộc kháng chiến chống thực dân, khi ở tiền tuyến, lúc ở hậu phương, cụ Hùng thuộc vào hạn hăng

say nhất và đã đóng góp tất cả những gì quý báu nhất cho công cuộc chống ngoại xâm trước kia, cũng như đã chịu đựng biết bao mất mát, thiệt thòi với dân-tộc, từ ngày cảnh binh-đao lại dấy khởi sau tấn thảm kịch đất nước phân qua. Nhưng, đến nay, khi mái ấm đã tan tác, khi cơ-đồ gia sản đã tiêu hao, khi sức lực đã kiệt quệ, khi tuổi đời đã sắp tàn rụng hết thì, hỡi ôi, cái sở cầu, sở nguyện ấy vẫn còn là một chuyện viễn-vọng, mơ hồ. Đất nước đã ngửa nghiêng càng thêm nghiêng ngửa, xứ sở đã rách nát càng rách nát thêm. Và trên mảnh đất đã bùn ra vì ngấm máu, đã nhão ra vì đấm lẹ này, cái sở cầu, sở nguyện của lớp người như cụ ngày càng trở thành xa lạ, càng bị lãng quên trong một cuộc tranh chấp bạo tàn mà, trong đó, mỗi hận-thù ngoại bang xâm lược đã được bàn tay ngoại bang khéo chuyển biến thành mối hận thù huynh-đệ thâm sâu. Và cụ sống ở đâu đây? Trong lòng Tô-quốc đây chăng? Trên quê-hương chăng? Không. Trong một ốc đảo của đám ốc đảo vô tru nổi lên rải-rác giữa mặt đại-dương máu sôi, lửa dậy. Ở đây chỉ có những cô lâu riêng rẻ vang dậy giọng tình ca, tiếng nhã nhạc, rộn ràng cảnh yến ầm, dâm dật, vui say, khép kín bên trong vòng thành ích kỷ, vô tâm, đột khởi giữa vùng nghĩa-trang mênh-mông, ngổn ngang những đầu lâu và xương cốt chất cao tày núi...

Trần-trọc với nỗi tuyệt-vọng nào nề qua suốt cả một dòng đêm trắng xóa, trôi chảy uể oải, lờ-ờ, cụ Hùng cảm thấy nỗi nhớ nhung quê cũ,

làng cũ càng thêm da-diết. Niềm khát vọng được quay về, được nhìn ngắm cố hương càng chuyền dậy mãnh liệt như một trào sóng gió. Biết bao mối tình u ần, từng dật thành những mối liên hệ bền bỉ nối liền giữa tâm hồn cụ với cố hương, đã được quấy động lên từ đáy sâu thẳm của cơn tuyệt-vọng, để biến thành một ý-định kỳ quặc, mỗi lúc một quyết liệt khó thề cưỡng-chế, đến đời vào lúc mờ sáng, trong lúc ngồi uống trà bên cạnh lò than hồng, câu nói đầu tiên của cụ Hùng với lão Nam đã gieo cho anh nông-dân nặng tình với đất ruộng, lũy tre, đồng lúa, rơm rạ, bùn lầy, một sự kinh ngạc lớn lao :

— Lão Nam à, ta định về thăm quê một chuyến.

Lão Nam nhìn sửng cụ Hùng, kêu lên :

— Trời ơi, thưa cụ, cụ nói chơi hay nói thiệt ?

— Ta nói thực đó đó mà. Ta muốn được thấy lại, nhìn lại quê ta.

Lão Nam càng sửng sốt, kinh ngạc :

Nhưng, thưa cụ, về làm sao được mà về. Về làm chi nữa ? Chắc cụ nói đùa cho vui.

— Không, ta không nói đùa. Ta đã gần đất xa trời, lão nghĩ xem. Ít ra ta cũng phải được nhìn lại quê hương một lần chót chứ.

Như vẫn còn chưa tin là thực, lão Nam lắc đầu :

— Cụ đùa đó thôi. Cù lần như con mà còn phải bỏ ra đi nữa là. Cụ về sao được ? Hi, hi...

Rồi bỗng lão ngửa mặt lên cười lớn. Lão cười sảng-sặc. Lão cười với cái cười quái dị, khác thường. Lão cười với nước mắt và thứ ánh mắt đã từng làm cho cụ Hùng phải đau xót, rùng mình khi vừa gặp lão.

Ông cụ lặng nhìn lão Nam với dáng buồn thương, cảm động. Và trong lúc lóng nghe tiếng cười, cụ cúi xuống sẫm-se, ngắm nhìn chiếc gậy, mân mê, vuốt ve từng đốt một. Qua chiếc gậy trúc lần này, khi những tiếng cười của lão Nam đã tắt, trong cái yên tĩnh của buổi thanh-thần, cụ Hùng bỗng nghe ngân dội bên tai một thứ tiếng gọi tha-thiết mà bi thảm lạ lùng, một thứ tiếng gọi vừa như từ xa xăm vọng lại, vừa như từ đâu trong cõi thâm u của tâm hồn thoát ra. Tiếng gọi của Đất tình tự với Trăng, Sao thôn dã, của gió quỳện hương thơm lúa vàng, hương thơm rơm rạ hòa khúc tình ca với ruộng mạ, lũy tre, tiếng gọi của đồng xanh, nương rẫy, thôn ấp xóm làng, tiếng gọi của từng ngọn cây, lá cỏ, của từng góc sân xó vườn, của từng mái tranh, bếp lửa, của bao nhiêu công trình tạo dựng đã sụp đổ đi nhưng vẫn còn lưu giữ lại, qua bao cảnh biến thiên, những gì thiêng-liêng, cao quý của tình Đất, tình Người, bên này và bên kia thế-giới, trong cái thế chung lưng đấu cật, thăm thiết hòa đồng. Tiếng gọi có một sức lôi cuốn mãnh liệt làm sao, có một hấp lực thực là kỳ diệu. Và cụ thở dài, lầm bầm :

— Về quê ! Về quê. Ta phải về quê !

oOo

Sớm hôm ấy, trên các chuyến xe lam, xe buýt, trong các tiệm cà phê,

dur-luận xông xáo hẳn lên vì một tai nạn giao-thông rùng rợn xảy ra ở cầu Dã-Viên. «*Một cụ già chậm chạp lần bước qua cầu. Một đoàn công-voa của quân đội đồng-minh rùng rùng tiến qua theo cùng một hướng đi của ông cụ. Một binh-sĩ, trong đám binh-sĩ đứng trên sàn xe sau cùng, vẻ mặt hung tợn, ngỗ-ngáo, luôn mồm la hét, văng tục như điên và, khi xe chạy đến gần ông cụ, đề gậy trò cười cho đồng bọn, hẳn chồm xuống, dùng báng súng đập mạnh vào người ông ta, rồi ngửa mặt cười và hét lớn: «*Tao hạ được một Vi-xi, hạ một Vi-xi*». Trong lúc trên xe cả đám binh-sĩ lao-xao hẳn lên với những tiếng cười sặc sụa, tiếng vỗ tay, huýt sáo, thì dưới này, bên lề cầu, ông cụ ngã xuống, đầu va mạnh vào, máu tuôn ra xối xả, đầm đìa».*

Cũng ngay lúc ấy, tại Hòa-bình trà-hất, chú Sáu Quầy, như thường lệ, ngồi trên chiếc ghế bành bọc da, sau quầy hàng, miệng ngậm tẩu thuốc lá, bàn tay mập mập xoa chiếc bụng phệ, nhìn ra ngoài với dáng mong chờ. Sự vắng mặt của cụ Hùng sớm nay, không như các lần trước, có gì khiến chú băn-khoăn. Nhân một lúc có việc cần, bước vào phía trong, trông thấy Tám Hoàn và ông Cừ đang cùng ngồi điềm tâm và bàn bạc chuyện làm ăn, chú Quầy mỉm cười :

— Ông cụ Hùng hôm nay sao không thấy đến uống cà-phê sớm như mọi ngày. Ông cụ bị ốm rồi chắc.

Tám Hoàn quay lại nhìn chú Quầy, nhưng rồi như không quan-tâm đến những lời chú ta vừa nói, hẳn quay trở về phía ông Cừ tiếp tục câu chuyện và cười lớn :

— Đã phục tôi chưa. Năm được cái tuy-dô đó là bọn mình hốt bạc rồi đó nghe. Tôi nghĩ với thời thế này, ông vẫn cứ được ngồi mát ăn bát vàng y như thuở nào, mà còn hơn nữa là khác.

Ông Cừ cũng cười lớn, lộ vẻ hân hoan, đắc ý, rồi ngồi im nhìn thẳng về phía trước. Không phải ông nhìn chú Quầy, đề ý đến câu nói vừa rồi của chú, nhưng ông nhìn theo những ảnh-tượng ngoạn mục đang được trí-tưởng vẽ ra : những đoàn quân viễn-chinh trảy qua trong đám bụi mù, lôi cuốn theo sau cả một dòng suối cuộn cuộn nào cam, lê, nho, táo, nào đồ hộp, thịt lợn, thịt bò, thịt gà ướp lạnh, sữa bột, sữa nước, phở mát, thuốc thơm nước ngọt, đủ loại vật dụng, tiện nghi tối tân, cả một khối lượng sản phẩm ngoại lai dồi dào vô tận, từng giúp cho vốn liếng ông sinh sôi, nảy nở nhanh chóng gấp trăm nghìn lần cái nguồn lợi của ruộng đất, khai thác qua mồ hôi nước mắt của hạng bần nông. Và ông càng cười lớn hơn, khi những ảnh tượng ngoạn mục ấy vụt nhiên biến hóa thành những ảnh tượng ngoạn mục, hấp dẫn hơn nhiều : những đàn bướm-bướm đô-la, những đàn bướm-bướm đô-la, tung bay tán loạn.

ĐẠI - Á - NGÂN - HÀNG

Trụ-sở chính : 61-65, Hàm-Nghi Saigon

Đ. T. 98.460 - 98.700

Chi nhánh Chợ Lớn : 47-49 *Tông Đốc Phương*

ĐT 51.047

Chi nhánh Cầu Ông Lãnh : 21, *Bác sĩ Yersin*

ĐT 99.386

Chi nhánh Gia-Long : 121-123, *Gia-Long*

ĐT 96.927

Chi nhánh Biên Hòa : 10, *Nguyễn Hữu-Cánh*

ĐT 36

Chi nhánh Ban mê thuật : 16, *Amatrang Long*

ĐT 148



— Thực-hiện tất cả mọi nghiệp-vụ
ngân - hàng :

*Nhận tiền ký-Thác, chuyển-ngân, Trương-mục
tiết - kiệm, Nghiệp - vụ tín - dụng, Hồi - Đồi,
Xuất-nhập-cảng v.v...*

— Phục-vụ thân-chủ trong tôn chỉ :

LỊCH-THIỆP — NHANH CHÓNG

CHÍNH XÁC — KÍN ĐÁO

Qua cầu gió bay

Gửi Gin, Gi, Chi thương

Ba lớp kẽm gai cao tạo thành một màn sương mờ, làm nhạt nhòa cảnh vật phía bên ngoài. Tuy vậy, hướng tầm mắt chênh chéch lên trên, người ta vẫn thấy chân núi nước chảy xoi lỏ đây đó, giống như vết loét trên một thân thể xanh xao. Nhưng tảng đá xám tiếp nối, chông chắt, chen nhau trèo lên đỉnh núi. Cây lá đã ngả sang màu xanh thẫm và càng về phía trên, màu xanh càng lấp đầy những khoảng đá xám và vết suối cong queo đỏ sẫm. Gần đến chót vót, những tảng mây từng đụn giăng ngang, lướt nhanh theo cơn gió thổi. Còn đỉnh núi cứ vươn mãi lên, ngóng ra xa. Cả bầu trời bàng bạc màu mây, nặng trĩu một nỗi u uất vì tất cả chỉ là hoài vọng hão, tiếc thương bờ : đá không trèo lên được một bước, cây cối dính chặt vào sườn non, mây không bám vào được một chỗ định, còn đỉnh cao cứ với mãi không tới được đỉnh trời.

Phía nam là bãi tập trực thăng vận của Trung tâm huấn luyện bộ binh, cách một khoảng sinh lầy cỏ mọc từng khóm. Mặt nước phản chiếu sắc trời, trông giống như một tấm gương cũ nước thủy đã lờ lấm tẩm vài chỗ. Mây vẫn bay đều dưới ấy, đôi lúc lấp đầy cả khoảng sâu hun hút, thẫm thẫm. Bên kia vực sáng, mấy chiếc trực thăng cũ, làm học cụ đồ bộ cho tân binh, nằm tro tro giữa khoảng

đất đầy cỏ bị dày nát đến héo úa.

Thân trực thăng lỗ chỗ dấu đạn, gương buồng lái vỡ, còn cánh thì cong queo hay bị vụn đứt tận chuôi.

Con đường cái quan chạy dài về phương nam tấp nập xe cộ. Từng cặp binh sĩ đèo nhau trên Honda rú ga phóng nhanh. Xe chở đất loại khổng lồ của hãng R M K nghênh ngang giữa lộ, ép sát mấy người hái củi vào bờ cỏ. Cơn gió cuộn bụi đỏ sau xe phần phật, dán bộ áo đen lên trên những thân thể còm cõi, giật ngược chiếc nón lá trật ra phía những vòng thép gai rỉ sét.

Lưu lượng xe cộ khiến con đường như rung rinh thường xuyên, làm người ta có cảm-tưởng nó sắp theo chiều cong uốn mình, chạy theo mấy chiếc xe nhỏ về phương nam hay phương bắc. Chỉ còn mấy chiếc Lambro tham lam chở khách từ trại gia binh xuống thành phố là không theo kịp nhịp sống cuồng nộ. Dù tài xế có rú ga, xe vẫn hục hặc, khò khè phun khói, rồi ịch leo về phía con dốc. Một cái Lambro đang chạy chậm về phía phố, tự nhiên dùng dằng, rồi dừng lại ngay trước cổng trại. Người lái xe vội vã nhóm đít lên khỏi yên, đạp mạnh hai ba cái trên cần đề-ma-ro, nhưng chỉ có vài tiếng xì nghẹn trong ống pô.

Một lính quân cảnh cầm súng chạy ra la lối :

— Không thấy bằng cảm sao ? Đâu gì kỳ vậy !

Người tài xế lau vội mồ hôi trán, nhỏ nhẹ :

— Xe ăn-bánh mà xếp. Em đâu có muốn vậy.

— Xe với cộ ! Ham chỗ cho nhiều. Đẩy ra xa chỗ kia kia.

Tài xế không nói gì, ráng đạp thêm vài cái nữa trên cần. Xe vẫn không nổ.

Vài hành khách đã xuống xe, nhăn nhó. Đến lúc không còn hy vọng gì nữa, tài xế nói lớn :

— Bà con xuống xe đẩy dùm cho chút. Tổ cha cái xe. Hết chỗ đứng lại ì ngay trước khu quân sự.

Một hành khách cầu nhàu :

— Trẽ cha nó rồi. Đã tốn tiền còn bắt đẩy. Đây là trại gì mà bỏ phòng cần mật vậy không biết ?

Người đàn bà mặc áo xanh còn ngồi lì trên Lambro chỉ sang tấm bảng nhỏ bên kia đường :

— Chắc trại lính Mỹ, Đẻ toàn chữ Mỹ kia !

Mọi người tò mò nhìn theo hướng tay chỉ. Dưới gốc cây dương liễu, một tấm bảng nhỏ hình cái mũi tên đóng ngang qua rãnh nước vệ đường, sơn trắng, kẻ mấy chữ đen, POW CAMP.

Cụ già ngồi bó gối ngay trên đường cái quan thắc mắc :

— Trại lính Mỹ sao lại có quân cảnh Việt-nam canh cổng ?

Người lính đã trở vào vọng canh, lơ đãng nhìn ra đám người trước cổng. Khẩu súng gác chéo trên bờ cao đắp bằng bao cát. Đột nhiên nhớ lại nhiệm

vụ, anh hét lớn :

— Đẩy xe ra xa đi. Còn chần chờ gì nữa !

Người tài xế được trợn, hỏi thúc :

— Mau lên bà con. Mỗi người một tay. Đẩy lại chỗ gốc mù u tôi thay bugi rồi chạy liền mà !

Người đàn bà còn ngồi trên xe bẩy giờ mới chịu xuống, khệ nệ xách theo cả cái giỏ nặng. Mọi người hì hục ra sức, chiếc Lambro mới dần dần chuyển bánh. Tài xế đứng chéo phía bên trái, một tay đẩy một tay bẻ lái. Khi xe đến gốc cây ùm tùm lá xanh, mọi người thở phào, rồi lục đục ngồi nép phía bên kia xe, trên bờ cỏ ướt. Một người bảo :

— Thằng cha lính làm tàn. Cái gì trong đó mà sợ dữ !

Cậu học trò mặc quần xanh từ nãy tới giờ im lặng, lên tiếng giải thích :

— Trại giam tù-binh phiến-cộng đó. Vài người gật đầu ra vẻ tin. Người đàn bà vẫn cổ cỏi :

— Có thấy tù trong đó đâu ? Coi bộ vắng hoe à !

òOo

Trong trại, không khí vắng vẻ thục. Dường như không có lấy một tiếng động. Tiếng sấm gầm gừ đâu tự phương trời xa, vọng qua thung lũng phía nam, rì rầm thoang thoang đến đây. Có lẽ trời sắp mưa, khi mỗi lúc các đụn mây xám mỗi tụ hội, đen cả một góc trời. Đỉnh trời hạ thấp, gần như muốn đụng mười mấy mái tôn của nhà tiền-chế.

Trừ vài ba người lính đi lại, suốt ba khu A-B và C đều lặng lẽ đến độ ngột ngạt. Trên các vọng canh, bây giờ nổi hẳn trên nền trời, mấy người lính

cầm súng chĩa xuống dưới, bất động như các pho tượng đen. Lúc trời đã chuyển tối, mấy chóa đèn rải rác đây đó bật sáng lên, người ta mới thấy rõ quang cảnh bên trong. Trên những sân hẹp bao quanh bằng dây thép gai, cạnh từng ngôi nhà tiền-chế, là những hình chữ nhật nâu bằng nhau. Những hình chữ nhật nâu yên lặng lúc mới thoát nhìn, nhưng đồng thời, người ta có cảm tưởng bề mặt đang lăn tăn, lượn lờ uốn khúc như mặt nước gợn.

Trên đài canh trung ương, tiếng loa phóng thanh nói lớn :

— Thiếu-tá chỉ-huy-trưởng trại giam khuyến cáo lần chót : Tất cả tù binh phải vào trong trại của mình. Thiếu-tá chỉ-huy-trưởng nhắc lại lần chót : Tất cả tù binh phải về ngồi trong các nhà tiền-chế. Trời sắp mưa, nhân viên và y sĩ bệnh xá không chịu trách nhiệm về tính mệnh những người bệnh nặng cần tinh dưỡng nơi khô ráo, kín gió. Tôi nhắc lại : Thiếu-tá chỉ-huy-trưởng khuyến cáo lần chót : Tất cả tù binh phải về trại ngay.

Dừng một lúc, tiếng loa nhắc lại lời khuyến cáo, rồi thêm :

— Thiếu-tá chỉ-huy-trưởng sẵn sàng gặp đại diện các trại A, B và C để tìm hiểu nguyện vọng tù binh cả ba trại. Thiếu-tá chỉ-huy-trưởng mời tù binh số 61.4257, thuộc trại C lên văn phòng có việc gặp.

☉ Đây đó bắt đầu nổi lên những tiếng lao xao. Các hình chữ nhật nâu xô lệch. Mặt sóng càng gập gềnh. Đầu tiên, vài tù nhân phụ nữ điu hai bên nách để đưa các con bệnh nặng vào dưới mái tôn. Mưa bắt đầu nhỏ giọt, mùi hơi đất đã

xông ngào ngạt không gian. Số người sợ mưa nhân dịp bước theo Hàng ngũ rã dần. Tiếng nói chuyện lao xao càng to hơn, chen lẫn tiếng cãi vã, la hét. Loa trên chòi cao vọng xuống :

— Thiếu-tá chỉ-huy-trưởng ghi nhận tinh thần thông cảm, hiểu biết của anh chị em (đã tự ý vào trại để chờ giải quyết ổn thỏa vấn đề). Tất cả mọi người im lặng. Thiếu-tá chỉ-huy-trưởng sẵn sàng tiếp đại diện các trại A, B và C ngay bây giờ.

Khi cơn mưa trút xuống, nặng nề, đám người áo nâu uể oải mệt nhọc trước sân trại C mới vào trong nhà hết.

Đây là trại dành riêng cho tù binh tàn phế. Bốn dãy nhà tôn cắt song song dọc theo chân núi, hai dãy dành cho nam tù binh, hai dãy dành cho phái nữ. Vài người bị cụt một chân, ống quần dài nâu bỏ thông đưa qua đưa lại theo nhịp tiến của đôi nạng gỗ. Những người bị mù vịn vai bạn, sờ soạng, dò dẫm từng bước. Chỉ có những tù binh cụt tay hay bị bệnh tâm trí nhẹ là còn đủ nhanh nhẹn bình thường. Sau lưng, trước ngực, hoặc dưới hai đầu gối quần nâu, hai chữ T. B. to nét kẻ bằng sơn trắng khiến lúc đám đông di chuyển, có tiếng quần áo sột soạt đều đặn.

Tránh được cơn mưa vừa đổ xuống mọi người quên chốc lát không khí oi bức căng thẳng ban đầu, trò chuyện vu vơ về con thác đổ từ triền núi xuống vùng lầy bên này bãi tập trực thăng vận. Nước mưa gõ nhịp trên mái tôn, làm át tiếng lao xao. Một người gất :

— Sao lại phúi bụi lên đầu người ta ? Người nữ tù binh vô ý trả lời :

— Xin lỗi. Ai bảo chị ngồi ngay giữa lối đi. Sao không vào giường ?

— Đã xong đâu ! Chưa chi các chị đã sợ mưa ướt.

— Thấy người ta vào trước tôi mới đi theo. Không vào, chẳng lẽ để mấy chị bị thương hàn, ho lao dầm nước mưa sao ?

Người đối thoại im lặng, nhìn bâng quơ về phía con đường cái quan. Đầu cuối nhà, có tiếng gọi lớn :

— Chị Vi đâu ? Chị Vi ? Sao không lên gặp cha Thiếu-tá trưởng trại ? Vừa lúc đó máy phóng thanh cũng gọi :

— Tù binh số 61.4257, lên phòng hành chánh gặp Thiếu tá gấp. Tiểu đội bại liên lạc với các trại, hướng dẫn đại diện lên phòng hành chánh gấp.

Nhiều người ngay sau khi nghe tiếng loa, nhao nhao hỏi :

— Chị Vi đâu ? Ai thấy chị Vi đâu không ?

Người nữ-tù mặc áo nâu và quần đen ngồi nhìn mưa phía chái trên từ từ quay mặt về phía ánh sáng : rồi Vi bước hẳn vào trong. Mọi người nhận ra sự hiện diện của chị đại-diện, không còn lao xao nữa. Vài đám ngồi khuất phía xa định tiếp tục câu chuyện bỏ dở, nhưng kịp dừng lại khi nghe cả phòng suyt phẫn đối. Vi hỏi lớn.

— Bây giờ chị em định bảo tôi làm gì ?

Có người nói lớn trả lời :

— Chính chị hiểu rõ câu chuyện từ lâu. Chị phải biết nên làm gì chứ.

— Y sĩ Trung úy chỉ nhờ tôi giải thích cho toàn thể chị em. Tôi không

dám quả quyết họ nói thực hay dối. Còn những điều Y-sĩ trưởng nói ra, xúc phạm danh dự toàn trại, thì chị em đã biết cả rồi. Đây, tôi có hiểu gì hơn các chị đâu !

— Chị cứ lên xem lão Thiếu-tá nói gì.

— Nhưng các chị phải cho ý kiến, tôi mới trình bày ý muốn trại C được chứ !

Một người nói, rụt rè :

— Tôi thấy chuyện cũng chẳng có gì : Minh như con cá trên thớt của họ mà.

Nhiều tiếng nhao nhao phản đối :

— Sao không có gì ? Chị có phải là kẻ hèn nhát không ? Ông ta là cái gì mà quát tháo, hằn học với tất cả mọi người.

Vừa lúc đó hai người lính tiến về phía cửa dây thép gai. Một người bấm đèn pin soi đường, một người lăm lăm khẩu súng. Vi nói vội với đám đông :

— Thôi, bây giờ tôi lên trên đó đã. Nếu đại diện hai trại A-B đồng ý điều gì, mình phải phục tùng đa số. Gặp trường hợp trái ngược ý kiến chị em trại C, tôi sẽ về trình bày lại.

Lúc người nữ tù ra tới cửa, trong nhà vẫn còn nhiều tiếng lao xao bất đồng ý kiến. Người quân cảnh chiếu pin vào mặt Vi nhận diện khá lâu, rồi một người bấm đèn dẫn đường ; người cầm súng đi sau áp giải.

oOo

Trong phòng hành chánh, các sĩ quan trên dưới hầu như đủ mặt : Thiếu tá trại trưởng, đại úy phó trại trưởng, Trung-úy Y-sĩ trưởng bệnh xá, Trung-úy đặc trách an ninh, Trung úy phụ tá Y-sĩ

trưởng, Thiếu úy trưởng phòng hành chánh...

Tù binh 61. 4257 vào phòng khi hai đại diện của trại A và B đã tới trước đó vài phút. Trong phòng, chỉ có tiếng quạt vo vo trên trần. Mưa đã tạnh, nên thoảng từ xa, tận bên kia con đường cái, tiếng ếch nhái côn trùng rên rĩ đưa về, theo cơn gió mát.

Thiếu tá trưởng trại nói trước:

— Tôi đang bận trên Bộ Chỉ huy, nghe báo có việc gấp vội phóng xe về. Để cho nhanh, yêu cầu tuân tự các vị liên-hệ đến vấn đề trình bày rõ ràng cho tôi, hầu tìm một lối giải quyết. Ai cũng biết là chúng ta cần duy trì trật tự tuyệt đối trong trại. Mọi âm mưu phá hoại hay phản loạn sẽ bị nghiêm phạt. Dù không phải là phạm nhân, dù là tù binh chiến tranh và được hưởng qui chế Genève 1949, không ai cho phép tù binh vượt ra ngoài kỷ luật hợp pháp, hợp lý. Tuy vậy ngoài pháp, ngoài lý, còn có tình người. Cho nên tôi không muốn áp dụng kỷ luật độc đoán, một chiều. Tôi muốn biết diễn tiến của biến cố. Vì sao cả ba trại đòi tuyệt thực phản kháng? Xin Trung úy Y-sĩ trưởng cho biết.

Viên y-sĩ trạc 30, khuôn mặt xương, tóc lòa xòa đến quá nửa trán, định đứng dậy nhưng Thiếu-tá ngăn lại:

— Trung úy ngồi nói được rồi.

— Cảm ơn Thiếu tá! Sự việc chỉ có thế này: Lúc ba giờ chiều, đích thân Y-sĩ trưởng bệnh viện dã chiến 67 Hoa-kỳ lái xe lên đây, cho biết trong cuộc hành quân tảo thanh của quân đội đồng minh sáng nay có tám binh sĩ Việt-Cộng trọng thương bị bắt. Medevac chở họ

về bệnh viện dã chiến. Máu ra nhiều quá. Bệnh viện dưới đó lại không còn bịch dự trữ nào trong kho huyết. Thấy càng để lâu tính mệnh đám tù binh càng nguy, Thiếu tá Y-sĩ Corson vội lái xe lên đây mượn huyết, tưởng chúng ta có đầy đủ dụng cụ và dược-liệu trong trường hợp cấp cứu. Khi nghe tôi trả lời, Thiếu tá có vẻ nóng nảy, và tuyệt vọng.

Tôi chợt nhớ là 8 thương binh Việt-Cộng cùng hàng ngũ với anh chị em trong trại chúng ta, nên đề nghị Thiếu tá Corson xin huyết tù binh trong trại.

Thiếu tá Hoa kỳ mừng rỡ, bảo sẵn sàng gọi trực thăng dưới 67 lên chở gấp những người tình nguyện hiến máu xuống bệnh viện dã chiến.

Tôi sợ nếu cùng đi với Thiếu tá Corson xuống gặp tù binh, các người trong trại sẽ nghi ngờ chúng tôi dối trá, nên có gọi cô Vi (nguyên Y-sĩ của tiểu đoàn 503 thuộc sư đoàn Sao Vàng) lên bệnh xá, để nhờ cô trình bày lại với các bạn đồng đội. Cô Vi là một Y-sĩ giỏi và tận tụy, vẫn thường giúp đỡ chúng tôi trong việc chẩn bệnh cho trên 200 tù binh hằng ngày. Cô còn tự nguyện săn sóc các người tàn phế trong trại C, nên rất được tù binh cảm phục và tin tưởng.

Sau khi nghe qua ý muốn của chúng tôi, Cô Vi đồng ý cùng đi với chúng tôi đến ba trại nêu vấn đề với anh chị em.

Nhưng Cô Vi không chịu đi cùng với Thiếu tá Corson. Thiếu tá Hoa kỳ ban đầu ngạc nhiên, có vẻ giận, nhưng cũng đồng ý ngồi chờ ở Câu-lạc-bộ. Chỉ còn có tôi và Cô Vi, Trung úy phụ tá, đến

từng trại tập hợp tù binh vận động. Cô Vi dẫn chúng tôi đến trại C của cô trước.

Thiếu tá ngấn lại hỏi :

— Sao không xin máu những người mạnh khỏe ? Trại tàn phế đây có đủ khả năng hiến máu không ?

Y sĩ Trung úy trả lời :

— Chúng tôi cũng thắc mắc như Thiếu tá. Bảy giờ cô Vi bảo... Xin thiếu tá cho phép cô Vi trình bày thẳng điều này.

— Vâng, vâng, Cô Vi là đại diện của trại tàn phế ?

Người nữ tù bảy giờ lên tiếng :

— Vâng. Tôi thuộc loại «Lâm trí».

— Cô bị bắt ở đâu ?

— Tiểu đoàn chúng tôi đặt là «bệnh xá Nguyễn Văn Trỗi». Tôi bị bắt tại bệnh xá tiểu đoàn.

Trung úy an ninh giải thích :

— Tù binh 61.4257 bị bắt trong cuộc hành quân Lý Thường Kiệt 3, tháng 8 1968, tại đồn chiến lược 178, cùng với một số thuốc men. Dương sự không có vũ khí. Hội-đồng y-khoa xếp vào loại tâm trí, vì lâu lâu dương sự bị dao động thần kinh, cử chỉ thất thường, chân tay...

Thiếu tá đưa tay làm dấu không cho nói tiếp, rồi quay sang phía Vi :

— Cô tiếp lời trung úy Y sĩ trưởng, giải thích sự việc đi !

Người nữ tù bắt đầu nói :

— Tôi dẫn Trung úy Y sĩ đến trại C trước, vì tôi là một Y sĩ phẫu khoa. Tôi hiểu mạng sống của 8 thương binh như sợi chỉ mảnh, tùy thuộc vào thời gian rất nhiều. Khi hành quân theo sự đoàn, tôi đã giải phẫu cho hàng trăm đồng đội bị bom đạn, tuy dụng cụ và thuốc men thiếu thốn. Nhiều thương binh chết trước khi

lên bàn mổ chỉ vì hết máu. Nhiều người chỉ bị thương xoàng ở tay hay ở chân, mà không cứu nổi cũng vì lý do đó. Gia đình tôi chỉ có hai chị em, cùng tập kết ra Bắc sau hiệp-định Genève. Khi em tôi thi hành nghĩa vụ quân sự cứu nước, tôi lo không ai săn sóc nó, tình nguyện làm Y sĩ tác chiến để hai chị em luôn luôn có nhau. Tôi tìm mọi cách làm việc ngay bên tiểu đoàn của nó, vậy mà cuối cùng, chỉ vì một trặc trở không ngờ, nó cũng chết vì mất máu. Chỉ có những người «cùng qua cầu» mới thông cảm về cảnh ngộ của nhau. Những người trại C đã một lần bị thương, một lần cảm thấy nguồn sống dần dần rã rích chảy khỏi thân thể, một lần hãi hùng trước nỗi chết chập chờn, rồi một lần mừng rỡ vì được tiếp huyết để bám lấy cõi đời. Chỉ có họ mới hiểu sâu xa tâm tình của y sĩ, vui mừng lo sợ trước nỗi vui mừng lo sợ của y sĩ. Chỉ có họ mới tin tưởng vào y sĩ như đứa con tin lời mẹ. Chắc Trung úy Y sĩ trưởng, hoặc cả quý vị nữa, đã qua những kinh nghiệm ấy. Có lần, một chiến sĩ xuất sắc, gan dạ, lập nhiều chiến công trong tổ xung kích ôm tay tôi khóc ròng, van nài tôi cứu sống để được gặp lại người tình bên kia sông. Mất máu nhiều quá, thư bên kia sông trào non vào đây sẽ không người nhận... Tôi dẫn đến trại C trước, để mau chóng tìm đủ ngay mấy người tình nguyện, đỡ tổn thì giờ. Không biết tôi nói có khó nghe, rắc rối không ?

Thiếu tá nói :

— Chúng tôi hiểu. Chúng tôi hiểu vì sao cô đến vận động ở trại C trước.

Là lính chiến, ai cũng trải qua những giây phút đau lòng ấy. Chúng tôi hiểu. Nhưng xin cô cho biết vì sao cả ba trại

lại phản đối chúng tôi.

Vi như chọt ra khỏi cơn bàng hoàng.

— Có Trung úy Y-sĩ trưởng và Trung úy phụ tá làm chứng, tôi đã cố hết sức trình bày rõ ràng những điều viên Thiếu tá Mỹ yêu cầu. Thành thực mà nói, giữa Y-sĩ với nhau, tôi tin Thiếu-tá Mỹ không giả dối. Sự tin tưởng làm lời tôi nói với anh chị em trại C mạch lạc hơn. Cuối cùng, tôi nhắc đi nhắc lại là mạng sống của 8 đồng đội ở cả trong tay của mọi người trại C. Tôi nhấn mạnh : Hoặc chúng ta mất họ, hoặc chúng ta sẽ được cùng chung sống với họ, chia cơm xẻ khổ với họ.

Thiếu-tá nóng nảy hỏi !

— Họ phản ứng ra sao ?

Trung úy phụ tá trả lời thay cho người nữ-tù :

— Họ im lặng, Cái im lặng nặng nề. Cả ba chúng tôi đều lúng túng, không phải làm gì. Thay cô Vi, Trung-úy Y-sĩ trưởng hỏi lại lần nữa vẫn không ai tình nguyện hiến máu. Cuối cùng, Trung úy đành nói : «Tuy 8 đồng đội các bạn đang chết dần chết mòn, cần cấp cứu, nhưng chúng tôi không muốn ép buộc ai. Thôi, chúng tôi để mọi người suy nghĩ một chút. Sau đó, trong trại C, có ai tình nguyện, xin lên ngay bệnh xá gặp tôi.» Nói vậy, nhưng ai cũng biết

là trại C sẽ không có người nào hiến máu.

Trung úy Y-sĩ trưởng vội tiếp lời :

— Chúng tôi nóng ruột quá, cùng với cô Vi qua ngay trại B rồi trại A. Ở đâu, họ cũng đều im lặng. Không ai hỏi cho một câu. Tôi tưởng như đang đứng trong sa mạc hay đang nói với một đám tượng gỗ. Tám cái xác hấp hối cứ chờn vờn trong óc tôi. Máu tôi sôi lên. Lúc ấy tôi giận quá, giằng cái micro trên vọng canh hét lớn :

«Hèn nhát. Các người hành diện là có tinh thần cách mạng, có sứ mệnh giải phóng cứu nước. Bọn các người đang chết, chỉ cần vài giọt máu là hồi sinh. Các người không thèm cho. Các người chỉ là một bọn ích kỷ, hèn nhát. Ngay bây giờ, tôi và các binh sĩ đi hiến máu cứu đồng đội các người đây.»

Thưa Thiếu tá, đại loại câu tôi hét trên micro như vậy. Chúng tôi đi cho máu thực. Khi medevac trả chúng tôi về bãi đáp bên Trung tâm huấn luyện sư đoàn, đã thấy cả trại ngồi phoir ngoài sân phản đối, không chịu đi lấy phần cơm. Tôi chịu thua thua Thiếu tá. Tôi chịu thua ; không hiểu họ muốn gì !

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN MỘNG-GIÁC

NGUỒN đã phát hành :

TIẾNG NÓI GIỮA HƯ VỐ

thơ NGUYỄN-NHO-NHƯỢNG

- ★ tiếng kêu trầm thống của một linh-hồn cô đơn, bệnh tật
- ★ di ngôn của một thiên tài mệnh yếu...
- ★ Sách in trên toàn giấy trắng, có di ảnh và triện son của cố thi sĩ
- ★ Ở xa muốn mua xin liên-lạc :

Ô. Đĩnh-Trầm-Ca 14, Vĩnh điện — Quảng Nam

VANG BÓNG

Thơ TƯỞNG LINH

Ở đó còn chẳng thàng giêng mưa bụi
Tiếng trống chầu hát bộ lễ kỳ yên
Đường bên sông phất phơ tà áo mới
Phần mưa cài óng ả lụa Duy-Xuyên

Chim chào-mào còn tụ về xóm dưới
Hàng trăm con chia những trái thơm vàng
Ta đưa trẻ ngày xưa đắm đuối
Ngước nhìn chim mỗi sớm đến trường làng

Mẹ còn đứng góc sân đầu hướng về
Nghiêng nghiêng người giê sạch lúa ba-trắng
Luồng bụi thóc rơi đầy trên lối cỏ
Vườn quanh nhà rơm mới trái dăng dăng

Con tu-hú kêu khan trên ngọn gạo
Lũy tre chiều vi vút gió nồm reo
Gió thổi mạnh, bấp triền say lão đảo
Và ngàn dâu cũng chuyển choáng say theo

Em Mỹ-Lược còn đợi đò Trung-Phước
Anh quả giang lại bến Thu-Bồn
Ai xuôi phố, ai rẽ vào Chợ Đước
Nước chung giòng sông Cái tiếp sông Con

Còn chẳng nhủ, hỏi Thi-Lai, Hà-Mật,
Hỏi Xuân-Đài rộn rã tiếng xa quay
Giao-Thủy ơi, vẫn còn hay đã mất
Guồng tơ vàng ướp đẹp những bàn tay

Thuyền nhung nhớ xuôi theo giòng Cầu-Nhi
Đêm thanh bình vắng vặc mảnh trăng xưa
Thuyền ai trôi, giọng ai hò tuyệt kỹ
Chuyện âm buồn, thoáng chốc tưởng sa mưa

Mưa sa mãi từ thu nào sấm dậy
Bao người đi ngoài vọng một phương về
Đất Ngũ Phụng qua mấy mùa máu chảy
Xin trở mình nghe khúc hát thương quê

Động hoa vàng

Thơ Phạm Thiên Thư

Ươm giàn thiên lý
vàng hoa
lên non cắt cỏ lợp nhà
tụ mây
xuống đầm
tát cá xâu cây
bới khoai vùi lửa
năm dài nghe chim

khách xa
nhớ đến nhau tìm
lên đồi
trăng một giỏ sim làm quả
hứng nước sôi
thết
bình trà
hái bầu
nấu bát canh hoa
cười khàn

vào hang núi
nhập
niết bàn
tinh anh
nở đóa hoa vàng
cửa khe
mai sau thì chủ nào nghe
lìm lên xin hỏi
một bè mây xanh

hoa vàng
ta
để dành anh
hiện thân ta hát trên cành tầm mai
trần gian chào cõi bụi này
sông ngân
tìm một bến ngoài
hoá duyên

(Thiên Thất Huyền Trang)

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Tường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Trong những ngày qua dư luận quốc tế đã hết sức sôi nổi khi Tổng-thống Hoa-kỳ Richard Nixon tiết lộ rằng ông Henry Kissinger, Cố vấn của Tổng thống, đã viếng thăm chớp nhoáng Bắc-kinh. Cuộc du hành này đã đánh dấu một ngõ quặt mới của tình hình chính-trị quốc-tế và đã khiến cho người ta đặt rất nhiều giả-thuyết.

Nếu cuộc du hành của ông Kissinger mở màn cho một tình hình chính trị mới tại Á-châu như người ta tiên đoán thì nhiều vấn đề sẽ được giải quyết. Nhưng các quốc gia Á Châu cũng tỏ ra không kém lo ngại trước một chính sách thân hữu giữa Hoa-thịnh-đốn và Bắc-kinh. Một trong những nước lo ngại là Nhật. Vì vậy Nhật đang tìm cách đối phó với tình trạng mới này.

Trong khi đó cuộc đảo chánh hụt tại Maroc vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng sâu rộng tới đời sống chính trị tại nước này.

Cuộc du hành của Kissinger

Tới ngày 15-7-1971 vừa qua, Tổng thống Hoa-kỳ Richard Nixon đã đột nhiên xuất hiện trước máy vô tuyến truyền hình để loan báo cho toàn thể thế giới biết rằng, Cố vấn của ông là Henry Kissinger vừa bí mật tới thăm Bắc-kinh trong hai ngày từ 9 tới 11-7 và đã hội đàm với các lãnh tụ cao cấp của Trung Cộng, kể cả Thủ tướng Chu-ân-Lai. Trong cuộc viếng thăm của ông Kissinger, Thủ tướng Chu-ân-Lai

đã mời ông Nixon sang thăm Hoa-lục. Tổng-thống Nixon đã nhận lời mời này và sẽ tới Bắc-kinh trước tháng 5-1972.

Bài diễn-văn này chỉ kéo dài có 3 phút rưỡi nhưng nó đã đánh dấu một sự thay đổi lớn trong chính sách ngoại giao của Hoa-kỳ. Thật vậy từ gần 22 năm qua tức, là từ khi Cộng-sản nắm chính quyền ở Hoa-lục, Hoa-kỳ và Trung-Cộng luôn luôn là hai quốc gia thù nghịch, đã hoặc trực tiếp đụng độ với nhau như ở Triều-tiên hay gián tiếp chống đối nhau như ở Việt-nam.

Cuộc du-hành của ông Kissinger và nhất là cuộc viếng thăm của Tổng-thống Nixon sẽ chính thức chấm dứt tình trạng thù nghịch này. Tuy nội dung của các cuộc hội đàm giữa ông Kissinger và các lãnh-tụ Trung Cộng vẫn còn được giữ kín nhưng người ta không khỏi đưa ra những giả-thuyết quang trọng.

Trước hết người ta cho rằng sau nhiều năm nhờ Nga đóng vai trò trung gian đi tìm hòa bình không được, Hoa-kỳ đã bắt đầu dùng phương pháp hữu - hiệu nhất là trực tiếp đối thoại với Trung Cộng vì Hoa-kỳ cho rằng Trung Cộng có nhiều ảnh hưởng đối với Bắc Việt hơn là Nga. Từ trước tới nay mục-tiêu chính của nền ngoại-giao Trung Cộng là được các đa

cường thừa nhận. Lần lượt các cường quốc Âu-châu đã thừa nhận Trung-Cộng. Hiện thời chỉ có Mỹ là đại cường duy nhất chưa chịu chấp nhận sự hiện diện của Trung-Cộng trên trường quốc-tế. Để được sự thừa nhận của Hoa-kỳ, Trung-Cộng có lẽ sẽ không ngần ngại tiếp tay với Hoa-kỳ trong việc đi tìm hòa-bình cho Việt-Nam. Hơn nữa trong một cuộc hòa-đàm bắt buộc phải có Trung-Cộng thì Trung-Cộng sẽ được thêm một lần nữa đóng vai trò quan trọng.

Giả-thuyết thứ hai mà người ta đưa ra là hội-nghị Paris sẽ được nới rộng theo kiểu các hội-nghị Genève 1954 và 1962 để cho các quốc-gia khác tham dự. Và một cuộc hội-nghị như vậy sẽ sớm mang lại hòa-bình cho Việt-Nam. Nhiều giới thạo tin còn quả quyết rằng chiến tranh Việt-Nam sẽ chấm dứt trước năm 1972 và Tổng-thống Nixon sẽ có thể tới Bắc-kinh trước tháng 5-1972.

Giả-thuyết thứ ba là vấn đề Trung-Cộng gia nhập Liên-Hiệp - Quốc. Người ta cho rằng Tổng-thống Nixon đã và sẽ đưa vấn đề này ra để trả giá với Trung-Cộng buộc Trung-Cộng phải nhượng bộ. Năm ngoái tại Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, Trung-Cộng, lần đầu tiên đã được đa số ủng hộ, nhưng vì Mỹ chống lại nên Trung-Cộng chưa được gia nhập. Nhưng mùa thu năm nay khi Đại-hội-đồng được triệu tập, Mỹ sẽ không còn lý do để bác bỏ đề nghị cho Trung-Cộng gia nhập nữa. Trong các cuộc tiếp xúc Mỹ-Trung-Cộng hình như người ta đã đi tới một thỏa hiệp về vấn đề

Đài-loan. Nếu Mỹ thừa nhận Trung-Cộng thì Trung-Cộng cũng cam kết là sẽ không tấn công Đài-loan và tôn trọng sự tự trị của nước này.

Cuộc du hành Bắc kinh của ông Kissinger đã được chuẩn bị một cách hết sức bí mật với sự cộng tác của Pháp, Lỗ-mã-ni và Hồi-quốc. Thật vậy, Pháp luôn luôn muốn đóng một vai trò hòa-giải giữa các phe liên-hệ để khi hòa-bình trở lại họ có hy vọng lấy lại ảnh-hưởng ở Đông-Dương. Còn về phần Lỗ-mã-ni, người ta thấy từ hơn năm qua có nhiều tin đồn rằng chính phủ Bucarest luôn luôn cố gắng giúp Hoa-kỳ liên lạc với Bắc-Việt và Trung Cộng. Lỗ là nước Cộng-sản Đông-Âu duy nhất còn duy trì tình thân hữu với Trung Cộng. Còn Hồi-quốc thì lại là một quốc-gia có liên-lạc chặt chẽ với cả Mỹ lẫn Trung-Cộng. Vì vậy mà tối ngày 9-7 sau khi dùng cơm với Tổng-thống Hồi Yahia Khan, ông Kissinger đã biến mất với lý do là đi nghỉ tại miền núi Nathiagali để chữa bệnh đau bao tử.

Ông Kissinger đã được chính-phủ Trung-Cộng đón tiếp một cách vô cùng niềm nở. Một phái-đoàn do chính Thống-chế Diệp-Kiểm-Anh đã ra phi trường ngênh đón ông. Sự tiếp rước nồng hậu này đã cho người ta thấy rằng Trung Cộng thực sự mong muốn cộng tác với Hoa-kỳ. Vì vậy mà Bắc Việt đã lên tiếng chỉ trích các 'đại cường cấu kết với nhau để quyết định trên đầu các quốc gia nhỏ'. Và Nga-sô cũng đã kín đáo đả kích Trung-Cộng âm mưu với đế-quốc.

Giai đoạn khó khăn của bang giao Nhật — Mỹ.

Chuyến đi của ông Kissinger đã là một đòn chính trị rất quan trọng của Tổng-thống Nixon tại quốc nội cũng như tại quốc ngoại. Thật vậy, tại Paris phe Cộng sản đưa ra đề nghị 7 điểm trong đó có đề nghị thả hết tù binh Mỹ nếu Mỹ rút hết quân khỏi Việt-Nam vào cuối năm. Những đề nghị này đã khiến ông Nixon hết sức lúng túng. Nếu ông bác bỏ đề nghị về vấn đề tù binh thì dân chúng Mỹ sẽ lên án ông là quên quyền lợi của đồng bào ông. Nhưng nếu chấp nhận, ông sẽ bắt buộc phải chấm dứt chiến tranh trong các điều kiện bất lợi. Với cuộc tiếp xúc trực tiếp với Trung-Cộng ông Nixon không còn ở trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan này nữa. Vì dân chúng Mỹ cho rằng hòa-bình sắp tới với sự cộng tác của Trung-Cộng, Bắc Việt dù muốn dù không sẽ phải nhượng bộ. Do đó ông Nixon không còn phải ấn định lịch trình rút quân như phe Cộng sản đòi hỏi mà vẫn có hy vọng giải quyết vấn đề tù binh.

Tại quốc nội, các lãnh tụ Mỹ thuộc phe Dân chủ như các Thượng Nghị sĩ E. Kennedy, Mc Govern muốn tranh cử Tổng-thống với lập-trường chủ-hòa cũng không còn có thể khai thác đề-tài hòa-bình nữa vì ông Nixon đã đi xa hơn họ trong công cuộc tìm kiếm hòa-bình.

Nói tóm lại ông Nixon đang ở trong một ưu-thế đối với Bắc Việt cũng như đối với phe đối lập tại quốc nội. Sau khi uy tín bị giảm sút trong nhiều tháng qua, ông đã tự tạo được nhiều hy vọng tái đắc cử vào năm tới.

Từ 2 năm nay bang giao giữa Nhật và Mỹ đang ở trong một tình trạng khó khăn. Thật vậy, hai nước này đã luôn luôn tỏ ra bất đồng ý kiến trước các vấn đề kinh-tế cũng như chính trị.

Năm 1969, Mỹ muốn rút khỏi Thái-bình-dương và muốn trao trách nhiệm phòng-thủ vùng này cho Nhật. Vì vậy, thêm một lần nữa, Mỹ lại yêu cầu Nhật tái vũ-trang. Nhưng Nhật không muốn dùng những phương tiện tài chánh của mình vào việc sản xuất vũ khí. Vì vậy mà Nhật luôn luôn dựa vào điều 9 của Hiến-pháp cấm vũ trang để khước từ lời yêu cầu của Mỹ. Hiến-pháp này là do chính Tướng Mac Arthur xưa kia buộc Nhật phải ban hành nên Mỹ khó có thể bắt Nhật phải tu-chỉnh một hiến-pháp mà chính Mỹ đã soạn ra.

Ngoài ra Nhật cũng không muốn bớt tiền đầu tư kinh-tế để tăng quân phí. Vì không phải chi tiêu về quân sự nên kỹ nghệ Nhật đã phát-triển mạnh. Nhưng chính sự phát-triển kinh-tế mạnh mẽ của Nhật lại là một lý do thứ hai đã tạo nên các khó khăn trong bang giao giữa hai nước. Thật vậy, sản phẩm của Nhật trong nhiều năm qua đã cạnh tranh dữ dội với sản phẩm Mỹ ngay trên chính nước Mỹ, trong khi hàng Mỹ không vào được thị trường Nhật vì Nhật thiết lập một hàng rào quan thuế rất cao.

Năm 1969 cũng là năm Mỹ bắt đầu bước vào một tình trạng kinh-tế khó khăn. Mỹ muốn bán các sản phẩm sang Nhật và yêu cầu Nhật hạ hàng rào

quan thuế. Nhưng Nhật cũng từ chối. Bang giao giữa hai nước do đó càng ngày càng trở nên kém tốt đẹp.

Ngày 17-6 vừa qua Mỹ và Nhật đã ký hiệp-ước trả lại đảo Okinawa cho Nhật và rời các vũ khí nguyên-tử ra khỏi lãnh-thổ Nhật. Mỹ đã lợi dụng cơ hội này để bắt Nhật phải nhượng bộ về kinh-tế. Mỹ cho biết rằng nếu Nhật tiếp tục không cho hàng Mỹ vào thì Thượng-viện Mỹ sẽ không duyệt-y hiệp-ước 17-6-1971. Trước đe dọa này Chính phủ Nhật đã cố gắng giải-tỏa tình trạng căng thẳng hiện tại bằng cách cải-tổ nội-các đưa ông Fukuda thân Mỹ thay thế ông Ishii trong chức vụ Tổng-trưởng Ngoại-giao và Thủ-Tướng Sato đã cho chỉ thị phải tìm cách thỏa mãn lời yêu cầu của Mỹ.

Người ta đã tưởng rằng như vậy bang giao giữa hai nước có thể được cải thiện. Nhưng cuộc du hành của ông Kissinger sang Bắc-kinh đã khiến Nhật e ngại Mỹ sẽ dành cho Trung-Cộng vai trò lãnh đạo ở Á-châu. Nếu Mỹ rút lui khỏi Á-châu sau khi bắt tay với Trung-Cộng thì Nhật sẽ bị đe dọa trầm trọng nhất. Nhật tự hỏi Mỹ có còn tôn trọng cam kết bảo vệ an ninh cho Nhật nữa không và trong tương lai Nhật sẽ phải xét lại chính sách quốc-phòng của mình.

Maroc đàn áp phe đảo chánh

Sau cuộc đảo chánh hụt của một số tướng lãnh, ngày 11-7 vừa qua,

Quốc-vương Hassan II đã quyết định dùng những biện pháp cứng rắn nhất để đàn áp phe phản loạn. Ông ra lệnh xử-tử các tội phạm. Tuy các luật-gia quốc-tế đã đánh điện xin Quốc-vương ân giảm, nhưng ông nhất định cho hành quyết 10 sĩ quan.

Sau khi đã đập vỡ âm mưu đảo chánh, Hassan II đã phải đương đầu với một cuộc khủng-hoảng ngoại-giao giữa Maroc và Lybie. Vì chính phủ Lybie tiếp tục kêu gọi dân chúng Maroc lật-đổ Quốc-vương, Hassan đã đoạn giao với Lybie và bắt giam Đại-sứ nước này.

Nhưng cuộc đảo chính này thật ra bắt nguồn từ những tình-hình chính-trị nội-bộ. Tướng Medbouh lãnh đạo phe đảo-chính lại chính là một bạn thân của Quốc-vương và là Tư-lệnh lực lượng ngự-lâm-quân. Sau nhiều lần kêu gọi Quốc-vương chấm dứt tình trạng tham-những trong nước không được, Tướng Medbouh đã quyết-định lật đổ chính thể quân chủ.

Sau cuộc đảo chính này, 9 trên tổng số 13 tướng-lãnh của quân đội Maroc đã bị chết. Quân đội như vậy mất bộ phận đầu não. Hơn nữa Quốc-vương không còn có thể dựa vào quân đội được nữa nên ông sẽ phải tìm cách cộng tác với các chính-đảng đối lập để có thêm hậu thuẫn của nhân dân. Nhưng dầu sao thì Maroc cũng đang bước vào một giai đoạn chính-trị bất ổn.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Hoa hồng suy tư

Từ một năm nay Erich Segal là một hiện tượng trong giới văn học Âu Mỹ. Cuốn *Love story* bán chạy như điên. Từ trong bóng tối vô danh, E. Segal phụt lên sáng chói như sao.

Tại đại hội điện ảnh ở Cannes năm nay, con người tuổi trẻ tài cao được mời tham dự vào hội đồng giám khảo. Tất nhiên, đây là một cơ hội để quần chúng Pháp tò mò tìm hiểu về «hiện tượng Segal».

Sốt sáng hơn ai hết E. Segal cũng tích cực tham gia vào việc tìm hiểu mình, và ông ta đã đề nghị một lối giải thích về tài năng của mình như sau: «Tôi là một cánh hoa hồng suy tư» (Je suis une rose pensante).

Chưa hết, Một hôm gặp bà Michele Morgan, Chủ tịch hội đồng giám khảo, cánh hoa hồng suy tư hớn hờ nói: «Tôi vừa mới ở đài phát thanh về. Bà có biết người ta hỏi tôi câu gì không? Họ hỏi có thật tôi với bà Michèle Morgan vừa có chuyện tăng tịu chẳng. Thật là một câu khó trả lời!» — Bà M. Morgan lạnh lùng đáp: «Đâu có khó gì? Ấy cứ giản dị bảo: Bà ấy đáng mẹ tôi.»

Một nữ sĩ khác, có lẽ cũng gần đáng mẹ E. Segal cũng có nhận xét khá nghiêm ngặt về các câu chuyện trên đây. Theo bà, có những trường hợp tai họa bất ngờ làm con người đổi tính: trái lại cũng có những trường hợp thành công và danh vọng đến đột ngột làm cho con người đổi nết, đâm ra như say sưa ngông dại; E Segal là một thí dụ về các trường hợp sau.

Bí quyết thành công

Sách báo văn nghệ ở ta gặp khó từ đôi ba năm nay. Nghe nói ở Anh, các nhà xuất bản cũng kêu trời: có mấy cơ sở vào hạng thâm niên vững vàng nhất cũng tính chuyện thoái lui. Ở Mỹ, tình hình xuất bản hình như cũng bị đất không kém.

Trong khi ấy, một nhà xuất bản duy nhất phát tài to: đó là nhà Bantam Books, cơ sở lớn nhất hoàn cầu chuyên về loại sách bổ tui.

Bí quyết thành công của Bantam Books như sau: tổ chức một hệ thống phát hành cực kỳ rộng rãi, tung sách ra khắp thị trường để tạo ra một nhu cầu mới trong quần chúng.

Vấn đề phát hành vẫn là chỗ yếu của ta từ trước đến nay. Kinh nghiệm này có ích lợi gì cho ta chăng?

Sách vẫn khỏe mạnh

Cơn khó khăn của ngành xuất bản khiến người ta có thể nghĩ đến nỗi khó khăn trong tương lai của sách. «Phải chăng đã đến thời kỳ cuốn sách phải lùi bước trước sự cạnh tranh của ti-vi, của ra-dô? Phải chăng một ngày kia cuốn sách sẽ bị đào thải, sẽ dần dần mất tích?»

Không có chuyện bi quan ấy. Đó là câu giải đáp tại «Đại hội quốc tế về sách» kỳ thứ ba, họp tại Nice từ ngày 23-5 đến ngày 16 năm nay. Tại đây đã có cuộc hội thảo về tương lai của sách. đã có sự đối chiếu nhiều con số đáng tin cậy. Rốt cuộc, đã đi đến kết luận: Sách vẫn bán được, vẫn khỏe mạnh, không hề bị ti-vi, ra-dô chèn ép.

Lý do : Sách là thứ rẻ giá. In sách không tốn kém nhiều như thực hiện một chương trình truyền thanh hay truyền hình. K^ể in sách có thể bắt cần thị-hiệu quần chúng, không cần in cuốn sách độc giả đòi hỏi mà có thể in cuốn sách mình ưa thích. Do đó mà ngành xuất bản sách tung ra được những tác phẩm vô cùng dị biệt, vô vàn quan điểm thường thức khác nhau... Có những cuốn sách giá trị kiên nhẫn nằm yên trong bóng tối chờ đợi những thế hệ độc giả tương lai... Cái phong phú, tạp đa của sách khiến nó thành ra vô địch trường thọ.

TRẦN THIÊN

Phương Đông

Linh mục Hoàng Sỹ Quý, tác giả loạt bài «Một cái nhìn Đông phương về vấn đề tính dục» đã đăng liên tiếp trên 10 số Bách-Khoa vào cuối năm 1969 và đầu năm 1970, mới cho ra vào tháng 7-71 một nguyệt san lấy tên là Phương Đông, mà chủ bút là Giáo sư Bùi Duy Tâm, Khoa trưởng Đại-học Y-khoa Huế. Số ra mắt, khuôn khổ giống như tạp chí Bách-Khoa, dày 82 trang, gồm những bài hướng về Việt-nam và Phương Đông như : Việt ngữ, Ngôn ngữ văn tự Việt, Nhạc khí cổ V.N, Dân ca V.N, Nghệ thuật trang trí V. N., Võ Tây Sơn, Văn hóa Tây Sơn, Dịch lý Thiên văn học cổ Trung - Hoa v.v... Những cây bút quen thuộc với bạn đọc đều có mặt : Kim Định, Hoàng Sỹ Quý, Bùi Duy Tâm, Hồ Hữu Tường, Nguyễn văn Ba, Nguyễn văn Thọ, Hùng Lân, Đào Mộng Nam, Thích Mãn Giác v.v.

Linh Mục Hoàng Sỹ Quý, vượt rất nhiều khó khăn, nhất là khó khăn về tài chánh, mới cho ra được nguyệt san

Phương Đông, nhưng trước sự đón tiếp nồng nhiệt của độc-giả đối với số ra mắt ông rất hy vọng là tờ báo đứng vững được lâu dài và sẽ là tiếng nói của «Phong Trào Hưng Giáo Văn Đông» mà ông là người sáng lập.

Nhà văn lấy vợ

Trần Hoài Thư, tác giả của nhiều truyện ngắn đăng trên Bách-Khoa từ cuối năm 1966 đến nay dưới bút hiệu Trần-Quý-Sách rồi Trần-Hoài-Thư, đã làm lễ thành hôn cùng cô Nguyễn-Ngọc-Yến tại Saigon ngày 18 tháng 6 vừa qua. Hôn lễ thật đơn giản và thân mật đúng với hoàn cảnh một quân nhân trong thời-chiến và cuộc hôn nhân cũng thật «văn nghệ» vì giai-nhân thương nhà văn chính là qua các sáng tác của anh đã đăng trên tạp chí Bách-Khoa.

Đúng một tháng sau, Lê Phương Chi, tác giả nhiều bài phỏng vấn và đàm thoại trên Bách-Khoa, cũng lại làm lễ thành hôn cùng cô Chu-Tường-Anh tại Saigon ngày 18 tháng 7. Năm ngoái Lê Phương Chi đã một lần suýt nữa lấy vợ : thiệp cưới đã gửi đi và các anh em đã mừng loạn cả lên trên báo chí, rồi cuộc hôn nhân không thành ; năm này thận trọng hơn, anh phải xin các anh em để lễ cưới xong xuôi cho chắc đã rồi hãy báo tin mừng !

Nhà văn mất cắp

Thời buổi chiến tranh, độc giả chán đọc sách khô khan dài dòng mà thích loại chuyện ngắn ngắn. Vì thế Đặng Trần Huân đã hết bực với cuốn tiểu lâm *Chuyện Cẩm Đàn Bà*, và mới đây cuốn *Chuyện Vợ Chồng*.

Nhưng tới cuốn sau này anh đã bị

canh tranh bất chính. Theo tin trên 'tuần báo «Diều hâu» thì một tác giả với bút hiệu Trạng Cười đã cho ấn hành *Tiểu Lâm Vòng Quanh Thế Giới* bán trên thị trường. Hầu hết những chuyện trong cuốn này đều mô phỏng theo *Chuyện Vợ Chồng* của Đặng Trần Huân. Đọc qua chừng 20 trang độc giả thấy điều đó rất rõ ràng.

Nhưng khi đọc hết còn thấy vài chuyện

giống hệt như *Chuyện Vợ Chồng* không sai một dấu phẩy. Người ta có cảm tưởng khi in cuốn tiểu lâm trên, lúc đầu Trạng Cười còn chịu khó sửa sọ sọ để mắt dấu vết đạo văn, nhưng tới gần cuối sách sốt ruột và lười biếng quá nên ông này xé phăng những trang sách trong *Chuyện Vợ Chồng* của Đặng Trần Huân để đưa sắp chữ nhỏ cho nhanh và tiện!

THU THỦY



Nhức đầu
Đông
Budon
TRI:
 Nhức răng nhức môi đau
 lưng đau nhức lúc có
 Kinh lý



GÓP NHẬT CÁT ĐÁ

Thiền sư Muju

Bản dịch của Đỗ-đình Đồng

Tác phẩm viết vào thế kỷ thứ 13 gồm những mẩu chuyện Thiền vui, lạ lùng... như những hạt cát những viên đá ném vào lòng đại dương tiềm thức làm loé lên vùng ánh sáng huyền diệu muốn đời bị bức màn ý thức nhợt nhạt che khuất.

Những hạt cát, những viên đá... dành cho những ai muốn thăm dò, khai phá đường vào và thể nhập với cõi Sáng Lung Linh ấy của chính mình.

Nhà Sách LÁ-BỐI lô O số 121 Chung Cư Minh Mạng Saigon 10 bày bán sách của các nhà xuất bản uy tín : An-Tiêm, Ca-Dao, Cáo-Thơ, Hồng-Hà, Nguyễn-Hiến-Lê, Lửa-Thiên, Thái-Độ, Thời-Mới, Tu-Thư Vạn-Hạnh, Sáng-Tạo, Võ-Tánh, Lá-Bối v.v...

Dành nhiều hoa hồng cho bạn đọc và thân hữu đến viếng mua tại nhà xuất-bản.

ASPRO



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB: TÂN-TRÍ

KN 226.BYT